



HUỖNH VĂN SƠN (Chủ biên)
NGUYỄN CHUNG HẢI – NGUYỄN THANH HUÂN
ĐỖ CÔNG NAM – CAO THANH TẦN – PHAN THỊ LỆ THUY

Kế hoạch bài dạy

môn

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

LỚP

9

(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy
theo sách giáo khoa GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9
Bộ sách CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HUỖNH VĂN SƠN (Chủ biên)

NGUYỄN CHUNG HẢI – NGUYỄN THANH HUÂN

ĐỖ CÔNG NAM – CAO THÀNH TẤN – PHAN THỊ LỆ THUY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

môn

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

LỚP

9

(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy
theo sách giáo khoa GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9 –
Bộ sách Chân trời sáng tạo)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

Lời nói đầu	4
Danh mục các từ viết tắt	5
Bảng mã hoá các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực	6
PHẦN MỘT: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DÀI DẠY THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018	
I. Một số phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở trong môn Giáo dục công dân của Chương trình Giáo dục công dân 2018	7
1. Định hướng về phương pháp dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh trung học trong môn Giáo dục công dân	8
2. Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong môn Giáo dục công dân	10
II. Xây dựng kế hoạch bài dạy Giáo dục công dân 9 trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018	15
1. Định hướng khi xây dựng kế hoạch bài dạy	15
2. Kĩ thuật xây dựng kế hoạch bài dạy môn Giáo dục công dân lớp 9	17
3. Một số lưu ý khi tổ chức đề tài/ bài học Giáo dục đạo đức, Giáo dục kĩ năng sống, Giáo dục kinh tế, Giáo dục pháp luật	25
PHẦN HAI: KẾ HOẠCH BÀI DẠY GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9	
Bài 1: Sống có lí tưởng	33
Bài 2: Khoan dung	47
Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	61
Bài 4: Khách quan và công bằng	75
Bài 5: Bảo vệ hoà bình	89
Bài 6: Quản lí thời gian hiệu quả	103
Bài 7: Thích ứng với thay đổi	117
Bài 8: Tiêu dùng thông minh	129
Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	142
Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	160

Lời nói đầu

Quý thầy cô thân mến!

Năm học 2024 – 2025, cả nước thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, sách giáo khoa mới, theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực đối với lớp 5 và lớp 9. Một trong những vấn đề được nhiều thầy cô quan tâm là xây dựng kế hoạch bài dạy đáp ứng được mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh phổ thông.

Đồng hành với quý thầy cô trong quá trình triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, chúng tôi biên soạn sách Kế hoạch bài dạy môn Giáo dục công dân lớp 9 (Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy theo sách giáo khoa Giáo dục công dân 9 – Bộ sách Chân trời sáng tạo) góp phần cùng quý thầy cô thực hiện nhiệm vụ trên với sự gợi mở và tham vấn một cách tích cực.

Sách Kế hoạch bài dạy môn Giáo dục công dân lớp 9 (Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy theo sách giáo khoa Giáo dục công dân 9 – Bộ sách Chân trời sáng tạo) gồm 2 phần:

PHẦN I. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

Trong phần này, tài liệu trình bày một số phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở trong môn Giáo dục công dân cùng các định hướng và những vấn đề cốt lõi nhất về xây dựng kế hoạch bài dạy nhằm phát triển phẩm chất, năng lực.

PHẦN II. KẾ HOẠCH BÀI DẠY GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

Môn Giáo dục công dân 9 bao gồm 10 chủ đề ứng với 4 mạch nội dung: Giáo dục đạo đức; Giáo dục kĩ năng sống; Giáo dục kinh tế; Giáo dục pháp luật và được phân tách ra làm 10 bài học trong bộ sách Chân trời sáng tạo của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đặc điểm của 10 kế hoạch bài học này là xác định rõ mục tiêu hay còn gọi là kết quả đầu ra mà học sinh cần đạt được sau mỗi bài học. Với các hoạt động, sản phẩm cụ thể được triển khai nhằm đáp ứng mục tiêu cần đạt, kế hoạch bài dạy đảm bảo các yêu cầu cần đạt như một nguyên tắc cơ bản nhất.

Điều này cũng hỗ trợ giáo viên kiểm soát được bài học đã đạt mục tiêu như thế nào, qua các hoạt động và sản phẩm nào.

Chúng tôi hi vọng tài liệu này sẽ giúp ích cho quý thầy cô khi dạy học theo sách giáo khoa Giáo dục công dân 9, bộ sách Chân trời sáng tạo.



Danh mục các từ viết tắt

STT	Viết tắt	Từ, cụm từ
1	CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
2	GDCD	Giáo dục công dân
3	GV	Giáo viên
4	HS	Học sinh
5	PPDH	Phương pháp dạy học
6	SGK	Sách giáo khoa
7	YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

Bảng mã hoá các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực

STT	Mã hoá	Từ, cụm từ
1	CC	Chăm chỉ
2	CD	Điều chỉnh
3	GQVĐ – ST	Giải quyết vấn đề và sáng tạo
4	GT – HT	Giao tiếp hợp tác
5	NA	Nhân ái
6	TN	Trách nhiệm
7	TT	Trung thực
8	YN	Yêu nước

PHẦN MỘT

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

I. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN 2018

– **Mục tiêu chung:** Chương trình môn Giáo dục công dân góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; các năng lực của người công dân Việt Nam, đặc biệt là năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân cũng như yêu cầu của sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hoá, cách mạng công nghiệp mới.

– **Mục tiêu cấp Trung học cơ sở:**

+ Giúp HS có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống.

+ Giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

– **Yêu cầu cần đạt:** Phát triển phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù được thực hiện thông qua nội dung dạy học GDCC. Theo đó, nội dung vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực. Phẩm chất và năng lực vừa là đầu ra của chương trình môn GDCC vừa là điều kiện để HS tự học, tự khám phá, chiếm lĩnh hiệu quả kiến thức môn GDCC.

Chương trình tổng thể xác định 5 phẩm chất chủ yếu mà tất cả các môn học và hoạt

động giáo dục đều phải góp phần giáo dục cho HS là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Tùy theo đặc điểm của mình, mỗi môn học và hoạt động giáo dục góp phần khác nhau trong thực hiện yêu cầu cần đạt trên. GDCC là môn học giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân, đặc biệt là tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật, kĩ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Vì vậy, khác với nhiều môn học và hoạt động giáo dục khác, môn GDCC phải góp phần giáo dục toàn diện cả 5 phẩm chất chủ yếu trên một cách hiệu quả.

– **Yêu cầu cần đạt về năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo** đã nêu trong Chương trình GDPT tổng thể.

– **Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực đặc thù cho HS.**

Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn GDCC:

– Năng lực điều chỉnh hành vi: Năng lực điều chỉnh hành vi của HS được thể hiện qua các thành tố sau đây:

- + Nhận thức chuẩn mực hành vi;
- + Đánh giá hành vi của bản thân và người khác;
- + Điều chỉnh hành vi.

– Năng lực phát triển bản thân: Năng lực phát triển bản thân của HS được thể hiện qua các thành tố sau đây:

- + Tự nhận thức bản thân;
- + Lập kế hoạch phát triển bản thân;
- + Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân.

– Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội của HS được thể hiện qua các thành tố sau đây:

- + Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội;
- + Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội.

1. Định hướng về phương pháp dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực cho HS trung học trong môn Giáo dục công dân

Phát triển phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù được thực hiện thông qua nội dung dạy học môn GDCC. Phẩm chất và năng lực vừa là chuẩn đầu ra của chương trình môn GDCC, vừa là điều kiện để HS tự học, tự khám phá chiếm lĩnh hiệu quả kiến thức GDCC.

Phương pháp dạy học môn GDCC được thực hiện theo các định hướng chung sau đây:

– Chú trọng tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS: Cần phải đổi mới dạy học theo định hướng tổ chức hoạt động cho HS vì phẩm chất và năng lực chỉ có thể được hình thành trong hoạt động và thông qua hoạt động. Khái niệm năng lực đã nêu trong chương trình tổng thể cho thấy đặc điểm cơ bản của năng lực là được hình thành, phát triển thông qua hoạt động và thể hiện sự thành công trong hoạt động thực tiễn. Vì vậy, dạy học theo hướng phát triển năng lực phải coi trọng việc tổ chức hoạt động. Có ba hoạt động chủ yếu cần tổ chức cho HS tham gia tích cực, chủ động là: hoạt động khám phá vấn đề; hoạt động luyện tập; hoạt động thực hành (vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề, xử lý tình huống trong đời sống thực tiễn).

– Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học: Định hướng này đã được chỉ rõ trong chương trình tổng thể môn GDCC là: “Kết hợp sử dụng các PPDH truyền thống với các PPDH hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các PPDH đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp, nêu những tấm gương công dân tiêu biểu, xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày, thảo luận nhóm, đóng vai, dự án,...”. Theo định hướng này, dạy học môn GDCC có thể kết hợp sử dụng các PPDH như: kể chuyện, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai, dự án,...

– Đổi mới hình thức dạy học môn GDCC: Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của môn GDCC đã nêu định hướng này như sau: “Đổi mới hình thức dạy học môn Đạo đức, GDCC, Giáo dục kinh tế và pháp luật theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: kết hợp dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp với ngoài lớp, ngoài trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS”.

Do chương trình có tính mở nên các tác giả SGK, cơ sở giáo dục và GV môn học được chủ động bố trí thời lượng cho tổ chức các hoạt động dạy học ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường nhưng phải phù hợp với nội dung dạy học, đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực đã trình môn GDCC về thời lượng thực hiện chương trình môn học.

– Kết hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội: Phương pháp giáo dục này phù hợp với đặc trưng của môn GDCC vì dạy học môn GDCC nhằm hình thành, phát triển cho HS tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với quy định trong chương trình môn GDCC và bảo đảm thực hiện các quy định của chương chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật trong quan hệ với bản thân, với người khác, với gia đình, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, với công việc và với môi trường tự nhiên.

Kết hợp với gia đình và các tổ chức xã hội trong đánh giá kết quả giáo dục, đặc biệt là đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình) để bảo đảm đánh giá chính xác mức độ HS đạt được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, và đánh giá chính xác sự tiến bộ của HS, thông qua đánh giá kết quả để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho HS. Muốn vậy, GV môn học phải thường xuyên liên hệ với gia đình và các tổ chức xã hội trong việc quản lí, giáo dục HS và phải thiết kế được mẫu phiếu nhận xét thái độ, hành vi của HS trong tham gia các hoạt động học tập, sinh hoạt ở lớp, ở nhà, ở cộng đồng phù hợp với YCCĐ về phẩm chất và năng lực và đảm bảo tính giáo dục.

2. Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong môn Giáo dục công dân

2.1. Dạy học giải quyết vấn đề

Dạy học giải quyết vấn đề không phải là PPDH riêng biệt mà là một tập hợp nhiều PPDH liên kết chặt chẽ và tương tác với nhau, trong đó, việc đặt ra và hướng dẫn HS giải quyết vấn đề trong tình huống giữ vai trò trung tâm, kết hợp với các PPDH khác. Trong dạy học giải quyết vấn đề, HS được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề đó, HS lĩnh hội tri thức, kĩ năng và phương pháp nhận thức. Khi tiến hành dạy học giải quyết vấn đề, cần chú ý bốn bước sau: Nhận biết vấn đề; Lập kế hoạch giải quyết vấn đề; Thực hiện kế hoạch; Kiểm tra, đánh giá và kết luận. Dạy học giải quyết vấn đề có ưu thế hình thành các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung, năng lực môn học.

2.2. Dạy học khám phá

Dạy học khám phá là tổ chức dạy học, trong đó HS tự tìm tòi, khám phá, phát hiện ra tri thức mới thông qua các hoạt động dưới định hướng của GV. Dạy học khám phá có những đặc điểm: HS phát triển quá trình tư duy liên quan đến việc khám phá và tìm hiểu thông qua quá trình quan sát, phân loại, đánh giá, tiên đoán, mô tả và suy luận; GV sử dụng PPDH đặc trưng hỗ trợ quá trình khám phá và tìm hiểu của HS; Giáo trình giảng dạy hay sách không phải là nguồn thông tin, kiến thức duy nhất cho HS; Kết luận sau khi khám phá được đưa ra với mục đích thảo luận chứ không phải là khẳng định cuối cùng; HS phải lập kế hoạch, tiến hành và đánh giá quá trình học của mình với sự hỗ trợ của GV.

Khi tiến hành dạy học khám phá cần chú ý hai giai đoạn là chuẩn bị và tổ chức học tập khám phá, đặc biệt là giai đoạn tổ chức học tập khám phá. Dạy học khám phá có ưu thế hình thành các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung, năng lực môn học.

2.3. Dạy học dựa trên dự án

Dạy học dựa trên dự án là tổ chức dạy học, trong đó HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới

thiệu, trình bày. Dạy học dựa trên dự án có những đặc điểm: Định hướng thực tiễn; Tạo hứng thú người học; Tích hợp liên môn; Định hướng hành động; Tính tự lực của người học; Cộng tác làm việc; Định hướng sản phẩm. Khi tiến hành dạy học dựa trên dự án cần chú ý ba giai đoạn là chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và báo cáo và đánh giá dự án. Dạy học dựa trên dự án có ưu thế hình thành các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung, năng lực môn học cho các em HS.

2.4. Dạy học hợp tác

Dạy học hợp tác là tổ chức dạy học, trong đó HS làm việc theo nhóm để cùng nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề đặt ra. Dạy học hợp tác có những đặc điểm như: Có hoạt động xây dựng nhóm; Có sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực; Có ràng buộc trách nhiệm cá nhân – trách nhiệm nhóm; Hình thành và phát triển kĩ năng hợp tác. Khi tiến hành dạy học hợp tác, đặc biệt chú ý hai giai đoạn là giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn tổ chức dạy học hợp tác. Giai đoạn nào cũng có vị trí, vai trò trong quá trình dạy học, tuy nhiên, ở giai đoạn tổ chức hợp tác có tính chất quyết định thể hiện ở việc giao nhiệm vụ học tập cho HS, HS thực hiện nhiệm vụ học tập hợp tác và trình bày cũng như đánh giá kết quả hoạt động hợp tác. Dạy học hợp tác có ưu thế hình thành các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung, năng lực môn học.

2.5. Dạy học theo kĩ thuật khăn trải bàn

Kĩ thuật khăn trải bàn là tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác, kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm. HS sử dụng giấy khổ lớn để ghi nhận ý kiến cá nhân và ý kiến thống nhất chung của nhóm vào các phần được bố trí như khăn trải bàn.

2.6. Dạy học theo kĩ thuật mảnh ghép

Kĩ thuật mảnh ghép là tổ chức hoạt động học tập hợp tác, trong đó HS sẽ hoàn thành một nhiệm vụ phức hợp qua hai vòng. Đầu tiên, HS hoạt động theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ thành phần sao cho mỗi cá nhân trở thành chuyên gia của vấn đề được giao. Sau đó, chuyên gia thuộc các vấn đề khác nhau sẽ kết hợp trong nhóm mới, chia sẻ lại vấn đề đã tìm hiểu để cùng giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.

2.7. Dạy học theo kĩ thuật phòng tranh

Kĩ thuật phòng tranh là tổ chức hoạt động học tập trong đó các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS được trưng bày như một phòng triển lãm tranh. HS di chuyển, quan sát các sản phẩm của HS khác, đặt câu hỏi và nêu ra nhận xét hoặc ý kiến góp ý. Sau đó, GV tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân hoặc nhóm.

2.8. Dạy học theo kĩ thuật sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy (còn được gọi là bản đồ khái niệm hay giản đồ ý) là trình bày thông tin trực quan. Thông tin được sắp theo thứ tự ưu tiên và biểu diễn bằng các từ khoá, hình ảnh,... Thông thường, chủ đề hoặc ý tưởng chính được đặt ở trung tâm và các ý con sẽ được gắn vào theo nhiều dạng thức sơ đồ khác nhau: sơ đồ nhánh, sơ đồ hoa nan, sơ đồ xương cá,...

Một số lưu ý về phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực:

** Đặc trưng của các PPDH tích cực:*

PPDH tích cực được dùng để chỉ các PPDH theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. PPDH tích cực hướng tới việc hoạt động hoá, tích cực hoá các hoạt động nhận thức của người học, nghĩa là tập trung vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy. Tuy nhiên, để dạy học theo phương pháp tích cực thì GV phải nỗ lực nhiều hơn so với dạy theo phương pháp thụ động. PPDH tích cực nhấn mạnh việc lấy hoạt động học làm trung tâm của quá trình dạy học, nghĩa là nhấn mạnh hoạt động học và vai trò của HS trong quá trình dạy học, khác với cách tiếp cận truyền thống lâu nay là nhấn mạnh hoạt động dạy và vai trò của GV. Mặc dù có thể được thể hiện qua nhiều phương pháp khác nhau nhưng nhìn chung các phương pháp dạy học tích cực đều có những đặc trưng cơ bản sau:

a) Dạy học là tổ chức các hoạt động học tập của HS

Trong phương pháp dạy học tích cực, HS được cuốn hút vào các hoạt động học tập do GV tổ chức và chỉ đạo, thông qua đó, HS tự lực khám phá những điều mình chưa rõ chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được GV sắp đặt. Được đặt vào những tình huống của đời sống thực tế, HS trực tiếp quan sát, thảo luận, làm thí nghiệm, giải quyết vấn đề đặt ra theo cách suy nghĩ của mình, từ đó nắm được kiến thức kĩ năng mới, vừa nắm được phương pháp chiếm lĩnh kiến thức, kĩ năng đó, không rập theo những khuôn mẫu sẵn có, được bộc lộ và phát huy tiềm năng sáng tạo. Dạy học theo cách này GV không chỉ giản đơn truyền đạt tri thức mà còn hướng dẫn hành động cho HS.

b) Dạy học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học

Các PPDH tích cực xem việc rèn luyện phương pháp học tập cho HS không chỉ là một biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học mà còn là một mục tiêu dạy học. Trong các phương pháp học thì cốt lõi là phương pháp tự học. Nếu rèn luyện cho người học có được phương pháp, kĩ năng, thói quen, ý chí tự học thì sẽ tạo cho họ sự ham học, khơi dậy nội lực vốn có trong mỗi con người, kết quả học tập sẽ được nhân lên gấp bội. Vì vậy, cần phải nhấn mạnh mặt hoạt động học trong quá trình dạy học, nỗ lực tạo ra sự chuyển biến từ học tập thụ động sang tự học chủ động, đặt vấn đề phát triển tự học ngay trong nhà trường phổ

thông, không chỉ tự học ở nhà sau bài lên lớp mà tự học cả trong tiết học có sự hướng dẫn của GV.

c) Dạy học tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác

Trong một lớp học, nếu trình độ kiến thức, tư duy của HS không thể đồng đều tuyệt đối thì khi áp dụng phương pháp tích cực phải có sự phân hoá về cường độ, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, nhất là khi bài học được thiết kế thành một chuỗi hoạt động độc lập. Áp dụng phương pháp tích cực ở trình độ càng cao thì sự phân hoá này càng lớn. Tuy nhiên, trong học tập, không phải mọi tri thức, kĩ năng, thái độ đều được hình thành bằng những hoạt động độc lập cá nhân. Lớp học là môi trường giao tiếp giữa GV – HS và HS – HS, tạo nên mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân trên con đường chiếm lĩnh nội dung học tập. Thông qua thảo luận, tranh luận trong tập thể, ý kiến mỗi cá nhân được bộc lộ, khẳng định hay bác bỏ, qua đó, người học nâng mình lên một trình độ mới. Được sử dụng phổ biến trong dạy học hiện nay là hoạt động hợp tác trong nhóm nhỏ. Học tập hợp tác làm tăng hiệu quả học tập, nhất là lúc phải giải quyết những vấn đề gay gắt, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chung.

d) Dạy học có sự kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò

Trong quá trình dạy học, việc đánh giá HS không chỉ nhằm mục đích nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động học của trò mà còn đồng thời tạo điều kiện nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động dạy của thầy. Trong phương pháp tích cực, GV phải hướng dẫn HS phát triển kĩ năng tự đánh giá để tự điều chỉnh cách học. Liên quan với điều này, GV cần tạo điều kiện thuận lợi để HS được tham gia đánh giá lẫn nhau.

Trong PPDH tích cực, GV không còn đơn thuần là người truyền đạt kiến thức mà trở thành người có vai trò thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm nhỏ. Nói cách khác, GV phải là người gợi mở, động viên, cố vấn, trọng tài,... trong các hoạt động tìm hiểu, khám phá, tranh luận sôi nổi của HS. Từ đó, HS chủ động, tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, đạt được các mục tiêu kiến thức, kĩ năng, thái độ theo yêu cầu của chương trình. Như vậy, để tiết học đạt được yêu cầu giáo dục phát triển năng lực, phẩm chất, trong khi soạn giáo án GV phải đầu tư công sức và thời gian rất nhiều so với cách dạy truyền thống (lấy việc truyền thụ kiến thức là chính). GV phải có trình độ chuyên môn sâu rộng cùng năng lực sư phạm vững vàng mới có thể tổ chức, hướng dẫn các hoạt động của HS trong tiết học với những tình huống diễn ra ngoài dự kiến, kiểm soát của họ.

Với các đặc trưng trên, có nhiều PPDH tích cực (“Bàn tay nặn bột”, Dạy học giải quyết vấn đề, Dạy học khám phá, Dạy học dự án, Mô hình 5E,...) nhưng đều có một điểm chung là thiết kế tiến trình dạy học mỗi bài học (theo chủ đề) thành một chuỗi hoạt động học bắt đầu bằng một hoạt động mở đầu, xác định vấn đề cần giải quyết cho cả bài học ấy.

Sau khi HS đã ý thức được vấn đề cần giải quyết trong bài học sẽ xuất hiện nhu cầu cần học thêm kiến thức mới để giải quyết vấn đề, dẫn tới hoạt động tiếp theo giúp HS chiếm lĩnh kiến thức mới cần dạy trong bài này. Khi đã học được kiến thức mới để giải quyết vấn đề đặt ra từ hoạt động mở đầu, đòi hỏi phải tổ chức cho HS luyện tập (thông qua hệ thống câu hỏi, hệ thống bài tập, làm thí nghiệm, làm thực hành) nhằm nắm vững kiến thức mới học và phát triển các kĩ năng. Cuối cùng, để đạt được mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực, HS cần được giao nhiệm vụ vận dụng kiến thức, kĩ năng mới học để giải quyết những vấn đề trong các tình huống thực tiễn. Đi sâu vào đặc trưng của mỗi phương pháp thì các hoạt động nói trên sẽ được tổ chức theo một cách thức khác nhau, phù hợp với nội dung kiến thức, kĩ năng và phẩm chất, năng lực cần phát triển cho HS. Sự khác nhau giữa các phương pháp, chủ yếu là ở nội dung của tính chất trong hoạt động dạy học.

** Đặc trưng của các kĩ thuật dạy học tích cực*

Để tổ chức các hoạt động học cho HS, có rất nhiều kĩ thuật dạy học tích cực mà GV đã được tiếp cận, sử dụng ngay từ khi đào tạo trong trường sư phạm cũng như quá trình tập huấn thường xuyên (động não, bản đồ tư duy, khăn trải bàn, XYZ, mảnh ghép,...). Tuy nhiên, tất cả các kĩ thuật dạy học đều có một điểm chung là phải trải qua bốn bước cơ bản: chuyển giao nhiệm vụ; thực hiện nhiệm vụ; báo cáo, thảo luận; kết luận, nhận định. Để thực hiện tốt phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực, trong kế hoạch bài dạy cần xây dựng như sau:

(1) Mỗi bài dạy cần xây dựng theo chủ đề để thực hiện trong nhiều tiết học; bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để HS thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần đảm bảo yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kĩ năng. Hoạt động vận dụng chủ yếu được giao cho HS thực hiện ở ngoài lớp học.

(2) Trong kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của GV, HS mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của GV: GV giao nhiệm vụ/ yêu cầu/ quan sát/ theo dõi/ hướng dẫn/ nhận xét/ gợi ý/ kiểm tra/ đánh giá; HS đọc/ nghe/ nhìn/ viết/ trình bày/ báo cáo/ thí nghiệm/ thực hành/ làm.

(3) Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học:

– Chuyển giao nhiệm vụ (GV giao, HS nhận): Trình bày cụ thể GV giao nhiệm vụ cho HS (đọc/ nghe/ nhìn/ làm) với thiết bị dạy học/ học liệu cụ thể để tất cả HS đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

– Thực hiện nhiệm vụ (HS thực hiện, GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể HS thực hiện nhiệm vụ (đọc/ nghe/ nhìn/ làm) theo yêu cầu của GV; dự kiến những khó khăn mà HS có thể gặp phải kèm theo biện pháp cần hỗ trợ; dự kiến các mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

– Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể “ý đồ” lựa chọn các nhóm HS báo cáo và cách thức cho HS báo cáo (có thể chỉ 1 – 2 nhóm; viết lên bảng hay dùng giấy A0 hay máy chiếu, thuyết trình). Nêu rõ cần làm rõ những nội dung/ yêu cầu nào để HS ghi nhận, thực hiện.

– Kết luận, nhận định (GV “chốt”): Trình bày cụ thể sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học); Làm rõ vấn đề cần giải quyết, giải thích; nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9 TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

1. Định hướng khi xây dựng kế hoạch bài dạy

Đối với mỗi bài học, GV phải xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học theo phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực (12 tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài dạy tại Công văn số 5555/BGDĐT – GDTrH ngày 08/10/2014). Cụ thể, mỗi kế hoạch bài dạy phải thể hiện rõ nội dung kiến thức cần dạy (nêu cụ thể nội dung kiến thức HS cần học trong bài để thực hiện được yêu cầu cần đạt của nội dung/ chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/ hoạt động giáo dục) làm cơ sở thực hiện mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực của HS gắn với nội dung kiến thức đó. Mục tiêu và tiến trình tổ chức các hoạt động học của HS trong mỗi bài học như sau:

1.1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ nhiệm vụ học tập/ mở đầu (*Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động*)

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp HS xác định được vấn đề/ nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/ thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.

b) Nội dung: Mô tả hoạt động của HS để xác định vấn đề cần giải quyết/ nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/ cách thức thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành: viết, trình bày được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.

d) Tổ chức hoạt động: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho HS từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

1.2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/ giải quyết vấn đề/ thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (*Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động*)

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/ giải quyết vấn đề/ thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

b) Nội dung: Mô tả hoạt động của HS với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/ xem/ nghe/ nói/ làm) để chiếm lĩnh/ vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/ nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/ kết quả giải quyết vấn đề/ thực hiện nhiệm vụ học tập mà HS cần viết ra, trình bày được.

d) Tổ chức thực hiện: Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của HS.

1.3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho HS.

b) Nội dung: Trình bày cụ thể hệ thống câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm giao cho HS thực hiện.

c) Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho HS; hướng dẫn hỗ trợ HS thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

1.4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của HS thông qua nhiệm vụ/ yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn.

b) Nội dung: Mô tả rõ yêu cầu HS phát hiện/ đề xuất các vấn đề/ tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.

c) Sản phẩm: Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/ vấn đề trong thực tiễn.

d) Tổ chức thực hiện: Giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/ hoạt động giáo dục của GV.

Ghi chú:

– Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để HS thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kĩ năng.

Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài học phù hợp và chủ yếu được giao cho HS thực hiện ở ngoài lớp học.

– Trong kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của GV, HS mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của GV: GV giao nhiệm vụ/ yêu cầu/ quan sát/ theo dõi/ hướng

dẫn/ nhận xét/ gợi ý/ kiểm tra/ đánh giá; HS đọc/ nghe/ nhìn/ viết/ trình bày/ báo cáo/ thí nghiệm/ thực hành/ làm.

2. Kỹ thuật xây dựng kế hoạch bài dạy môn Giáo dục công dân lớp 9

2.1. Yêu cầu chung về xây dựng kế hoạch bài dạy

Để đảm bảo các nguyên tắc tổ chức hoạt động học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS, mỗi bài học thường nhằm giải quyết một vấn đề/ nhiệm vụ học tập tương đối hoàn chỉnh, từ việc hình thành kiến thức, kỹ năng mới đến vận dụng chúng vào giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn. Kế hoạch tổ chức hoạt động học trong kế hoạch bài dạy ở mỗi bài học cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Chuỗi hoạt động học của HS thể hiện rõ tiến trình sư phạm của PPDH tích cực được áp dụng trong toàn bộ bài học. Nhìn chung, tiến trình hoạt động học của HS theo các PPDH tích cực đều phù hợp với tiến trình nhận thức chung: huy động những kiến thức, kỹ năng của mình để giải quyết tình huống/ câu hỏi/ vấn đề/ nhiệm vụ học tập; nhận thức được sự chưa đầy đủ về kiến thức, kỹ năng của mình; xuất hiện nhu cầu và học tập để bổ sung, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng mới; vận dụng kiến thức, kỹ năng mới để tiếp tục giải quyết tình huống/ câu hỏi/ vấn đề/ nhiệm vụ học tập ban đầu và các tình huống/ câu hỏi/ vấn đề/ nhiệm vụ học tập mới;...

- Mỗi hoạt động học tương ứng với một nhiệm vụ học tập giao cho HS, thể hiện rõ: mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành. Mỗi bài học có thể được thực hiện ở nhiều tiết học nên một nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong và ngoài lớp học. Trong một tiết học, chỉ nên thực hiện một số hoạt động học trong tiến trình bài học sao cho phù hợp, hiệu quả.

- Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài học phải đảm bảo sự phù hợp với từng hoạt động học đã xây dựng. Việc sử dụng các thiết bị dạy học và học liệu đó được thể hiện rõ trong phương thức hoạt động học và sản phẩm học tập tương ứng mà HS phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học.

- Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học phải đảm bảo sự đồng bộ với phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng. Cần tăng cường đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập, thông qua các sản phẩm học tập mà HS đã hoàn thành; tăng cường hoạt động tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS.

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT – GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GD&ĐT)

Trường: **Họ và tên GV:**

Tổ:

TÊN BÀI DẠY:

Môn học/ Hoạt động giáo dục:; lớp:.....

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Nêu cụ thể YCCĐ về kiến thức HS cần học trong bài để thực hiện được YCCĐ của nội dung/ chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/ hoạt động giáo dục.

2. Năng lực: Nêu cụ thể yêu cầu HS làm được gì (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức theo YCCĐ của chương trình môn học/ hoạt động giáo dục.

3. Phẩm chất: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ nhiệm vụ học tập/ mở đầu (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp HS xác định được vấn đề/ nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/ thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.

b) Nội dung: Nêu nội dung yêu cầu/ nhiệm vụ cụ thể mà HS phải thực hiện (xử lý tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành,...) để xác định vấn đề cần giải quyết/ nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/ cách thức thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/ nhiệm vụ mà HS phải hoàn thành: kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho HS từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/ giải quyết vấn đề/ thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (*Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động*)

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/ giải quyết vấn đề/ thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

b) Nội dung: Nêu nội dung yêu cầu/ nhiệm vụ cụ thể của HS làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/ xem/ nghe/ nói/ làm) để chiếm lĩnh/ vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/ nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/ kết quả giải quyết vấn đề/ thực hiện nhiệm vụ học tập mà HS cần viết ra, trình bày được.

d) Tổ chức thực hiện: Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của HS.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho HS.

b) Nội dung: Nêu nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho HS thực hiện.

c) Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện: Nêu cách thức giao nhiệm vụ cho HS; hướng dẫn hỗ trợ HS thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu phát triển năng lực của HS thông qua nhiệm vụ/ yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).

b) Nội dung: Mô tả yêu cầu HS phát hiện/ đề xuất các vấn đề/ tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.

c) Sản phẩm: Nêu yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/ vấn đề trong thực tiễn.

d) Tổ chức thực hiện: Giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/ hoạt động giáo dục của GV.

2.2. Kỹ thuật xây dựng kế hoạch bài học

Căn cứ vào đặc thù tri thức của môn GDCTD và những đặc trưng của phương pháp dạy học tích cực, khi thiết kế hoạt động dạy học trong kế hoạch bài dạy cần hình dung chuỗi hoạt động học sẽ tổ chức cho HS thực hiện. Bản chất của việc thiết kế hoạt động dạy học môn GDCTD 9 theo phương pháp dạy học tích cực là tổ chức cho HS phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua chuỗi hoạt động học với các nhiệm vụ học tập cụ thể, theo con đường nhận thức chung như sau:

- Xác định nhiệm vụ, tình huống, vấn đề học tập.
- Tìm tòi, khám phá, lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng mới.
- Thực hành, luyện tập, củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được nhằm giải quyết tình huống/ vấn đề học tập.
- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để phát hiện và giải quyết các tình huống/ vấn đề thực tiễn.

Dựa trên các chủ đề/ bài học trong SGK GDCTD 9, tổ/ nhóm chuyên môn tổ chức cho GV thảo luận, lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học, phương tiện và thiết bị dạy học phù hợp để xây dựng kế hoạch bài học, trong đó tập trung vào thiết kế chuỗi các hoạt động học theo tiến trình sư phạm của các phương pháp dạy học tích cực. Cụ thể như sau:

- Với hoạt động mở đầu (tạo tình huống xuất phát):

Mục đích: Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong SGK, các tài liệu học tập; làm bộc lộ “cái” HS đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp HS suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập. Vì vậy, các câu hỏi/ nhiệm vụ trong các hoạt động này là những câu hỏi/ vấn đề mở, không cần có câu trả lời hoàn chỉnh. Kết thúc hoạt động này, GV không chốt về nội dung kiến thức mà chỉ giúp HS phát biểu được vấn đề để HS chuyển sang các hoạt động tiếp theo nhằm bổ sung những kiến thức, kỹ năng mới, qua đó tiếp tục hoàn thiện câu trả lời hoặc giải quyết được vấn đề.

Cách tiến hành: Thông qua các câu hỏi/ tình huống có vấn đề để HS huy động kiến thức, kỹ năng có liên quan, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi gợi mở hoặc đưa ra ý kiến nhận xét về những vấn đề có liên quan đến nội dung sẽ học (bản khóa, dự đoán tình huống sẽ xảy ra, dự đoán câu trả lời,...). GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong bài học/ chủ đề.

Câu hỏi cần giải quyết cho các hoạt động này: Tình huống/ câu hỏi/ lệnh xuất phát nhằm huy động kiến thức/ kỹ năng/ kinh nghiệm sẵn có nào của HS (HS đã học kiến thức/ kỹ năng đó khi nào?). Vận dụng kiến thức/ kỹ năng/ kinh nghiệm đã có đó thì HS có thể trả

lời câu hỏi/ thực hiện lệnh đã nêu đến mức độ nào? Dự kiến các câu trả lời/ sản phẩm học tập mà HS có thể hoàn thành.

Để hoàn thiện câu trả lời/ sản phẩm học tập nói trên, HS cần vận dụng kiến thức/ kĩ năng mới nào sẽ học ở phần tiếp theo trong Hoạt động hình thành kiến thức (có thể không phải là toàn bộ kiến thức/ kĩ năng mới trong bài).

– Với các hoạt động khám phá để hình thành kiến thức, kĩ năng, giá trị:

Mục đích: Giúp HS chiếm lĩnh kiến thức, tìm hiểu biểu hiện của chuẩn mực hành vi, sự cần thiết và cách thực hiện chuẩn mực hành vi đó cũng như mô hình của kĩ năng, biểu tượng lõi của giá trị. Trên cơ sở các kiến thức, kĩ năng mới, HS sẽ thay đổi những quan niệm chưa đúng, bổ sung những quan niệm chưa đầy đủ về vấn đề liên quan đến nội dung học tập nhằm hình thành nền tảng của phẩm chất và năng lực tương ứng.

Cách tiến hành: Đối với việc tìm hiểu biểu hiện của chuẩn mực hành vi, GV tổ chức, hướng dẫn, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để hướng dẫn HS tìm hiểu mẫu hành vi thông qua các hoạt động như: đọc SGK, nghiên cứu tư liệu học tập, sử dụng học liệu; tự nghiên cứu, thực hành, hoạt động trải nghiệm;... Sau các hoạt động, GV cần hướng dẫn để HS tự kết luận về biểu hiện của chuẩn mực hành vi đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật và kinh tế mà các em tiếp nhận được thông qua các hoạt động.

Đối với hoạt động tìm hiểu sự cần thiết thực hiện chuẩn mực hành vi, GV có thể sử dụng phương pháp tổ chức trò chơi hoặc thảo luận nhóm để HS chia sẻ, trao đổi với các bạn trong nhóm và GV.

Đối với hoạt động tìm hiểu cách thực hiện chuẩn mực hành vi, GV cần giảng giải tỉ mỉ về các bước thực hiện và làm mẫu, sau đó, tổ chức cho HS hoạt động bắt chước theo mẫu ở nhiều dạng thức khác nhau.

Ngoài ra, GV cũng có thể sử dụng các bài tập, câu hỏi, tình huống phù hợp để HS tự khám phá và tích cực trao đổi, suy nghĩ và cân nhắc, đúc kết kinh nghiệm.

Câu hỏi cần giải quyết cho các hoạt động này: Kiến thức mới mà HS phải chiếm lĩnh được của bài học là gì? HS sẽ chiếm lĩnh kiến thức đó bằng cách nào? Cụ thể là HS phải thực hiện các hành động (đọc/ nghe/ nhìn/ làm) gì? Qua hành động (đọc/ nghe/ nhìn/ làm), HS thu được kiến thức gì? Kiến thức đó giúp cho việc hoàn thiện câu trả lời/ sản phẩm học tập ở hoạt động khởi động như thế nào?

Nếu có lệnh/ câu hỏi trong các hoạt động khám phá thì cần làm rõ: Lệnh/ câu hỏi đó có liên hệ thế nào với lệnh/ câu hỏi ở hoạt động khởi động hay không? Câu trả lời/ sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành là gì? HS sử dụng kiến thức nào để trả lời câu hỏi/ thực hiện lệnh đó?

– Với các hoạt động luyện tập:

Mục đích: Giúp HS được hoàn thiện hiểu biết; củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức, kĩ năng đã chiếm lĩnh được, hình thành thái độ đúng đắn trước các hành vi đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật và kinh tế; đồng thời, GV biết được mức độ hiểu biết/ lĩnh hội kiến thức của HS để điều chỉnh các hoạt động dạy học. Thái độ là cơ sở của hành vi nên việc tổ chức hoạt động này rất cần thiết. Thông qua hoạt động này, HS hình thành được thái độ đồng tình, ủng hộ các hành vi tích cực; không đồng tình, phê phán các hành vi tiêu cực.

Cách tiến hành: Đây là hoạt động HS phải vận dụng những hiểu biết đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể tương tự các bài tập/ tình huống đã học nhưng có thay đổi các dữ liệu ban đầu để củng cố tri thức. GV có thể tổ chức, hướng dẫn cho HS tham gia các hoạt động như: liên hệ với các sự vật, hiện tượng, sự kiện, đối tượng, tình huống trong đời sống thực tế xung quanh mà các em biết; liên hệ với những thái độ, hành vi của chính bản thân mình hoặc của người khác; nhận xét thái độ, hành vi của bản thân hoặc người khác; xử lý tình huống; bày tỏ thái độ với các ý kiến liên quan;... để từ đó, các em củng cố kiến thức, kĩ năng và hình thành thái độ tích cực cho bản thân.

Câu hỏi/ bài tập/ tình huống/ nhiệm vụ được sử dụng trong hoạt động luyện tập cần phải phù hợp với nội dung bài học, đặc điểm tâm sinh lí, khả năng, điều kiện học tập và thực tế cuộc sống của HS. HS có thể được hướng dẫn hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm để hoàn thành các câu hỏi, bài tập, bài thực hành,...

Câu hỏi cần giải quyết cho các hoạt động này: Nêu rõ mục đích của mỗi câu hỏi/ bài tập luyện tập trong bài học. Cụ thể là câu hỏi/ bài tập đó nhằm hình thành/ phát triển kĩ năng nào? (Nếu có nhiều hơn một câu hỏi/ bài tập cho việc hình thành/ phát triển một kĩ năng, cần giải thích tại sao?).

– Với các hoạt động vận dụng:

Mục đích: HS được củng cố kiến thức, kĩ năng, tăng cường ý thức và năng lực thường xuyên vận dụng những điều đã học được để phát hiện và giải quyết các vấn đề có thực trong học tập và trong cuộc sống; có ý thức tự tìm hiểu, mở rộng kiến thức, thói quen điều chỉnh hành vi, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Hoạt động này đồng thời còn giúp GV đánh giá được mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của HS về phẩm chất và năng lực.

Cách tiến hành: HS vận dụng tri thức của bản thân, bao gồm: những kiến thức, kĩ năng (vừa chiếm lĩnh được), kinh nghiệm của bản thân đã được tích lũy trong nhiều tình huống tương tự để làm các bài tập lí thuyết, bài tập thực hành, giải các bài tập/ tình huống mô phỏng thực tế cuộc sống trong và ngoài nhà trường hoặc nêu phương án giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

Trong các hoạt động vận dụng và mở rộng, cần chú trọng các hoạt động rèn luyện thói quen thực hiện chuẩn mực hành vi. Để giúp HS thực hành, rèn luyện thói quen thực hiện theo chuẩn mực hành vi, GV cần chú trọng tổ chức các hoạt động xử lý tình huống thực tiễn, giúp HS thực hành chuẩn mực hành vi bằng nhiều hình thức như trình bày, báo cáo trước lớp; đóng vai để giải quyết tình huống;... Thông qua việc tham gia các hoạt động xử lý tình huống, HS được tự mình trải nghiệm. Tri thức, thái độ và hành vi nhờ đó được hình thành, phát triển một cách bền vững hơn. Các hoạt động rèn luyện thói quen thực hiện chuẩn mực hành vi cần được tổ chức phù hợp với điều kiện sống và học tập của HS. GV cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều HS tham gia một cách tự nguyện; khuyến khích những HS có sản phẩm chia sẻ với các bạn trong lớp.

Thông qua các nguồn tài liệu như: sách/ tài liệu tham khảo bằng bản in hoặc Internet; các bản báo cáo, thuyết trình; các sự kiện, hiện tượng, nhân vật, tình huống, trường hợp mà các em đã biết trong thực tế cuộc sống;... HS làm bài tập nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, hợp tác với các bạn trong nhóm, trong lớp, GV, gia đình và những người khác trong cộng đồng để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế giải quyết vấn đề, ứng dụng các kiến thức đã học. HS có thể tự đưa ra những tình huống, bài tập và giải quyết theo cách riêng của mình hoặc trao đổi trong cặp đôi, trong nhóm, thống nhất cách làm chung, tìm giải pháp, kết quả chung; báo cáo kết quả trước lớp hoặc GV.

Câu hỏi cần giải quyết cho các hoạt động này: HS được yêu cầu vận dụng kiến thức vào giải quyết một điều gì trong cuộc sống? Cần thay đổi gì trong hành vi, thái độ của bản thân HS? Đề xuất với gia đình, bạn bè,... thực hiện điều gì trong học tập/ cuộc sống? HS được yêu cầu đào sâu/ mở rộng thêm gì về những kiến thức có liên quan đến bài học? Lịch sử hình thành kiến thức? Thông tin về các nhà khoa học tìm ra kiến thức? Những ứng dụng của kiến thức trong đời sống, kĩ thuật? HS cần trình bày/ báo cáo/ chia sẻ các kết quả hoạt động nói trên như thế nào? Dưới hình thức nào?

Tóm lại, khi tổ chức thực hiện chuỗi hoạt động học nhằm phát triển năng lực cho HS, GV nên tập trung vào dạy học gắn liền với tình huống thực tiễn, lấy tình huống thực tiễn làm phương tiện để truyền đạt, vận dụng kiến thức. Tình huống cần mang tính phổ quát và đa dạng hoá ở các loại hình, có thể là những tình huống thực tiễn có vấn đề cần giải quyết như va chạm giao thông, mâu thuẫn bạn bè,... hoặc cũng có thể là một tấm gương, câu chuyện thực tiễn, một thông tin có tính thời sự để làm phương tiện dạy học. Tình huống thực tiễn có thể do GV hoặc HS đưa ra, đặc biệt để phát triển năng lực HS thì phải tạo điều kiện để HS đưa ra tình huống thực tiễn và vận dụng kiến thức, kĩ năng vào giải quyết tình huống thực tiễn đó.

2.3. Tổ chức hoạt động trong kế hoạch bài dạy

Theo quan điểm dạy học định hướng phát triển năng lực HS, việc tổ chức các hoạt động trong kế hoạch bài dạy bao gồm một hệ thống các hành động có mục đích của GV, nhằm đảm bảo cho HS chiếm lĩnh được nội dung dạy học, đạt được mục tiêu xác định.

Trong quá trình dạy học, GV tổ chức định hướng hành động chiếm lĩnh tri thức của HS phỏng theo tiến trình của chu trình sáng tạo khoa học. Như vậy, chúng ta có thể hình dung diễn biến của việc tổ chức các hoạt động trong kế hoạch bài dạy như sau:

- GV tổ chức tình huống, giao nhiệm vụ cho HS một cách có kĩ thuật. HS hăng hái đảm nhận nhiệm vụ, gặp khó khăn, nảy sinh vấn đề cần tìm tòi, giải quyết. Dưới sự chỉ đạo, tổ chức hay những biện pháp điều chỉnh vai trò của GV, vấn đề được diễn đạt chính xác hoá, phù hợp với mục tiêu dạy học và các nội dung cụ thể đã xác định.

- HS tự chủ tìm tòi, giải quyết vấn đề đặt ra. Với sự theo dõi, định hướng, giúp đỡ của GV, hoạt động học của HS diễn ra theo một tiến trình hợp lí, phù hợp với những đòi hỏi phương pháp luận.

- GV nhận xét sự trao đổi, tranh luận của HS, bổ sung, tổng kết, khái quát hoá, thể chế hoá tri thức, kiểm tra kết quả học phù hợp với mục tiêu dạy học các nội dung cụ thể đã xác định.

Tổ chức tiến trình tổ chức hoạt động trong kế hoạch bài dạy như vậy, lớp học có thể được chia thành từng nhóm nhỏ. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của tiết học, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Trong nhóm nhỏ, mỗi thành viên đều phải làm việc tích cực, không thể ỷ lại vào một vài người hiểu biết và năng động hơn. Các thành viên trong nhóm giúp đỡ nhau tìm hiểu vấn đề nêu ra trong không khí thi đua với các nhóm khác. Kết quả làm việc của mỗi nhóm sẽ đóng góp vào kết quả học tập chung của cả lớp. Các kĩ thuật dạy học tích cực như sẽ được sử dụng trong tổ chức hoạt động nhóm trên lớp để thực hiện các nhiệm vụ nhỏ nhằm đạt mục tiêu dạy học.

Như vậy, mỗi bài học bao gồm các hoạt động học theo tiến trình sư phạm của PPDH tích cực được sử dụng đã đan cài trong kế hoạch bài dạy. Mỗi hoạt động học có thể sử dụng phương pháp kĩ thuật dạy học tích cực nào đó để tổ chức nhưng đều được thực hiện theo các bước như sau:

Chuyển giao nhiệm vụ học tập: nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của HS, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà HS phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của HS; đảm bảo cho tất cả HS tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện nhiệm vụ học tập: khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của HS và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả; không có HS bị “bỏ quên”.

Báo cáo kết quả và thảo luận: hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho HS trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lí những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lí.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập: nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của HS; chính xác hoá các kiến thức mà HS đã học được thông qua hoạt động.

3. Một số lưu ý khi tổ chức đề tài/ bài học Giáo dục đạo đức, Giáo dục kĩ năng sống, Giáo dục kinh tế, Giáo dục pháp luật

3.1. Lưu ý khi tổ chức đề tài/ bài học Giáo dục đạo đức

Với mạch nội dung Giáo dục đạo đức, việc đảm bảo các yêu cầu chung của kế hoạch bài dạy là yêu cầu bắt buộc. Tuy nhiên, có thể chú ý đến một số gợi mở được xét trên các giai đoạn trong kế hoạch bài dạy cụ thể như sau:

*** Giai đoạn mở đầu**

GV tổ chức hoạt động khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, khơi gợi cảm xúc của các em về vấn đề thực tiễn liên quan đến giá trị, phẩm chất đạo đức. Hoạt động nhằm thu thập thông tin về kiến thức nền của HS, giúp các em phát hiện vấn đề của bài học và tạo hứng thú học tập về giá trị, phẩm chất đạo đức có liên quan. Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới khai thác kiến thức nền xung quanh các tình huống, các hoạt động đa dạng diễn ra hằng ngày xung quanh các em.

Các câu hỏi/ yêu cầu thường là:

- Em chia sẻ thông tin về...
- Tại sao biểu hiện đó lại xảy ra?
- Trường hợp nào đang diễn ra ở nơi em sinh sống?

*** Giai đoạn khám phá**

GV tổ chức hoạt động khám phá – thực chất là kiến tạo tri thức, kĩ năng, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phản biện, giải thích một cách đơn giản một số biểu hiện có liên quan đến giá trị, phẩm chất đạo đức, nhận xét và đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác trong thực hiện các yêu cầu về giá trị, phẩm chất đạo đức; tự nhận thức bản thân, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch phát triển bản thân có liên quan đến giá trị, phẩm chất đạo đức.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về

nguyên nhân, kết quả của những giá trị, phẩm chất đạo đức, từ đó nêu ra những việc cần phải làm, nên làm.

Các câu hỏi thường là:

- Em hiểu thế nào về ...?
- Vai trò, ý nghĩa của giá trị, phẩm chất đạo đức gì?
- Hành vi nào chưa đúng?
- Đây là những biểu hiện của giá trị, phẩm chất đạo đức, ...?

*** Giai đoạn luyện tập**

Giai đoạn này được triển khai trên cơ sở nhận thức rõ được nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống cụ thể, các thông tin đưa ra để nhận diện vấn đề và xác định được hành động phù hợp với chuẩn mực đạo đức.

GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống đạo đức có thực hoặc giả định, thực hiện được các yêu cầu liên quan đến giá trị, phẩm chất đạo đức. Ngoài ra, HS còn phân tích, đánh giá, tham gia tranh luận được một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến giá trị, phẩm chất đạo đức.

Câu hỏi trong giai đoạn này nhằm giúp HS phát triển phẩm chất và năng lực dựa trên bài học được khái quát và tổng kết thông qua các hình thức luyện tập như:

- Em đánh giá thế nào về biểu hiện ... có liên quan đến giá trị, phẩm chất đạo đức?
- Em đồng tình hay không đồng tình ...? Vì sao?
- Em rút ra được điều gì từ những biểu hiện có liên quan?
- Nêu nhận xét của bản thân em về ...
- Nếu là em, em sẽ làm gì ...?

*** Giai đoạn vận dụng**

Ở giai đoạn vận dụng, GV tổ chức cho HS thực hiện, tham gia các hoạt động vận dụng các yêu cầu cụ thể có liên quan đến giá trị, phẩm chất đạo đức đã tìm hiểu để giải quyết các tình huống trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học). Hoạt động này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày, phát triển bản thân và tìm hiểu tham gia vào đời sống xã hội để hoàn thiện bản thân và thể hiện bản thân.

Đây là giai đoạn giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng có liên quan đến giá trị, phẩm chất đạo đức vào bối cảnh cụ thể để giải quyết vấn đề một cách sáng tạo. Các dạng vận dụng như quan sát và liệt kê, tư vấn phương án lựa chọn dựa vào kiến thức đã học,... dựa trên nền tảng của khám phá và cả phần luyện tập.

Với cấu trúc kế hoạch bài học và các gợi ý như trên, các bài học mạch nội dung giáo dục đạo đức sẽ từng bước hình thành các phẩm chất chung, năng lực đặc thù của HS được biểu hiện tập trung ở năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân và đặc biệt là năng lực tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng;...

3.2. Lưu ý khi tổ chức đề tài/ bài học Giáo dục kĩ năng sống

Với mạch nội dung Giáo dục kĩ năng sống, việc đảm bảo các yêu cầu chung của kế hoạch bài dạy là yêu cầu bắt buộc. Tuy nhiên, có thể chú ý đến một số gợi mở được xét trên các giai đoạn trong kế hoạch bài dạy cụ thể như sau:

**** Giai đoạn mở đầu***

GV tổ chức hoạt động khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, khơi gợi cảm xúc và những biểu tượng của các em về vấn đề thực tiễn liên quan đến kĩ năng sống cần hình thành và phát triển. Hoạt động nhằm thu thập thông tin về kiến thức nền của HS giúp HS phát hiện vấn đề của bài học và tạo hứng thú học tập về kĩ năng sống và cả giá trị sống có liên quan. Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới khai thác kiến thức nền xung quanh các tình huống, các hoạt động đa dạng diễn ra hàng ngày xung quanh các em gắn chặt với kĩ năng sống cần rèn luyện, phát triển.

Các câu hỏi/ yêu cầu thường là:

- Em hãy chia sẻ thông tin về...
- Tại sao vấn đề đó lại xảy ra?
- Kĩ năng sống nào được đề cập?
- Kĩ năng sống ấy liên quan đến giá trị sống nào?

**** Giai đoạn khám phá***

GV tổ chức hoạt động khám phá – thực chất là kiến tạo tri thức, kĩ năng, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phản biện, giải thích một cách đơn giản một số biểu hiện có liên quan đến kĩ năng sống; nhận xét và đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác trong thực hiện các yêu cầu, nguyên tắc và nhất là mô hình cơ bản hay cấu trúc của kĩ năng sống, các bước hay các gợi ý rèn luyện kĩ năng sống cụ thể; tự nhận thức bản thân, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch phát triển bản thân có liên quan đến kĩ năng sống và giá trị sống.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về nguyên nhân, kết quả của những nội dung có liên quan đến các yêu cầu, nguyên tắc và

nhất là mô hình cơ bản hay cấu trúc của kĩ năng sống, các bước hay các gợi ý rèn luyện kĩ năng sống, từ đó nêu ra những việc cần phải làm, nên làm một cách cụ thể.

Các câu hỏi thường là:

- Em hiểu thế nào về ...?
- Vai trò, ý nghĩa của kĩ năng sống ấy?
- Nếu thiếu kĩ năng sống ấy, điều gì sẽ xảy ra?
- Đây là những biểu hiện của kĩ năng sống ấy?
- Em rút ra được các nguyên tắc gì liên quan đến kĩ năng sống này?
- Đây là mô hình cơ bản hay cấu trúc của kĩ năng sống này?
- Em liệt kê được biện pháp cụ thể nào để rèn luyện kĩ năng sống này?

*** Giai đoạn luyện tập**

Giai đoạn này được triển khai trên cơ sở nhận thức rõ được nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kĩ năng có liên quan đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống cụ thể, các thông tin đưa ra để nhận diện vấn đề và xác định được hành động phù hợp với những yêu cầu của giá trị sống và nhất là kĩ năng sống vừa tìm hiểu.

GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống có thực hoặc giả định, thực hiện được các yêu cầu liên quan đến kĩ năng sống cụ thể được tìm hiểu, rèn luyện. Ngoài ra, HS còn phân tích, đánh giá, tham gia tranh luận được một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến kĩ năng sống ấy để định hướng rèn luyện và ứng dụng sao cho hiệu quả.

Câu hỏi trong giai đoạn này nhằm giúp HS phát triển phẩm chất và năng lực dựa trên bài học được khái quát và tổng kết thông qua các hình thức luyện tập như:

- Em đánh giá thế nào về biểu hiện ... có liên quan đến kĩ năng sống ấy?
- Em sẽ thực hành kĩ năng sống ấy thế nào? Vì sao?
- Em rút ra được điều gì từ những biểu hiện đã nêu?
- Nêu nhận xét của bản thân về ...
- Nếu là em, em sẽ làm gì ...?
- Em sẽ điều chỉnh, sửa sai điều gì trong ứng xử?

*** Giai đoạn vận dụng**

Ở giai đoạn vận dụng, GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động tham gia các hoạt động vận dụng các yêu cầu cụ thể có liên quan đến kĩ năng sống đã tìm hiểu để giải quyết các tình huống trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học). Hoạt động

này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày, phát triển bản thân và tìm hiểu, tham gia vào đời sống xã hội để hoàn thiện bản thân; thể hiện bản thân thích ứng và phát triển khi sở hữu các kĩ năng sống.

Đây là giai đoạn giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng có liên quan đến kĩ năng sống vào bối cảnh cụ thể để giải quyết vấn đề một cách sáng tạo. Các dạng vận dụng như quan sát và liệt kê, tư vấn phương án lựa chọn dựa vào kiến thức đã học,... dựa trên nền tảng của phần khám phá và cả phần luyện tập.

Với cấu trúc kế hoạch bài học và các gợi ý như trên, các bài học mạch nội dung giáo dục kĩ năng sống sẽ từng bước hình thành các năng lực chung, năng lực đặc thù của HS được biểu hiện tập trung ở năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân và đặc biệt là năng lực điều chỉnh hành vi. Cụ thể là nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy định của pháp luật;...

3.3. Lưu ý khi tổ chức đề tài/ bài học Giáo dục kinh tế

Với mạch nội dung Giáo dục Kinh tế, việc đảm bảo các yêu cầu chung của kế hoạch bài dạy là yêu cầu bắt buộc. Tuy nhiên, có thể chú ý đến một số gợi mở được xét trên các giai đoạn triển khai bài dạy cụ thể như sau:

*** *Giai đoạn mở đầu***

GV tổ chức hoạt động khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, khơi gợi cảm xúc của các em về vấn đề thực tiễn liên quan đến kiến thức kinh tế. Hoạt động nhằm thu thập thông tin về kiến thức nền của HS giúp HS phát hiện vấn đề của bài học và tạo hứng thú học tập. Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới khai thác kiến thức nền xung quanh các tình huống, các hoạt động kinh tế diễn ra hằng ngày xung quanh các em.

Các câu hỏi/ yêu cầu thường là:

- Em hãy chia sẻ thông tin về ...
- Tại sao hiện tượng kinh tế đó lại xảy ra?
- Hoạt động tương tự nào đang diễn ra ở nơi em sinh sống?

*** *Giai đoạn khám phá***

GV tổ chức hoạt động khám phá – thực chất là kiến tạo tri thức, kĩ năng, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phản biện, giải thích một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề

kinh tế, nhận xét và đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác trong thực hiện các quy định về kinh tế – xã hội; tự nhận thức bản thân, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch phát triển bản thân.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về nguyên nhân, kết quả của những hoạt động kinh tế, từ đó nêu ra những việc cần phải làm, nên làm.

Các câu hỏi thường là:

- Em hiểu thế nào về ...?
- Hoạt động kinh tế/ hiện tượng kinh tế có đặc điểm, chức năng, vai trò gì?
- Hành vi nào chưa đúng?

*** *Giai đoạn luyện tập***

Giai đoạn này được triển khai trên cơ sở nhận thức rõ được nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống cụ thể, các thông tin đưa ra để nhận diện vấn đề và xác định được hành động phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống đạo đức có thực hoặc giả định, thực hiện được nghĩa vụ của công dân trong hoạt động sản xuất – kinh doanh, tiêu dùng. Ngoài ra, HS còn phân tích, đánh giá, tham gia tranh luận được một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến kinh tế.

Câu hỏi trong giai đoạn này nhằm giúp HS phát triển phẩm chất và năng lực dựa trên bài học được khái quát và tổng kết thông qua các hình thức luyện tập như:

- Em đồng tình hay không đồng tình ...? Vì sao?
- Nêu nhận xét của bản thân về ...
- Nếu là em, em sẽ làm gì ...?

*** *Giai đoạn vận dụng***

Ở giai đoạn vận dụng, GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động tham gia các hoạt động kinh tế bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống kinh tế trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học) bất kể những trở ngại và khó khăn nào. Hoạt động này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày, phát triển bản thân và tìm hiểu tham gia hoạt động kinh tế, xã hội.

Đây là giai đoạn HS vận dụng kiến thức, kĩ năng vào bối cảnh cụ thể để giải quyết vấn đề một cách sáng tạo. Các dạng vận dụng như quan sát và liệt kê, tư vấn phương án lựa chọn dựa vào kiến thức đã học, ... dựa trên nền tảng của khám phá và luyện tập.

Với cấu trúc bài học như trên, các bài học phần kinh tế sẽ từng bước hình thành các năng lực đặc thù của HS được biểu hiện tập trung ở năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực

phát triển bản thân và đặc biệt là năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội chưa có sự quan tâm nhiều trong chương trình hiện hành. Các bài học xoay quanh kiến thức phổ thông về kinh tế dựa trên quy trình trên giúp HS tiếp nhận kiến thức, luyện tập và vận dụng dễ dàng hơn mà không làm giảm đi tính khoa học của môn học.

3.4. Lưu ý khi tổ chức đề tài/ bài học Giáo dục pháp luật

Với các bài dạy Giáo dục pháp luật, việc đảm bảo các yêu cầu chung của kế hoạch bài dạy là yêu cầu bắt buộc. Tuy nhiên, có thể chú ý đến một số gợi mở được xét trên các giai đoạn triển khai bài dạy cụ thể như sau:

**** Giai đoạn mở đầu***

Khi tổ chức hoạt động phần mở đầu, GV yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, sự hiểu biết về vấn đề thực tiễn liên quan đến chuẩn mực hành vi pháp luật. Hoạt động này giúp HS nhận ra chuẩn mực hành vi cần hình thành, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về các biểu hiện cụ thể của hành vi pháp luật đó trong những hoạt động kế tiếp. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, việc giáo dục pháp luật phải xuất phát từ ý thức pháp luật, tác động tới nhận thức trong mỗi con người thì mới đạt hiệu quả giáo dục.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới khai thác, khơi dậy, tác động đến ý thức pháp luật trong nhận thức của các em.

Dạng câu hỏi/ yêu cầu thường gặp là:

- Dựa vào hiểu biết của cá nhân, ...
- Theo em, ...

**** Giai đoạn khám phá***

Ở giai đoạn này, GV tổ chức hoạt động khám phá thực chất vẫn là kiến tạo tri thức, kĩ năng, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp với chuẩn mực hành vi pháp luật, từng bước hình thành tư duy phản biện về các hành vi pháp luật.

Song song đó, hoạt động cũng hình thành những tri thức về pháp luật một cách tương đối có hệ thống, từ đây giúp HS hình thành được niềm tin đối với pháp luật, xác định được thái độ và định hướng về hành vi phù hợp với pháp luật. Xây dựng cho HS những cơ sở nhân cách ban đầu theo các chuẩn mực đạo đức và pháp luật, để ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường, các em đã hiểu và biết hành động theo pháp luật; trở thành người lao động sẽ là những công dân biết sống, lao động theo Hiến pháp và pháp luật cũng là yêu cầu cần chú trọng.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về nguyên nhân, kết quả của những hành vi pháp luật, từ đó có ý thức thực hiện pháp luật như: không được làm; phải làm; được làm.

Các câu hỏi/ yêu cầu có thể đơn cử như:

- Hãy cho biết quy tắc xử sự chung là gì.
- Quy tắc xử sự chung có ý nghĩa như thế nào đối với các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ pháp luật?
- Tại sao nói pháp luật thể hiện ý chí của Nhà nước?

*** Giai đoạn luyện tập**

Với tính chất như một hệ quả của hoạt động khám phá, phần luyện tập là sự tiếp nối nhưng trên cơ sở nền tảng của khám phá. Trên cơ sở nhận thức rõ được nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở hoạt động khám phá vào các tình huống pháp luật cụ thể để xác định được hành động phù hợp với chuẩn mực hành vi pháp luật.

Giai đoạn luyện tập cần được tổ chức sao cho HS thể hiện được động cơ pháp luật được thúc đẩy từ bên trong ý thức của HS, các em thực hành đưa ra những lựa chọn của bản thân khi phải cân nhắc giữa việc ưu tiên các hành động pháp luật với những mục tiêu và nhu cầu khác nhau. GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống pháp luật có thực hoặc giả định.

Các yêu cầu thông thường bao gồm:

- Xử lí tình huống.
- Liên hệ thực tế.
- Đọc thông tin và trả lời.

*** Giai đoạn vận dụng**

Giai đoạn này, GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động pháp luật bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tiễn (gồm cả việc rèn luyện sau giờ học) bất kể những trở ngại và khó khăn nào. Giai đoạn này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện hành vi pháp luật phù hợp với lứa tuổi trong đời sống hằng ngày.

Có thể đơn cử một số hình thức thực hiện sau:

- Viết thư.
- Làm sản phẩm tuyên truyền pháp luật.

Khi triển khai kế hoạch bài dạy mạch nội dung giáo dục pháp luật, HS sẽ từng bước hình thành các năng lực đặc thù, cụ thể như: tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.



Chủ đề: SỐNG CÓ LÍ TƯỞNG

Sống có lí tưởng

Thời lượng: 2 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
Yêu nước	Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động thể hiện sống có lí tưởng.	YN.1
2. Năng lực chung		
Năng lực giao tiếp và hợp tác	Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.	GT – HT.2
3. Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù)		
Nhận thức chuẩn mực hành vi	Nêu được khái niệm sống có lí tưởng.	CD.1.1
	Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.	CD.1.2
	Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.	CD.1.3
Điều chỉnh hành vi	Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.	CD.1.4

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Học liệu

- SGK, tài liệu tham khảo về chủ đề *Sống có lí tưởng*.
- Giấy A4, A3, A0, viết lông, sáp màu,...

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, phần mềm PowerPoint,...
- Các tranh vẽ, hình ảnh và video clip thể hiện nội dung về sống có lí tưởng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kĩ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động mở đầu	Tạo tâm thế tích cực cho HS.	HS đọc lời bài hát và xác định những ca từ thể hiện mục đích sống cao đẹp và giải thích.	– Đàm thoại. – Kĩ thuật tia chớp.	Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động khám phá	YN.1 GT – HT.2 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4	– Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. – Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. – Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. – Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.	– Dạy học hợp tác. – Dạy học giải quyết vấn đề. – Kĩ thuật phòng tranh. – Kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – Kĩ thuật tia chớp.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động luyện tập	YN.1 GT – HT.2 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4	– HS bày tỏ quan điểm về các ý kiến liên quan đến việc sống có lí tưởng. – HS xây dựng bài thuyết trình nói ý nghĩa của việc sống có lí tưởng, từ đó, rút ra bài học cho bản thân. – HS phân tích suy nghĩ, việc làm của nhân vật thể hiện sống có lí tưởng. – HS lập kế hoạch thực hiện các việc làm để sống có lí tưởng.	– Dạy học hợp tác. – Dạy học giải quyết vấn đề. – Kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – Kĩ thuật phòng tranh.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá qua nhiệm vụ học tập.

Hoạt động vận dụng	YN.1 GT – HT.2 CD.1.2 CD.1.4	– Suy tầm câu chuyện về tấm gương, nhân vật sống có lí tưởng. – Thực hiện kế hoạch lí tưởng sống của bản thân.	– Đàm thoại. – Dạy học giải quyết vấn đề.	Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi.
Hoạt động tổng kết	Theo YCCĐ	Đánh giá mức độ đáp ứng YCCĐ.	Dạy học hợp tác.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá qua nhiệm vụ học tập.

B. Các hoạt động học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động mở đầu	
a) Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực cho HS trước khi bắt đầu bài học. b) Nội dung: HS đọc lời bài hát trong SGK trang 5 và cho biết những ca từ nào thể hiện mục đích sống cao đẹp. Giải thích vì sao. c) Sản phẩm: HS trình bày và giải thích được về những ca từ trong lời bài hát thể hiện mục đích sống cao đẹp. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật tia chớp. – GV chia lớp thành bốn nhóm (mỗi nhóm là một đội chơi) và giao nhiệm vụ học tập cho từng nhóm (GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật chia nhóm). – Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS đọc lời bài hát trong SGK trang 5 và cho biết những ca từ nào thể hiện mục đích sống cao đẹp. Giải thích vì sao. – Tổ chức thực hiện: HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn của GV. – GV nhận xét, từ đó, dẫn dắt và giới thiệu chủ đề bài học.	– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ. – HS lắng nghe và tương tác, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời. – HS xung phong phát biểu câu trả lời. – HS có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau dựa vào hiểu biết, kinh nghiệm của từng em.
Gợi ý câu trả lời: Những ca từ thể hiện mục đích sống cao đẹp trong lời bài hát là: “toả ngát hương thơm cho đời”, “hiến dâng cho cuộc đời”,... Vì những ca từ này có ý nghĩa thể hiện mục đích sống cao đẹp, sống không chỉ cho bản thân mình mà còn phấn đấu để đạt được mục đích, lí tưởng, nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia và nhân loại,...	
Hoạt động khám phá	
Khám phá 1: Đọc thông tin, quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu	

a) Mục tiêu: GT – HT.2, CD.1.1, CD.1.2.

b) Nội dung: HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu trong SGK trang 6 – 7:

– Em hãy nêu mục đích sống của nhân vật trong các thông tin trên.

– Em hãy đặt tên cho bức tranh của họa sĩ Phạm Cao Thái Bảo và viết lời bình.

– Em hãy xác định điểm chung về mục đích sống của nhân vật trong các thông tin, hình ảnh và cho biết thế nào là sống có lí tưởng, ý nghĩa của sống có lí tưởng.

c) Sản phẩm: HS nêu được khái niệm sống có lí tưởng và giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật phòng tranh.

Bước 1: Giao nhiệm vụ và hướng dẫn thực hiện:

– GV nêu vấn đề học tập, chia nhóm, giao nhiệm vụ và hướng dẫn hoạt động nhóm.

– Cách chia nhóm: GV chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Nhóm 1, 2: Đọc thông tin trong SGK trang 6 – 7 và thực hiện yêu cầu: *Em hãy nêu mục đích sống của nhân vật trong các thông tin.*

+ Nhóm 3, 4: Quan sát hình ảnh trong SGK trang 7 và thực hiện yêu cầu: *Em hãy đặt tên cho bức tranh của họa sĩ Phạm Cao Thái Bảo và viết lời bình.*

+ Nhóm 5, 6: Đọc thông tin và quan sát hình ảnh trong SGK trang 6 – 7 và thực hiện yêu cầu: *Em hãy xác định điểm chung về mục đích sống của nhân vật trong các thông tin, hình ảnh và cho biết thế nào là sống có lí tưởng, ý nghĩa của sống có lí tưởng.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

– GV tổ chức cho các nhóm thảo luận trong khoảng 4 phút.

– HS lắng nghe nhiệm vụ, cùng nhau thảo luận về nội dung được phân công và đưa ra câu trả lời phù hợp.

Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận:

– Sau khi thảo luận, các nhóm ghi lại nội dung đã thống nhất ra giấy A3 và dán lên bảng trưng bày.

– GV yêu cầu các nhóm đứng lên và đi tham quan sản phẩm của nhau, nhận xét và đặt câu hỏi cho nhóm bạn. Sau đó, mỗi nhóm cử một HS đại diện lên thuyết trình, các nhóm khác đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và tổng kết: GV đưa ra nhận xét, đánh giá và kết luận.

– HS lắng nghe nhiệm vụ và chú ý các yêu cầu về kĩ thuật hoạt động.

– HS lập nhóm theo sự phân chia của GV. Các nhóm bầu ra nhóm trưởng, đặt tên và đưa ra quy tắc hoạt động của nhóm.

– Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm lần lượt thảo luận theo sự hướng dẫn, phân công của GV. Khi thảo luận, nếu có những nội dung còn thắc mắc, GV yêu cầu các nhóm ghi chú lại để cùng trao đổi với nhóm khác.

– Đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi, bổ sung và góp ý.

– HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động tiếp.

Gợi ý câu trả lời:

- Mục đích sống của nhà văn Nikolai Ostrovsky trong thông tin 1: Hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất, đó là đấu tranh giải phóng loài người; Mục đích sống của Liệt sĩ Bác sĩ Đặng Thuỳ Trâm trong thông tin 2: Hiến dâng cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, vì độc lập, tự do của đất nước.
- Xúc động trước sự hi sinh của ba chiến sĩ Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, họa sĩ Phạm Cao Thái Bảo đã vẽ bức tranh về các anh và chia sẻ: “Hồi xưa mình thường hay định nghĩa một cách ước lệ rằng, thiên thần là những con người xinh đẹp, lông lẩy, có đôi cánh để bay và nhiều phép thuật. Mãi sau này mới hiểu rằng, thiên thần cũng chỉ là những người bình thường như chúng ta nhưng họ dám sống một cuộc đời phi thường, sẵn sàng hi sinh chính mình để bảo vệ người khác,...”
- Điểm chung về mục đích sống của nhân vật trong các thông tin, hình ảnh là đều xác định được mục đích sống cao đẹp, sống và hi sinh theo lí tưởng cao cả, đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia và nhân loại.
- Sống có lí tưởng là xác định được mục đích cao đẹp, kế hoạch hành động của bản thân và phấn đấu để đạt được mục đích đó nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia, nhân loại.
- Sống có lí tưởng tạo ra động lực thúc đẩy hoàn thành mục tiêu cá nhân; góp phần thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển; xây dựng đất nước giàu mạnh và đóng góp tích cực cho nhân loại.

Khám phá 2: Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: YN.1, GT – HT.2, CD.1.3.

b) Nội dung: HS đọc các thông tin trong SGK trang 7 – 8 và thực hiện yêu cầu:

– Dựa vào các thông tin, em hãy xác định vai trò, nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

– Dựa vào nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, em hãy xác định những nhiệm vụ, việc làm của bản thân trong học tập và cuộc sống.

c) Sản phẩm: HS xác định được vai trò, nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và những nhiệm vụ, việc làm của bản thân trong học tập và cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học giải quyết vấn đề và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.

– GV giao nhiệm vụ cho HS: GV yêu cầu HS đọc các thông tin trong SGK trang 7 – 8, thảo luận theo nhóm đôi và thực hiện yêu cầu:

– Dựa vào các thông tin trên, em hãy xác định vai trò, nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

– Dựa vào nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, em hãy xác định những nhiệm vụ, việc làm của bản thân trong học tập và cuộc sống.

– GV tổ chức thực hiện: Sau khi thảo luận xong, GV chỉ định hoặc mời 1 – 2 nhóm đại diện trình bày, chia sẻ câu trả lời trước lớp, các nhóm khác lắng nghe để nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV kết luận và chốt các ý theo nội dung hoạt động.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm đôi đọc thông tin, thảo luận để thực hiện yêu cầu.

+ HS ghi chép phần thảo luận của nhóm vào giấy A4.

– Các nhóm đôi được GV chỉ định hoặc mời lên chia sẻ câu trả lời trước lớp. Sau khi chia sẻ xong, các nhóm có thể mời các nhóm khác cùng trao đổi, góp ý thêm để phần chia sẻ của nhóm mình được hoàn thiện hơn.

– HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

– Từ các thông tin, chúng ta có thể xác định vai trò, nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là: phấn đấu vì lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nỗ lực rèn luyện sức khỏe, học tập để trở thành người có năng lực, bản lĩnh và người công dân tốt; tích cực tham gia vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Từ nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, chúng ta có thể xác định những nhiệm vụ, việc làm của bản thân trong học tập và cuộc sống là: luôn tích cực học tập, rèn luyện sức khỏe, dành thời gian tham gia các hoạt động xã hội để hiện thực hoá lí tưởng, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, quốc gia và nhân loại.

Tóm tắt ghi nhớ

– GV gạch dưới hoặc tô đậm các ý phát biểu của HS đã rút thành từ khoá, câu để làm nền cho ghi nhớ.

– GV tổ chức cho HS thực hiện sơ đồ tư duy ghi nhớ theo khung:

+ Khái niệm sống có lí tưởng.

+ Ý nghĩa của sống có lí tưởng.

+ Một số lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.

+ Trách nhiệm của HS.

– HS tự ghi kết luận do GV chốt ý:

+ Sống có lí tưởng là xác định được mục đích cao đẹp, kế hoạch hành động của bản thân và phấn đấu để đạt được mục đích đó nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia, nhân loại.

+ Sống có lí tưởng tạo ra động lực thúc đẩy hoàn thành mục tiêu cá nhân; góp phần thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển; xây dựng đất nước giàu mạnh và đóng góp tích cực cho nhân loại.

+ Một số lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam: phấn đấu vì lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nỗ lực rèn luyện sức khỏe, học tập để trở thành người có năng lực, bản lĩnh và người công dân tốt; tích cực tham gia vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

+ Mỗi HS cần xác định được lí tưởng sống của bản thân và luôn tích cực học tập, rèn luyện sức khỏe, dành thời gian tham gia các hoạt động xã hội để hiện thực hoá lí tưởng, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, quốc gia và nhân loại.

Hoạt động luyện tập

Nhiệm vụ 1: Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến

a) Mục tiêu: GT – HT.2, CD.1.2.

b) Nội dung: HS đọc các ý kiến trong SGK trang 9 và bày tỏ quan điểm của bản thân:

– *Sống có lí tưởng là biết xác định mục đích của bản thân và có hướng phấn đấu để thực hiện mục đích đó.*

– *Cho dù ở giai đoạn lịch sử nào thì lí tưởng của thanh niên cũng giống nhau.*

– *Sống có lí tưởng là cảm thấy hạnh phúc khi làm điều có ích cho cộng đồng, quốc gia và nhân loại.*

– <i>Sống có lí tưởng là sống vì bản thân mình trước rồi mới quan tâm đến lợi ích của người khác và xã hội.</i> c) Sản phẩm: HS đưa ra được quan điểm đối với các ý kiến trong SGK trang 9. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi trình bày quan điểm cho từng ý kiến trong SGK trang 9. Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với các nhóm khác hoặc cả lớp. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi để bày tỏ quan điểm về những ý kiến trong SGK trang 9. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.
Gợi ý câu trả lời: – Ý kiến a: Đồng tình. Vì ý kiến đã xác định được mục đích cao đẹp và xây dựng được kế hoạch hành động của bản thân, phấn đấu để đạt được mục đích đó. – Ý kiến b: Không đồng tình. Vì ở mỗi thời kì và giai đoạn lịch sử khác nhau thì thanh niên sẽ có lí tưởng sống khác nhau. – Ý kiến c: Đồng tình. Vì ý kiến này đã đề cập đến một trong những ý nghĩa vô cùng cao quý mà việc sống có lí tưởng đem lại. – Ý kiến d: Không đồng tình. Vì người sống có lí tưởng là không chỉ sống cho bản thân mình mà còn sống vì lợi ích chung của cộng đồng, quốc gia và nhân loại.	
Nhiệm vụ 2: Thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng và rút ra bài học cho bản thân	
a) Mục tiêu: YN.1, GT – HT.2, CD.1.3. b) Nội dung: HS đọc câu nói trong SGK trang 9 và xây dựng bài thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. Từ đó, rút ra bài học cho bản thân. c) Sản phẩm: HS xây dựng được bài thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng và rút ra bài học cho bản thân. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật phòng tranh. – Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm: <i>Đọc câu nói trong SGK trang 9 và xây dựng nội dung để thực hiện bài thuyết trình trước lớp về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. Từ đó, rút ra bài học cho bản thân.</i> – Sau khi thảo luận xong, HS ghi nội dung thảo luận ra giấy A3 và dán lên bảng trưng bày. Đại diện các nhóm lên thuyết trình. Khi nhóm bạn thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe, đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung. – GV kết luận và đánh giá.	– HS đọc thông tin và thực hiện bài thuyết trình. – Các nhóm lần lượt thảo luận theo sự hướng dẫn của GV. Khi thảo luận, nếu còn thắc mắc, GV yêu cầu nhóm ghi chú lại để cùng trao đổi với các nhóm khác. – Đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm còn lại lắng nghe, đặt câu hỏi, bổ sung và góp ý. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.

Gợi ý câu trả lời:

HS xây dựng bài thuyết trình dựa trên nội dung về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng theo nội dung sau: Sống có lí tưởng tạo ra động lực thúc đẩy hoàn thành mục tiêu cá nhân; góp phần thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển; xây dựng đất nước giàu mạnh và đóng góp tích cực cho nhân loại.

Nhiệm vụ 3: Quan sát các hình ảnh để phân tích suy nghĩ, việc làm của các nhân vật và rút ra bài học cho bản thân

a) Mục tiêu: YN.1, GT – HT.2, CD.1.4.

b) Nội dung: HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 9 – 10 để phân tích suy nghĩ, việc làm của các nhân vật và rút ra bài học cho bản thân.

c) Sản phẩm: HS phân tích được suy nghĩ, việc làm của các nhân vật và rút ra bài học cho bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học giải quyết vấn đề và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.

– GV giao nhiệm vụ cho HS: GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 9 – 10 để phân tích suy nghĩ, việc làm của các nhân vật và rút ra bài học cho bản thân.

– GV tổ chức thực hiện: Sau khi thảo luận xong, GV chỉ định hoặc mời 1 – 2 nhóm đại diện trình bày, chia sẻ câu trả lời trước lớp, các nhóm khác lắng nghe để nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV kết luận, nhận định.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm đôi, quan sát hình ảnh, trao đổi và thảo luận để thực hiện yêu cầu.

+ HS ghi chép phần thảo luận của mình vào giấy A4.

– Nhóm đôi được GV mời hoặc chỉ định chia sẻ câu trả lời trước lớp, mạnh dạn trình bày câu trả lời. Sau khi chia sẻ xong, nhóm này có thể mời các nhóm khác cùng trao đổi, góp ý thêm cho nội dung trình bày của nhóm mình được hoàn thiện hơn.

– HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

– Hình 1: Suy nghĩ của nhân vật trong hình ảnh thể hiện lòng tự hào dân tộc, dù ở nơi đâu bất cứ nơi nào cũng đều mang tinh thần hiếu học của dân tộc Việt Nam. Từ đó, nỗ lực để tiếp nối các thế hệ đi trước, cố gắng học hỏi được những điều hay ở nước bạn và sau khi học xong sẽ quay trở về cống hiến cho đất nước.

– Hình 2: Suy nghĩ của nhân vật thể hiện một lí tưởng sống cao đẹp của thanh niên Việt Nam hiện nay, đó là nỗ lực rèn luyện sức khỏe, học tập để trở thành người có năng lực, bản lĩnh và người công dân tốt; tích cực tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Hình 3: Việc làm của các nhân vật thể hiện lí tưởng sống không chỉ mang lại lợi ích cho bản thân mình mà còn mang ý nghĩa góp ích cho cộng đồng, thông qua việc tham gia thu dọn rác thải để giúp môi trường sống trở nên xanh, sạch, đẹp.

– Hình 4: Suy nghĩ của nhân vật thể hiện một lí tưởng sống cao đẹp, mang tính cộng đồng và xác định được kế hoạch cụ thể nhằm đạt được lí tưởng sống, đó là không ngừng học tập, trau dồi kiến thức để áp dụng trong cuộc sống.

Nhiệm vụ 4: Lập kế hoạch xác định lí tưởng sống của bản thân	
a) Mục tiêu: YN.1, GT – HT.2, CD.1.4. b) Nội dung: Dựa vào những nhiệm vụ của bản thân trong học tập và trong cuộc sống đã xác định ở hoạt động khám phá, HS lập kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó. c) Sản phẩm: HS thực hiện được bản kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đã xác định ở hoạt động khám phá. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học giải quyết vấn đề và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV giao nhiệm vụ cho HS tự tìm hiểu, chọn lọc những nội dung phù hợp để xây dựng được kế hoạch xác định lí tưởng sống của bản thân. – GV có thể giao nhiệm vụ cho HS thực hiện hoạt động này ở nhà, sau đó, tổ chức cho HS báo cáo, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau.	– HS thực hiện nhiệm vụ được giao. – HS nộp sản phẩm. – GV nhận xét, đánh giá và kết luận.
Gợi ý câu trả lời: HS thực hiện lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân một cách cụ thể, hiệu quả theo các gợi ý sau: – Cấu trúc của kế hoạch gồm các mục: + Mục đích, yêu cầu; + Nội dung thực hiện; + Phương pháp thực hiện; + Thời gian thực hiện; + Tiêu chí đánh giá kết quả; – Phương pháp thực hiện cần mang tính cụ thể, khả thi.	
Hoạt động vận dụng	
Nhiệm vụ 1: Sưu tầm câu chuyện về tấm gương, nhân vật sống có lí tưởng	
a) Mục tiêu: YN.1, GT – HT.2, CD. 1.2. a) Nội dung: HS sưu tầm một câu chuyện về tấm gương, nhân vật sống có lí tưởng. Từ câu chuyện đó, viết một đoạn văn nói về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng và rút ra bài học cho bản thân. c) Sản phẩm: HS viết được đoạn văn nói về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng thông qua tấm gương sưu tầm được và rút ra bài học cho bản thân. d) Tổ chức thực hiện:	
– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS sưu tầm một câu chuyện về tấm gương, nhân vật sống có lí tưởng. Từ câu chuyện đó, viết một đoạn văn nói về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng và rút ra bài học cho bản thân. – Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu. – Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong đọc đoạn văn của mình trước lớp. – Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá về đoạn văn của HS.	

Nhiệm vụ 2: Thực hiện kế hoạch về lí tưởng sống của bản thân

a) Mục tiêu: YN.1, GT – HT.2, CD.1.4.

b) Nội dung: HS thực hiện kế hoạch về lí tưởng sống của bản thân và chia sẻ với các bạn về kết quả đạt được. Từ đó, rút ra những ưu điểm, hạn chế và điều chỉnh để tiếp tục thực hiện.

c) Sản phẩm: HS thực hiện được kế hoạch về lí tưởng sống của bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm cho HS tự tìm hiểu, chọn lọc những nội dung phù hợp để xây dựng được một kế hoạch rèn luyện cho bản thân.

– GV có thể giao nhiệm vụ cho HS thực hiện hoạt động này ở nhà, sau đó, tổ chức cho HS báo cáo, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau.

– HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

– HS nộp sản phẩm.

– GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Hoạt động tổng kết

a) Mục tiêu: Khắc sâu các YCCĐ về phẩm chất và năng lực cho HS.

b) Nội dung: Nhận xét, đánh giá thái độ, hành vi thực hiện những việc làm thể hiện sống có lí tưởng.

c) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu đại diện của các nhóm tổng kết về các nội dung:

+ Khái niệm sống có lí tưởng.

+ Ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.

+ Một số lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.

+ Trách nhiệm của HS.

– GV nhận xét, đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực.

– GV động viên, giao nhiệm vụ tiếp nối.

– Đại diện các nhóm trình bày ý kiến tổng kết về nội dung bài học.

– Các nhóm khác góp ý kiến để hoàn thiện.

– HS tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá của GV và nhận nhiệm vụ tiếp nối được giao.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**A. NỘI DUNG DẠY HỌC**

• *Xác định nội dung dạy học:*

– Nêu được khái niệm sống có lí tưởng.

– Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.

– Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.

– Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.

- *Kiến thức trọng tâm:*

- Sống có lí tưởng là xác định được mục đích cao đẹp, kế hoạch hành động của bản thân và phấn đấu để đạt được mục đích đó nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia, nhân loại.

- Sống có lí tưởng tạo ra động lực thúc đẩy hoàn thành mục tiêu cá nhân; góp phần thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển; xây dựng đất nước giàu mạnh và đóng góp tích cực cho nhân loại.

- Một số lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam: phấn đấu vì lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nỗ lực rèn luyện sức khỏe, học tập để trở thành người có năng lực, bản lĩnh và người công dân tốt; tích cực tham gia vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Mỗi HS cần xác định được lí tưởng sống của bản thân và luôn tích cực học tập, rèn luyện sức khỏe, dành thời gian tham gia các hoạt động xã hội để hiện thực hoá lí tưởng, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, quốc gia và nhân loại.

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

GỢI Ý ĐỂ ĐÁNH GIÁ MINH HOẠ

Chủ đề/ Bài học: SỐNG CÓ LÍ TƯỞNG

1. Mục đích:

Đánh giá mức độ HS đáp YCCĐ về phẩm chất và năng lực sau khi học xong chủ đề “Sống có lí tưởng”.

2. Cấu trúc đề:

Gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.

- Phần 2: Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

3. Nội dung đề minh hoạ

3.1. Đánh giá thông qua quan sát

Đánh giá phẩm chất chăm chỉ khi tham gia làm việc nhóm của HS, GV có thể thiết kế bảng kiểm theo dạng:

Bảng kiểm về thái độ: Chăm chỉ làm việc nhóm
(Dùng cho HS tự đánh giá)

Tên học sinh:		
Lớp:		
Thời gian:		
Địa điểm:		
Người thực hiện:		
Biểu hiện	Có	Không
Hăng hái chia sẻ thông tin với các bạn		
Lắng nghe ý kiến của các bạn		
Chủ động thực hiện và hoàn thành công việc		
Nhiệt tình giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn		
.....		

RUBRICS ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP
(Dùng cho GV đánh giá)

- Tên học sinh được nhận xét:
- Tên người nhận xét:

Tiêu chí	Mức độ đánh giá		
1. Nêu được khái niệm của sống có lí tưởng.	Mức độ nhận biết		
	Kém	Trung bình	Tốt
	Chưa nêu được khái niệm của sống có lí tưởng.	Nêu được nhưng chưa đầy đủ về khái niệm của sống có lí tưởng.	Nêu được chính xác và đầy đủ khái niệm của sống có lí tưởng.
Thang điểm: 20	0	10	20
2. Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.	Chưa giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.	Giải thích được nhưng chưa đầy đủ về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.	Giải thích được chính xác và đầy đủ về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.
Thang điểm: 20	0	10	20
3. Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.	Chưa nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.	Nhận biết được nhưng chưa đầy đủ về lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.	Nhận biết chính xác và đầy đủ lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.
Thang điểm: 20	0	10	20

4. Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.	Chưa xác định được lí tưởng sống của bản thân và chưa nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.	Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng nhưng chưa đầy đủ.	Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng một cách chính xác và đầy đủ.
Thang điểm: 40	0	20	40
Tổng điểm: 100	0	50	100

**Phiếu 2: PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP TÁC CỦA HỌC SINH
TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM**

Người đánh giá:.....

Người được đánh giá:.....

Tiêu chí	Các mức độ			
	A	B	C	D
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. Đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	Còn ít có ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác trong nhóm.
4. Tôn trọng quyết định chung	Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.

5. Kết quả làm việc	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.

3.2. Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập

– Nhiệm vụ số 1:

Em hãy sưu tầm và kể lại một câu chuyện về tấm gương, nhân vật sống có lí tưởng. Từ đó, rút ra ý nghĩa của việc sống có lí tưởng

– Nhiệm vụ số 2:

Em hãy viết một bức thư gửi cho chính mình trong tương lai (khi mà em đã thành đạt, thực hiện được những mục tiêu cao đẹp của bản thân) và chia sẻ về hành trình phấn đấu để đạt mục tiêu đó.



Chủ đề: KHOAN DUNG

Khoan dung

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
Nhân ái	Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác. Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.	NA.1
2. Năng lực chung		
Năng lực giao tiếp và hợp tác	Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.	GT – HT.2
3. Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù)		
Nhận thức chuẩn mực hành vi	Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.	CD.1.1
	Nhận biết được giá trị của khoan dung.	CD.1.2
Điều chỉnh hành vi	Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	CD.1.3
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.	CD.1.4

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Học liệu

- SGK, tài liệu tham khảo về chủ đề *Khoan dung*.
- Giấy A4, A3, A0, viết lông, sếp màu,...

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, phần mềm PowerPoint,...
- Các tranh vẽ, hình ảnh và video clip thể hiện nội dung về lòng khoan dung của con người Việt Nam.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kỹ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động mở đầu	Tạo tâm thế tích cực cho HS.	HS nêu ý nghĩa của thông điệp.	Đàm thoại.	Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động khám phá	NA.1 GT – HT.2 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4	– Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. – Nhận biết được giá trị của khoan dung. – Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. – Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.	– Dạy học hợp tác. – Dạy học giải quyết vấn đề. – Kỹ thuật khăn trải bàn. – Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động luyện tập	NA.1 GT – HT.2 CD.1.2 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4	– HS xác định đâu là câu tục ngữ, thành ngữ nói về lòng khoan dung. – HS xây dựng bài thuyết trình nói về giá trị của lòng khoan dung. – HS nhận xét việc làm và đưa ra lời tư vấn phù hợp. – HS rút ra bài học cho bản thân để rèn luyện đức tính khoan dung.	– Đàm thoại. – Dạy học hợp tác. – Dạy học giải quyết vấn đề. – Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi. – Kỹ thuật phòng tranh.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động vận dụng	NA.1 GT – HT.2 CD.1.2 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4	– Thiết kế thông điệp về lòng khoan dung. – Xác định nguyên nhân không thể hiện được đức tính khoan dung của bản thân và đề xuất hướng giải quyết.	– Đàm thoại. – Dạy học giải quyết vấn đề.	Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi.
Hoạt động tổng kết	Theo YCCĐ	Đánh giá mức độ đáp ứng YCCĐ.	Dạy học hợp tác.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

B. Các hoạt động học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động mở đầu	
a) Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực cho HS trước khi bắt đầu bài học. b) Nội dung: HS đọc và nêu ý nghĩa của thông điệp: <i>“Tha thứ sớm thì vui vẻ sớm”</i>. c) Sản phẩm: HS rút ra được những bài học liên quan đến lòng khoan dung. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Dạy học hợp tác, kĩ thuật công não. – GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm là một đội chơi và giao nhiệm vụ học tập cho từng nhóm (GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật chia nhóm). – Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS đọc và nêu ý nghĩa của thông điệp trong SGK trang 11. – Tổ chức thực hiện: + GV sẽ cung cấp thông tin cho HS về những từ ngữ như: bao dung, siêng năng, kiên trì,... và yêu cầu HS chọn ra từ ngữ sao cho phù hợp với ý nghĩa của thông điệp. – GV tổng kết trò chơi và đặt câu hỏi cho HS: Theo em, thông điệp trên nói lên đức tính cao đẹp nào của con người Việt Nam? – GV mời hoặc chỉ định một vài nhóm đại diện trả lời câu hỏi. GV nhận xét, từ đó, dẫn dắt và giới thiệu chủ đề bài học.	– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ. – HS lắng nghe và tương tác. HS chia nhóm theo hướng dẫn của GV và thực hiện yêu cầu. – HS có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau dựa vào hiểu biết, kinh nghiệm của từng em.
Gợi ý câu trả lời: Thông điệp <i>“Tha thứ sớm thì vui vẻ sớm”</i> muốn khuyên chúng ta hãy thứ tha cho những lỗi lầm, vị tha cho những người làm sai nhưng biết hối lỗi. Tha thứ sẽ giúp cho con người vui vẻ hơn, lạc quan hơn và thoải mái hơn rất nhiều.	
Hoạt động khám phá	
Khám phá 1: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi	
a) Mục tiêu: GT – HT.2, CD.1.1, CD.1.2. b) Nội dung: HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong SGK trang 11 – 12: – <i>Những việc làm của nhân dân, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong các thông tin thể hiện truyền thống nào của dân tộc Việt Nam? Những việc làm đó có kết quả, ý nghĩa như thế nào?</i> – <i>Theo em, thế nào là khoan dung? Khoan dung có biểu hiện và ý nghĩa như thế nào?</i> c) Sản phẩm: HS nêu được khái niệm, biểu hiện của lòng khoan dung. d) Tổ chức thực hiện:	

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật khăn trải bàn.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong SGK trang 11 – 12:

+ *Những việc làm của nhân dân, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong các thông tin thể hiện truyền thống nào của dân tộc Việt Nam? Những việc làm đó có kết quả, ý nghĩa như thế nào?*

+ *Theo em, thế nào là khoan dung? Khoan dung có biểu hiện và ý nghĩa như thế nào?*

– Tổ chức thực hiện:

+ Với câu hỏi thứ nhất, GV có thể cho HS thảo luận nhóm theo nhóm đôi. Sau đó, chỉ định hoặc mời 2 – 3 nhóm HS đại diện trả lời. Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý nếu có.

+ Với câu hỏi thứ hai, GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm có từ 4 – 6 HS. Các nhóm sẽ được nhận một tờ giấy khổ lớn A0 và phân công nhiệm vụ tương ứng với câu hỏi trong SGK trang 12.

- HS chia giấy A0 thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm.
- Mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với các phần xung quanh. Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm sẽ ghi các ý kiến/ câu trả lời được thống nhất vào phần trung tâm của giấy A0.

– GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày, trả lời các câu hỏi và mời các nhóm khác nhận xét.

– GV nhận xét và chốt các ý theo nội dung hoạt động.

– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm để trả lời câu hỏi.

– Các nhóm cử đại diện để trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung để hoàn thiện câu trả lời.

– HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

– Những việc làm của nhân dân, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong các thông tin thể hiện truyền thống của dân tộc Việt Nam: lòng khoan dung, nhân ái.

+ Đối với thông tin 1: Những việc làm thể hiện tấm lòng khoan dung như hành động “mở lòng hiếu sinh”, cấp thuyền cho quân địch thua trận trở về nước, ... làm cho giặc thua tâm phục khẩu phục, kính nể đất nước và con người Việt Nam.

+ Đối với thông tin 2: Chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước nhằm tạo cơ hội cho những người từng mắc lỗi lầm có cơ hội sửa sai, trở thành người có ích cho xã hội và có thể hoà nhập với cộng đồng.

– Khoan dung là rộng lòng tha thứ. Biểu hiện của khoan dung là biết tha thứ cho chính mình và cho người khác khi họ biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm; lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.

– Người có lòng khoan dung luôn được mọi người yêu mến, tin cậy và có nhiều bạn tốt. Người được tha thứ sẽ có cơ hội trở thành người tốt, khắc phục lỗi lầm, khiếm khuyết của bản thân. Nhờ có lòng khoan dung mà cuộc sống và mối quan hệ giữa mọi người trở nên lành mạnh, thân ái, tốt đẹp hơn.

Khám phá 2: Quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: NA.1, GT – HT.2, CD.1.3.

b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp trong SGK trang 13 và trả lời câu hỏi:

– *Em hãy nhận xét về suy nghĩ, việc làm của nhân vật trong các hình ảnh, trường hợp.*

– *Em hãy chia sẻ về những việc làm thể hiện sự khoan dung, thiếu khoan dung mà em biết và rút ra bài học cho bản thân.*

c) Sản phẩm: HS nhận xét được việc làm, thái độ của nhân vật trong các trường hợp và rút ra bài học liên quan đến lòng khoan dung.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học giải quyết vấn đề và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp trong SGK trang 13, thảo luận theo nhóm đôi và thực hiện yêu cầu:

+ *Em hãy nhận xét về suy nghĩ, việc làm của nhân vật trong các hình ảnh, trường hợp.*

+ *Em hãy chia sẻ về những việc làm thể hiện sự khoan dung, thiếu khoan dung mà em biết và rút ra bài học cho bản thân.*

– Tổ chức thực hiện: Sau khi thảo luận xong, GV chỉ định hoặc mời 1 – 2 nhóm HS đại diện trình bày, chia sẻ câu trả lời trước lớp, các nhóm khác lắng nghe để nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV kết luận, nhận định.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm đôi, quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp, thảo luận để thực hiện yêu cầu.

+ HS ghi chép phần thảo luận của nhóm vào giấy A4.

– Các nhóm đôi được GV chỉ định hoặc mời lên chia sẻ câu trả lời trước lớp. Sau khi chia sẻ xong, các nhóm có thể mời các nhóm khác cùng trao đổi, góp ý thêm để phần chia sẻ của nhóm mình được hoàn thiện hơn.

– HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

- Nhận xét về suy nghĩ, việc làm của nhân vật trong các hình ảnh, trường hợp:
 - + Hình 1: Bạn nữ biết hối hận với sai lầm đã mắc phải và tự hứa với bản thân sẽ không tái phạm nữa.
 - + Hình 2: Bạn nam mang áo số 5 không rộng lượng, sống hẹp hòi khi không biết bỏ qua lỗi lầm lúc trước của bạn.
 - + Trường hợp 1: Bạn N có cách cư xử nhẹ nhàng, khéo léo, cởi mở, biết bỏ qua lỗi sai của người khác, giúp tránh được những chuyện không hay ngoài ý muốn xảy ra.
 - + Trường hợp 2: Bạn A sống ích kỉ, chỉ nghĩ đến cảm nhận của bản thân mà không biết chia sẻ cùng người khác.
- Những việc làm thể hiện sự khoan dung:
 - + Bỏ qua lỗi lầm của bạn khi bạn xin lỗi và sửa sai;
 - + Không chấp vặt, nhỏ nhen, ích kỉ;
 - + Sống chan hoà với tất cả mọi người,...
- Những việc làm thiếu khoan dung:
 - + Hay nhắc lại lỗi lầm của bạn;
 - + Chỉ nghĩ đến cảm xúc cá nhân, không cần quan tâm người khác nghĩ gì,...
- Bài học rút ra cho bản thân: Cần rèn luyện lối sống gần gũi, chan hoà, chân thành với mọi người; chấp nhận sự khác biệt của mỗi người, không kì thị hay nói xấu người khác,...

Tóm tắt ghi nhớ

- GV gạch dưới hoặc tô đậm các ý phát biểu của HS đã rút thành từ khoá, câu để làm nền cho ghi nhớ.
- GV tổ chức cho HS thực hiện sơ đồ tư duy ghi nhớ theo khung:
 - + Khái niệm khoan dung.
 - + Biểu hiện của khoan dung.
 - + Ý nghĩa của lòng khoan dung.
 - + Rèn luyện đức tính khoan dung.

- HS tự ghi kết luận do GV chốt ý:
 - + Khoan dung là rộng lòng tha thứ.
 - + Biểu hiện của khoan dung là biết tha thứ cho chính mình và cho người khác khi họ biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm; lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.
 - + Người có lòng khoan dung luôn được mọi người yêu mến, tin cậy và có nhiều bạn tốt. Người được tha thứ sẽ có cơ hội trở thành người tốt, khắc phục lỗi lầm, khắc phục khuyết của bản thân. Nhờ có lòng khoan dung mà cuộc sống và mối quan hệ giữa mọi người trở nên lành mạnh, thân ái, tốt đẹp hơn.
 - + Để rèn luyện đức tính khoan dung, chúng ta cần sống cởi mở, gần gũi với mọi người. Cư xử chân thành, rộng lượng, tôn trọng và chấp nhận cá tính, sở thích, thói quen của người khác. Đồng thời, phê phán thói ích kỉ, hẹp hòi, thiếu sự độ lượng, khoan dung.

Hoạt động luyện tập	
Nhiệm vụ 1: Nhận biết câu tục ngữ, thành ngữ thể hiện sự khoan dung	
a) Mục tiêu: GT – HT.2, CD.1.1. b) Nội dung: HS đọc các câu tục ngữ, thành ngữ trong SGK trang 14, cho biết câu nào thể hiện sự khoan dung, câu nào không thể hiện sự khoan dung và giải thích vì sao: – “Chín bỏ làm mười”. – “Ăn đến oán trả”. – “Ăn miếng trả miếng”. – “Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại”. c) Sản phẩm: HS nêu được ý nghĩa của các câu tục ngữ, thành ngữ liên quan đến lòng khoan dung. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi thảo luận về ý nghĩa của các câu tục ngữ, thành ngữ trong SGK trang 14 và trình bày quan điểm của mình đối với mỗi câu. Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với các nhóm khác hoặc cả lớp. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi để bày tỏ quan điểm về những câu tục ngữ, thành ngữ. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.
Gợi ý câu trả lời: – Câu tục ngữ, thành ngữ thể hiện lòng khoan dung: + “Chín bỏ làm mười”: chấp nhận bỏ qua, châm chước cho những lỗi lầm của người khác, không cần tính toán chi li, rõ ràng. + “Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại”: ý muốn khuyên dạy chúng ta nên tha thứ, bỏ qua lỗi lầm của những người biết hối lỗi, nhận ra lỗi lầm của mình. – Câu tục ngữ, thành ngữ không thể hiện lòng khoan dung: – “Ăn đến oán trả”: tinh thần còn mong muốn sự trả thù, so đo, tính toán và hẹp hòi. – “Ăn miếng trả miếng”: là biểu hiện của sự hung hăng, tính toán và hẹp hòi.	
Nhiệm vụ 2: Thuyết trình về giá trị của lòng khoan dung	
a) Mục tiêu: NA.1, GT – HT.2, CD.1.2. b) Nội dung: HS đọc câu nói trong SGK trang 14 và thuyết trình về giá trị của lòng khoan dung.	

c) Sản phẩm: HS thực hiện được phần thuyết trình của HS về giá trị của lòng khoan dung. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật phòng tranh. – Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm: Em hãy xây dựng nội dung để thực hiện bài thuyết trình trước lớp về giá trị của lòng khoan dung thể hiện thông qua câu nói: <i>Sự tha thứ không thể làm thay đổi quá khứ, nhưng nó có thể mở rộng tương lai.</i> (Paul Boese) – Sau khi thảo luận xong, HS ghi nội dung thảo luận ra giấy A3 và dán lên bảng trưng bày. Đại diện các nhóm lên thuyết trình. Khi nhóm thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe, đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung. – GV kết luận và đánh giá.	– HS đọc câu nói và thực hiện bài thuyết trình. – Các nhóm lần lượt thảo luận theo sự hướng dẫn của GV. Khi thảo luận còn thắc mắc, yêu cầu nhóm ghi chú lại để cùng trao đổi với các nhóm khác. – Đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm còn lại đặt câu hỏi, bổ sung và góp ý. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
Nhiệm vụ 3: Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi	
a) Mục tiêu: NA.1, GT – HT.2, CD.1.4. b) Nội dung: HS đọc các tình huống trong SGK trang 14 – 15 và nhận xét hành vi, việc làm của các nhân vật để tư vấn cách ứng xử phù hợp. c) Sản phẩm: HS nêu được quan điểm về việc làm của nhân vật trong các tình huống và đưa ra lời khuyên phù hợp. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học giải quyết vấn đề và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK trang 14 – 15, thảo luận theo nhóm đôi để nhận xét hành vi, việc làm của các nhân vật để tư vấn cách ứng xử phù hợp. – Tổ chức thực hiện: Sau khi thảo luận xong, GV chỉ định hoặc mời 1 – 2 nhóm HS đại diện trình bày, chia sẻ câu trả lời trước lớp, các nhóm khác lắng nghe để nhận xét, góp ý, bổ sung. – GV kết luận, nhận định.	– Thực hiện nhiệm vụ: + HS làm việc theo nhóm đôi, đọc các tình huống trong và trao đổi, thảo luận để thể hiện sản phẩm theo yêu cầu. + HS ghi chép phần thảo luận của mình vào giấy A4. – Nhóm đôi được GV mời hoặc chỉ định chia sẻ câu trả lời trước lớp, mạnh dạn trình bày câu trả lời. Sau khi chia sẻ xong, nhóm này có thể mời các nhóm khác cùng trao đổi, góp ý thêm cho nội dung trình bày của nhóm mình được hoàn thiện hơn. – HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời: – Tình huống 1: Việc làm của bạn N hoàn toàn sai vì bạn không biết lắng nghe và tôn trọng các thành viên khác. Bạn ấy luôn tìm những khuyết điểm của người khác để chê bai. Lời khuyên: Bạn N cần khiêm tốn, học cách lắng nghe và tôn trọng các bạn. Đồng thời, cần biết khen ngợi, động viên thay vì chê bai khi bạn làm sai. – Tình huống 2: Hành động của bạn V không đúng vì bạn ấy thường chỉ nghĩ cho bản thân mình, không biết nghĩ đến mọi người xung quanh. Đây là lối sống ích kỉ. Lời khuyên: Bạn V nên thay đổi suy nghĩ, trước khi làm việc gì cần suy nghĩ đến cảm nhận người khác.	
Nhiệm vụ 4: Đọc tình huống và rút ra bài học cho bản thân	
a) Mục tiêu: NA.1, GT – HT.2, CD.1.3. b) Nội dung: HS đọc tình huống trong SGK trang 15 và thực hiện yêu cầu: <i>Em hãy đọc tình huống và rút ra bài học cho bản thân để rèn luyện đức tính khoan dung.</i> c) Sản phẩm: HS nêu được bài học cho bản thân để rèn luyện đức tính khoan dung. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi trình bày bài học rút ra từ tình huống trong SGK trang 15. Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với nhóm khác hoặc cả lớp. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi để chia sẻ bài học rút ra từ tình huống. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.
Gợi ý câu trả lời: Bài học bản thân rút ra cho bản thân: Cần luôn biết quan tâm, giúp đỡ và thấu hiểu, đồng cảm cho người khác. Đồng thời, trước khi phán xét thì cần phải tìm hiểu kĩ mọi việc, biết tôn trọng mọi người.	
Hoạt động vận dụng	
Nhiệm vụ 1: Thiết kế sản phẩm	
a) Mục tiêu: NA.1, GT – HT.2, CD. 1.1. a) Nội dung: HS thiết kế sản phẩm theo yêu cầu trong SGK trang 15: <i>Em hãy chọn một thông điệp về sự khoan dung mà em yêu thích. Sau đó, thiết kế, trang trí thông điệp đó tại góc bàn học, làm hình nền của máy tính, điện thoại (nếu có) như một sự nhắc nhở em về lòng khoan dung.</i> c) Sản phẩm: HS thực hiện sản phẩm thiết kế với thông điệp về sự khoan dung. d) Tổ chức thực hiện:	

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chọn một thông điệp về sự khoan dung mà mình yêu thích. Sau đó, thiết kế, trang trí thông điệp đó và đặt tại góc bàn học, làm hình nền của máy tính, điện thoại (nếu có) như một sự nhắc nhở bản thân về lòng khoan dung.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS lên trình bày phần nội dung đã chuẩn bị.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương những nội dung chia sẻ tốt, đạt yêu cầu, đồng thời, động viên, khích lệ những em có phần nội dung chia sẻ chưa phù hợp và hướng dẫn cách điều chỉnh.

Nhiệm vụ 2: Tự rèn luyện đức tính khoan dung cho bản thân

a) Mục tiêu: NA.1, GT – HT.2, CD. 1.3, CD.1.4.

b) Nội dung: HS thực hiện yêu cầu trong SGK trang 15: *Em hãy viết ra những điều thể hiện sự khoan dung hoặc chưa khoan dung đối với bản thân, người thân, bạn bè; xác định nguyên nhân vì sao chưa thể hiện sự khoan dung. Từ đó, đề xuất hướng giải quyết và chia sẻ kết quả thực hiện trước lớp.*

c) Sản phẩm: HS đưa ra được hướng giải quyết đối với những hành vi, việc làm chưa thể hiện sự khoan dung của bản thân, người thân, bạn bè.

d) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm cho HS tự tìm hiểu, chọn lọc những nội dung phù hợp để xây dựng được một kế hoạch rèn luyện cho bản thân.

– GV có thể giao nhiệm vụ cho HS thực hiện hoạt động này ở nhà, sau đó, tổ chức cho HS báo cáo, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau.

– HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

– HS nộp sản phẩm.

– GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Hoạt động tổng kết

a) Mục tiêu: Khắc sâu các YCCĐ về phẩm chất và năng lực cho HS.

b) Nội dung: Nhận xét, đánh giá thái độ, hành vi thực hiện những việc làm thể hiện khoan dung; Phê phán những hành vi thiếu khoan dung.

c) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu đại diện của các nhóm tổng kết về các nội dung:

+ Khái niệm khoan dung.

+ Biểu hiện của khoan dung.

+ Giá trị của khoan dung.

+ Thực hiện những việc làm thể hiện sự khoan dung.

+ Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.

– GV nhận xét, đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực.

– GV động viên, giao nhiệm vụ tiếp nối.

– Đại diện các nhóm trình bày ý kiến tổng kết về nội dung bài học.

– Các nhóm khác góp ý kiến để hoàn thiện.

– HS tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá của GV và nhận nhiệm vụ tiếp nối được giao.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC

- *Xác định nội dung dạy học:*
 - Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.
 - Nhận biết được giá trị của khoan dung.
 - Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
 - Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.
- *Kiến thức trọng tâm:*
 - Khoan dung là rộng lòng tha thứ.
 - Biểu hiện của khoan dung là biết tha thứ cho chính mình và cho người khác khi họ biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm; lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.
 - Người có lòng khoan dung luôn được mọi người yêu mến, tin cậy và có nhiều bạn tốt. Người được tha thứ sẽ có cơ hội trở thành người tốt, khắc phục lỗi lầm, khiếm khuyết của bản thân. Nhờ có lòng khoan dung mà cuộc sống và mối quan hệ giữa mọi người trở nên lành mạnh, thân ái, tốt đẹp hơn.
 - Để rèn luyện đức tính khoan dung, chúng ta cần sống cởi mở, gần gũi với mọi người. Cư xử chân thành, rộng lượng, tôn trọng và chấp nhận cá tính, sở thích, thói quen của người khác. Đồng thời, phê phán thói ích kỷ, hẹp hòi, thiếu sự độ lượng, khoan dung.

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

GỢI Ý ĐỂ ĐÁNH GIÁ MINH HOẠ

Chủ đề/ Bài học: KHOAN DUNG

1. Mục đích:

Đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực sau khi học xong chủ đề “Khoan dung”.

2. Cấu trúc đề:

Gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.
- Phần 2: Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

3. Nội dung đề minh họa

3.1. Đánh giá thông qua quan sát

Đánh giá phẩm chất chăm chỉ khi tham gia làm việc nhóm của HS, GV có thể thiết kế bảng kiểm theo dạng:

Bảng kiểm về thái độ: Chăm chỉ làm việc nhóm
(Dùng cho HS tự đánh giá)

Tên học sinh:		
Lớp:		
Thời gian:		
Địa điểm:		
Người thực hiện:		
Biểu hiện	Có	Không
Hăng hái chia sẻ thông tin với các bạn		
Lắng nghe ý kiến của các bạn		
Chủ động thực hiện và hoàn thành công việc		
Nhiệt tình giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn		
.....		

RUBRICS ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP
(Dùng cho GV đánh giá)

- Tên học sinh được nhận xét:
- Tên người nhận xét:

Tiêu chí	Mức độ đánh giá		
	Mức độ nhận biết		
	Kém	Trung bình	Tốt
1. Nêu được khái niệm và biểu hiện của khoan dung.	Chưa nêu được được khái niệm và biểu hiện của khoan dung.	Nêu được nhưng chưa đầy đủ về khái niệm và biểu hiện của khoan dung.	Nêu được chính xác và đầy đủ khái niệm và biểu hiện của khoan dung.
Thang điểm: 20	0	10	20
2. Nhận biết được giá trị của khoan dung.	Chưa nhận biết được giá trị của khoan dung.	Nhận biết nhưng chưa đầy đủ về giá trị của khoan dung.	Nhận biết chính xác và đầy đủ giá trị của khoan dung.
Thang điểm: 20	0	10	20
3. Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	Chưa thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	Thực hiện được nhưng chưa đầy đủ những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	Thực hiện đầy đủ và chính xác được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
Thang điểm: 20	0	10	20

4. Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.	Chưa biết phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.	Biết phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung nhưng chưa hiệu quả.	Biết phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung một cách hiệu quả.
Thang điểm: 40	0	20	40
Tổng điểm: 100	0	50	100

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP TÁC CỦA HỌC SINH TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM

Người đánh giá:.....

Người được đánh giá:.....

Tiêu chí	Các mức độ			
	A	B	C	D
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	– Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. – Đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	– Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. – Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Còn ít có ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác trong nhóm.
4. Tôn trọng quyết định chung	Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.
5. Kết quả làm việc	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.

3.2. Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập

– Nhiệm vụ số 1:

Câu 1. Điều không phải là biểu hiện của khoan dung?

- A. Biết tha thứ cho chính mình và cho người khác khi họ biết hối hận.
- B. Lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác.
- C. Không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.
- D. Không bao giờ bỏ qua lỗi lầm của người khác.

Câu 2. Điều không phải là giá trị mà lòng khoan dung đem lại cho con người?

- A. Người có lòng khoan dung luôn được mọi người yêu mến.
- B. Bị người khác xem thường, không coi trọng.
- C. Cuộc sống và mối quan hệ giữa mọi người trở nên tốt đẹp hơn.
- D. Người được tha thứ sẽ có cơ hội trở thành người tốt.

Câu 3. Việc làm nào sau đây thể hiện sự khoan dung?

- A. Luôn cho mình là nhất, bắt mọi người phải nghe theo ý kiến của mình.
- B. Phân biệt đối xử với những bạn hay vi phạm nội quy.
- C. Tôn trọng, lắng nghe ý kiến của các bạn.
- D. Không tha thứ cho người khác khi họ xin lỗi vì mắc sai lầm.

Câu 4. Để rèn luyện đức tính khoan dung, chúng ta không nên làm gì?

- A. Sống hẹp hòi, ích kỷ.
- B. Sống cởi mở, gần gũi.
- C. Sống chan hoà, rộng lượng.
- D. Tôn trọng, chấp nhận cá tính, thói quen của người khác.

– Nhiệm vụ số 2:

Em hãy sưu tầm những tấm gương có lòng khoan dung trong cuộc sống và chia sẻ câu chuyện với bạn.

– Nhiệm vụ số 3:

Em hãy thiết kế sản phẩm (báo tường, đoạn phim ngắn, áp phích,...) để tuyên truyền về việc tôn trọng sự khác biệt, phê phán thói ích kỷ, hẹp hòi, thiếu sự khoan dung trong cuộc sống.



Chủ đề: TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Bài 3

Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
Trách nhiệm	Quan tâm đến các công việc của cộng đồng; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.	TN.1
2. Năng lực chung		
Năng lực giao tiếp và hợp tác	Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.	GT – HT.2
3. Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù)		
Nhận thức chuẩn mực hành vi	Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng.	CD.1.1
	Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.	CD.1.2
	Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.	CD.1.3
Điều chỉnh hành vi	Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.	CD.1.4
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.	CD.1.5

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Học liệu

- SGK, tài liệu tham khảo về chủ đề *Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng*.
- Giấy A4, A3, A0, viết lông, sếp màu,...

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, phần mềm PowerPoint,...
- Các video clip có nội dung liên quan đến các hoạt động cộng đồng.
- Các tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về sự tích cực trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kĩ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động mở đầu	Tạo tâm thế tích cực cho HS.	HS kể tên các hoạt động cộng đồng mà bản thân và mọi người đã tham gia.	– Đàm thoại. – Kĩ thuật công não.	Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động khám phá	TN.1 GT – HT.2 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.4 CD.1.5	– Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng. – Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. – Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. – Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.	– Dạy học hợp tác. – Dạy học giải quyết vấn đề. – Kĩ thuật khăn trải bàn. – Kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động luyện tập	TN.1 GT – HT.2 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3	– HS nhận biết được các hoạt động cộng đồng và ý nghĩa của mỗi hoạt động. – HS giải thích được vì sao cần phải tham gia các hoạt động cộng đồng và biết phê phán các hành vi thiếu trách nhiệm với cộng đồng. – HS nhận biết được trách nhiệm của mình trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.	– Dạy học cá nhân. – Dạy học hợp tác. – Dạy học giải quyết vấn đề. – Kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – Kĩ thuật phòng tranh.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá qua nhiệm vụ học tập.

Hoạt động vận dụng	TN.1 GT – HT.2 CD.1.4	Thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng của bản thân.	– Đàm thoại. – Dạy học giải quyết vấn đề.	Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi.
Hoạt động tổng kết	Theo YCCĐ	Đánh giá mức độ đáp ứng YCCĐ.	Dạy học hợp tác.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá qua nhiệm vụ học tập.

B. Các hoạt động học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động mở đầu	
a) Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực cho HS trước khi bắt đầu bài học. b) Nội dung: HS kể lại tên những hoạt động, việc làm mà bản thân và mọi người đã tham gia để giúp đỡ người khác. c) Sản phẩm: HS kể được tên những hoạt động, việc làm mà bản thân và mọi người đã tham gia để giúp đỡ người khác. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học đàm thoại và kĩ thuật công não. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS kể lại tên những hoạt động, việc làm mà bản thân và mọi người đã tham gia để giúp đỡ người khác. – GV dành thời gian cho HS suy nghĩ câu trả lời. GV tổ chức cho HS suy nghĩ câu trả lời lồng ghép với chủ đề “Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng”. – GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.	– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ. – HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
Hoạt động khám phá	
Khám phá 1: Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu	
a) Mục tiêu: GT – HT.2, CD.1.1, CD.1.2. b) Nội dung: HS đọc thông tin trong SGK trang 16 – 17 và thực hiện yêu cầu: – Em hãy xác định mục đích, kết quả và ý nghĩa của các hoạt động được đề cập trong thông tin ở SGK trang 16 – 17. – Em hãy chỉ ra những đối tượng có thể tham gia hoạt động cộng đồng. – Hãy trình bày cách hiểu của em về hoạt động cộng đồng và giải thích vì sao phải tham gia hoạt động cộng đồng. c) Sản phẩm: HS nêu được mục đích, kết quả và ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng. d) Tổ chức thực hiện:	

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật khăn trải bàn.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin và thực hiện các yêu cầu trong SGK trang 16 – 17:

+ Em hãy xác định mục đích, kết quả và ý nghĩa của các hoạt động được đề cập trong thông tin ở SGK trang 16 – 17.

+ Em hãy chỉ ra những đối tượng có thể tham gia hoạt động cộng đồng.

+ Hãy trình bày cách hiểu của em về hoạt động cộng đồng và giải thích vì sao phải tham gia hoạt động cộng đồng.

– Tổ chức thực hiện:

+ Với yêu cầu thứ nhất và thứ hai, GV có thể cho HS thảo luận theo nhóm đôi. Sau đó, chỉ định hoặc mời 2 – 3 nhóm đại diện trả lời. Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý nếu có.

+ Với yêu cầu thứ ba, GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm có từ 4 – 6 HS. Các nhóm sẽ được nhận một tờ giấy khổ lớn A0 và phân công nhiệm vụ tương ứng với hai câu hỏi trong SGK trang 16 – 17.

- HS chia giấy A0 thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm.
- Mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với các phần xung quanh. Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm sẽ ghi các ý kiến/câu trả lời được thống nhất vào phần trung tâm của giấy A0.

– GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày nội dung thảo luận và mời các nhóm khác nhận xét.

– GV nhận xét và chốt các ý theo nội dung hoạt động

– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm, đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

– Các nhóm cử đại diện để trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung để hoàn thiện câu trả lời.

– HS lắng nghe và ghi nhận ý kiến.

Gợi ý câu trả lời:

– Mục đích, kết quả và ý nghĩa của các hoạt động được đề cập trong thông tin:

+ Mục đích và ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng là: phát huy vai trò sức trẻ cùng chung tay tham gia hoạt động thiện nguyện, mang lại lợi ích cho cộng đồng.

+ Kết quả đạt được cụ thể là: 5 triệu lượt chiến sĩ tham gia; thực hiện 31 000 công trình thanh niên; xây, sửa chữa 7 720 nhà tình nghĩa, nhà tình thương; bê tông hoá, nâng cấp, sửa chữa 870 km đường nông thôn; xây dựng, sửa chữa 500 cầu nông thôn; lắp đặt hệ thống chiếu sáng 270 tuyến đường nông thôn, tuyến hẻm với tổng chiều dài 200 km; trồng 650 nghìn cây xanh,...

– Các đối tượng có thể tham gia hoạt động cộng đồng: Những hoạt động cộng đồng với các hoạt động đa dạng, phong phú, phù hợp với các lứa tuổi tham gia như HS Trung học cơ sở, HS Trung học phổ thông, sinh viên, thanh thiếu niên,...

– Hoạt động cộng đồng là những hoạt động được tổ chức trong nhà trường, xã hội bởi các cá nhân, tập thể, tổ chức và mang lại lợi ích chung cho cộng đồng như: Phong trào kế hoạch nhỏ; Nụ cười hồng; Đền ơn đáp nghĩa; Hiến máu nhân đạo; Bảo vệ môi trường; Mùa hè xanh; Kì nghỉ hồng;... Tham gia hoạt động cộng đồng giúp mỗi cá nhân được rèn luyện về kĩ năng sống, sự trưởng thành và tinh thần trách nhiệm, đóng góp công sức, trí tuệ của mình vào công việc chung của xã hội. Từ đó, góp phần tạo dựng mối quan hệ đoàn kết, nhân ái, cùng chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh.

Khám phá 2: Quan sát hình ảnh, đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: TN.1, GT – HT.2, CD.1.4, CD.1.5.

b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp trong SGK trang 17 – 18 và trả lời câu hỏi:

– Từ các hình ảnh, em hãy cho biết ở trường, lớp, địa phương của em đã tổ chức những hoạt động nào. Em đã tham gia những hoạt động nào?

– Những việc nào mà em cảm thấy hài lòng và chưa hài lòng về tinh thần, thái độ của mọi người khi tham gia những hoạt động cộng đồng?

– Em suy nghĩ như thế nào về hành vi, việc làm của các nhân vật trong trường hợp 1, 2 và đưa ra lời khuyên nào đối với những nhân vật chưa tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng?

c) Sản phẩm: HS nêu được nhận xét về việc làm, suy nghĩ của nhân vật trong các hình ảnh, trường hợp.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học giải quyết vấn đề và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, đọc trường hợp trong SGK trang 17 – 18, thảo luận theo nhóm đôi và thực hiện các yêu cầu.

– Tổ chức thực hiện: Sau khi thảo luận xong, GV chỉ định hoặc mời 1 – 2 nhóm đại diện trình bày, chia sẻ câu trả lời trước lớp, các nhóm khác lắng nghe để nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV kết luận, nhận định.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm đôi, quan sát hình ảnh, đọc trường hợp và thảo luận để thực hiện các yêu cầu.

+ HS ghi chép phần thảo luận của nhóm vào giấy A4.

– Các nhóm đôi được GV chỉ định hoặc mời lên chia sẻ câu trả lời trước lớp. Sau khi chia sẻ xong, các nhóm có thể mời các nhóm khác cùng trao đổi, góp ý thêm để phần chia sẻ của nhóm mình được hoàn thiện hơn.

– HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

- Câu hỏi 1, 2 tùy vào phần trả lời của HS mà GV có nhận xét, góp ý cho phù hợp.
- Trường hợp 1: Bà H là tấm gương sáng về lòng nhân ái, tuy lớn tuổi nhưng bà vẫn chọn niềm vui là dành thời gian để tham gia vào các hoạt động cộng đồng của địa phương. Bà H là tấm gương sáng mà mọi người cần noi theo.
- Trường hợp 2: Bạn N, bạn T và bạn H tuy học giỏi nhưng lại ít tham gia hoạt động cộng đồng, điều này chưa thể hiện được tinh thần trách nhiệm, sự chia sẻ cùng với cộng đồng và mọi người xung quanh. Lời khuyên dành cho các bạn là nên sắp xếp thời gian để có thể cân đối cả việc học, rèn luyện thể thao và tham gia hoạt động cộng đồng, nhằm phát triển bản thân một cách toàn diện. Từ đó, giúp các bạn vừa rèn luyện được kĩ năng sống, vừa có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng.

Khám phá 3: Chọn một hoạt động cộng đồng phù hợp với bản thân để xây dựng kế hoạch tham gia hoạt động đó

a) Mục tiêu: TN.1, GT – HT.2, CD.1.4.

b) Nội dung: HS lựa chọn một hoạt động cộng đồng phù hợp với bản thân để xây dựng kế hoạch tham gia hoạt động đó theo mẫu gợi ý trong SGK trang 19.

c) Sản phẩm: HS xây dựng được bản kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng cho bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Dạy học giải quyết vấn đề và kĩ thuật công não.

– GV giao nhiệm vụ cho HS tự tìm hiểu, chọn lọc những nội dung phù hợp để xây dựng được một kế hoạch tham gia các hoạt động cộng đồng.

– GV có thể giao nhiệm vụ cho HS thực hiện hoạt động này ở nhà, sau đó, tổ chức cho HS báo cáo, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau.

– HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

– HS nộp sản phẩm.

– GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Tóm tắt ghi nhớ

– GV gạch dưới hoặc tô đậm các ý phát biểu của HS đã rút thành từ khoá, câu để làm nền cho ghi nhớ.

– GV tổ chức cho HS thực hiện sơ đồ tư duy ghi nhớ theo khung:

+ Khái niệm hoạt động cộng đồng.

+ Tên gọi của một số hoạt động cộng đồng.

+ Ý nghĩa của việc tham gia vào hoạt động cộng đồng.

+ Trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động cộng đồng.

– HS tự ghi kết luận do GV chốt ý:

+ Hoạt động cộng đồng là những hoạt động được tổ chức trong nhà trường, xã hội bởi các cá nhân, tập thể, tổ chức và mang lại lợi ích chung cho cộng đồng như: Phong trào kế hoạch nhỏ; Nụ cười hồng; Đèn ơn đáp nghĩa; Hiến máu nhân đạo; Bảo vệ môi trường; Mùa hè xanh; Kì nghỉ hồng;...

+ Tham gia hoạt động cộng đồng có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, giúp mỗi cá nhân được rèn luyện về kĩ năng sống, sự trưởng thành và tinh thần trách nhiệm, đóng góp công sức, trí tuệ của mình vào công việc chung của xã hội. Từ đó, góp phần tạo dựng mối quan hệ đoàn kết, nhân ái, cùng chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh.

	+ HS cần nâng cao ý thức trách nhiệm, tích cực, tự giác tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. Đồng thời, cần phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.
Hoạt động luyện tập	
Nhiệm vụ 1: Xác định tên và ý nghĩa của hoạt động cộng đồng	
a) Mục tiêu: GT – HT.2, CD.1.1. b) Nội dung: HS xác định tên và ý nghĩa của hoạt động của các hình ảnh trong SGK trang 20. c) Sản phẩm: HS xác định được tên gọi và ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng được thể hiện trong mỗi hình ảnh. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi gọi tên và nêu ý nghĩa của các hoạt động trong mỗi hình ảnh trong SGK trang 20. Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với các nhóm khác hoặc cả lớp. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi để suy nghĩ và tìm ra câu trả lời. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.
Gợi ý câu trả lời: – Hình 1: Xây nhà tình thương, thể hiện lòng nhân ái, giúp đỡ người khó khăn. – Hình 2: Tiếp sức đến trường, giúp đỡ HS khó khăn, phát huy truyền thống nhân ái và hiếu học. – Hình 3: Chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, thể hiện truyền thống về lòng biết ơn, uống nước nhớ nguồn của dân tộc ta. – Hình 4: Chương trình “Đổi rác lấy cây xanh”, giáo dục HS có ý thức bảo vệ môi trường, không xả rác và trồng nhiều cây xanh.	
Nhiệm vụ 2: Thuyết trình về tinh thần cống hiến của tuổi trẻ và phê phán những biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong các hoạt động cộng đồng	
a) Mục tiêu: TN.1, GT – HT.2, CD.1.2. b) Nội dung: Từ câu hát “Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta mà cần hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay” trong ca khúc “Khát vọng tuổi trẻ” của nhạc sĩ Vũ Hoàng, HS viết bài thuyết trình về tinh thần cống hiến của tuổi trẻ và phê phán những biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong các hoạt động cộng đồng. c) Sản phẩm: HS xây dựng được bài thuyết trình thể hiện sự tích cực, tự giác trong việc tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng và phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng thông qua lời bài hát. d) Tổ chức thực hiện:	

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật phòng tranh. – Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành bốn nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm: <i>Từ câu hát “Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta mà cần hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay” trong ca khúc “Khát vọng tuổi trẻ” của nhạc sĩ Vũ Hoàng, em hãy viết bài thuyết trình về tinh thần cống hiến của tuổi trẻ và phê phán những biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong các hoạt động cộng đồng.</i> – Sau khi thảo luận xong, HS ghi nội dung thảo luận ra giấy A3 và dán lên bảng trưng bày. Đại diện các nhóm lên thuyết trình. Khi nhóm thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe, đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung. – GV kết luận và đánh giá.	– HS lắng nghe nhiệm vụ và thực hiện bài thuyết trình. – Các nhóm lần lượt thảo luận theo sự hướng dẫn của GV. Khi thảo luận, nếu còn thắc mắc, yêu cầu nhóm ghi chú lại để cùng trao đổi với các nhóm khác. – Đại diện các nhóm lên trình bày bài thuyết trình, các nhóm còn lại đặt câu hỏi, bổ sung và góp ý. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
Nhiệm vụ 3: Dựa vào kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng của bản thân, xác định các đối tượng có thể tham gia và vận động họ cùng thực hiện	
a) Mục tiêu: TN.1, GT – HT.2, CD.1.3. b) Nội dung: Dựa vào kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng của bản thân, HS xác định các đối tượng có thể tham gia và vận động họ cùng thực hiện. c) Sản phẩm: HS xác định được các đối tượng có thể cùng tham gia hoạt động cộng đồng để vận động họ tham gia vào hoạt động này. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học cá nhân. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng của bản thân, hãy xác định các đối tượng có thể tham gia và vận động họ cùng thực hiện. – Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, xác định đối tượng tham gia và thực hiện yêu cầu. – GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày nội dung chuẩn bị của mình trước lớp. – GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.	– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc nhận định và xác định các đối tượng có thể tham gia hoạt động và vận động họ cùng thực hiện. – HS được GV mời đại diện lên trình bày, chia sẻ, các HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi, bổ sung và góp ý. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
Hoạt động vận dụng	
Nhiệm vụ 1: Thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng của bản thân đã được xây dựng trong hoạt động khám phá và báo cáo kết quả thực hiện	
a) Mục tiêu: TN.1, GT – HT.2, CD. 1.4. a) Nội dung: HS thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng được mình chứng thông qua đoạn phim ngắn, hình ảnh hoặc bài thu hoạch.	

c) Sản phẩm: HS thực hiện được đoạn phim ngắn, hình ảnh hoặc bài thu hoạch thể hiện việc tham gia vào những hoạt động cộng đồng. d) Tổ chức thực hiện:	
– Giao nhiệm vụ: + GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ này trên lớp hoặc ở nhà. + GV nêu yêu cầu cụ thể về hình thức và nội dung, cách thức thực hiện và thời gian hoàn thành. – Thực hiện nhiệm vụ: + HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV. + HS thực hiện sản phẩm và hoàn thành đúng thời gian theo yêu cầu của GV. + HS gửi sản phẩm cho GV. + GV có thể lựa chọn một số sản phẩm của HS để trao đổi trước lớp. – GV kết luận, nhận định: GV tổng kết hoạt động, động viên, khích lệ và có thể trao phần thưởng cho những sản phẩm xuất sắc.	
Hoạt động tổng kết a) Mục tiêu: Khắc sâu các YCCĐ về phẩm chất và năng lực cho HS. b) Nội dung: Nhận xét, đánh giá thái độ, hành vi thực hiện trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng; Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng. c) Tổ chức thực hiện:	
– GV yêu cầu đại diện của các nhóm tổng kết về các nội dung: + Khái niệm hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng. + Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. + Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. + Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. + Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng. – GV nhận xét, đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực. – GV động viên, giao nhiệm vụ tiếp nối.	– Đại diện các nhóm trình bày ý kiến tổng kết về nội dung bài học. – Các nhóm khác góp ý kiến để hoàn thiện. – HS tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá của GV và nhận nhiệm vụ tiếp nối được giao.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC

- *Xác định nội dung dạy học:*

- Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng.
- Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.
- Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.

– Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.

- Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

- *Kiến thức trọng tâm:*

– Hoạt động cộng đồng là những hoạt động được tổ chức trong nhà trường, xã hội bởi các cá nhân, tập thể, tổ chức và mang lại lợi ích chung cho cộng đồng như: Phong trào kế hoạch nhỏ; Nụ cười hồng; Đến ơn đáp nghĩa; Hiến máu nhân đạo; Bảo vệ môi trường; Mùa hè xanh; Kì nghỉ hồng;...

– Tham gia hoạt động cộng đồng có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, giúp mỗi cá nhân được rèn luyện về kĩ năng sống, sự trưởng thành và tinh thần trách nhiệm, đóng góp công sức, trí tuệ của mình vào công việc chung của xã hội. Từ đó, góp phần tạo dựng mối quan hệ đoàn kết, nhân ái, cùng chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh.

– HS cần nâng cao ý thức trách nhiệm, tích cực, tự giác tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. Đồng thời, cần phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

GỢI Ý ĐỂ ĐÁNH GIÁ MINH HOẠ

Chủ đề/ Bài học: TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

1. Mục đích:

Đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực sau khi học xong chủ đề “Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng”.

2. Cấu trúc đề:

Gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.
- Phần 2: Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

3. Nội dung để minh họa

3.1. Đánh giá thông qua quan sát

Đánh giá phẩm chất chăm chỉ khi tham gia làm việc nhóm của HS, GV có thể thiết kế bảng kiểm theo dạng:

Bảng kiểm về thái độ: Chăm chỉ làm việc nhóm

(Dùng cho HS tự đánh giá)

Tên học sinh:.....		
Lớp:		
Thời gian:		
Địa điểm:.....		
Người thực hiện:		
Biểu hiện	Có	Không
Hăng hái chia sẻ thông tin với các bạn		
Lắng nghe ý kiến của các bạn		
Chủ động thực hiện và hoàn thành công việc		
Nhiệt tình giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn		
.....		

RUBRICS ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

(Dùng cho GV đánh giá)

– Tên học sinh được nhận xét:.....

– Tên người nhận xét:

Tiêu chí	Mức độ đánh giá		
	Mức độ nhận biết		
	Kém	Trung bình	Tốt
1. Nêu được thể nào là hoạt động cộng đồng; kể tên một số hoạt động cộng đồng.	Chưa nêu được thể nào là hoạt động cộng đồng; chưa kể tên một số hoạt động cộng đồng.	Nêu được thể nào là hoạt động cộng đồng và kể tên một số hoạt động cộng đồng nhưng chưa đầy đủ.	Nêu được thể nào là hoạt động cộng đồng; kể tên một số hoạt động cộng đồng một cách chính xác và đầy đủ.
Thang điểm: 20	0	10	20
2. Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.	Chưa giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.	Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng nhưng chưa đầy đủ.	Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng một cách chính xác và đầy đủ.
Thang điểm: 20	0	10	20

3. Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.	Chưa nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.	Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng nhưng chưa đầy đủ.	Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng một cách chính xác và đầy đủ.
Thang điểm: 20	0	10	20
4. Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.	Chưa tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.	Tham gia nhưng chưa tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.	Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.
Thang điểm: 20	0	10	20
5. Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.	Chưa biết phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.	Biết phê phán các biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng nhưng chưa hiệu quả.	Biết phê phán các biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng một cách hiệu quả.
Thang điểm: 20	0	10	20
Tổng điểm: 100	0	50	100

Phiếu 2: PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP TÁC CỦA HỌC SINH TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM

Người đánh giá:.....

Người được đánh giá:.....

Tiêu chí	Các mức độ			
	A	B	C	D
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhận nhiệm vụ.

2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. Đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	Còn ít có ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác trong nhóm.
4. Tôn trọng quyết định chung	Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.
5. Kết quả làm việc	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.

3.2. Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập

– Nhiệm vụ số 1:

Câu 1. Hoạt động nào dưới đây không được xem là hoạt động cộng đồng?

- A. Lễ hội ẩm thực.
- B. Đến ơn đáp nghĩa.
- C. Mùa hè xanh.
- D. Hiến máu nhân đạo.

Câu 2. Đâu không phải là ý nghĩa của việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng đối với bản thân?

- A. Rèn luyện kĩ năng sống.
- B. Tinh thần trách nhiệm.

C. Đóng góp công sức của mình vào công việc chung của xã hội.

D. Nâng cao thu nhập cho bản thân.

Câu 3. “ là những hoạt động được tổ chức trong nhà trường, xã hội bởi các cá nhân, tập thể, tổ chức và mang lại lợi ích chung cho cộng đồng” là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Tình nguyện.

B. Cộng đồng.

C. Hoạt động cộng đồng.

D. Hoạt động tình nguyện.

Câu 4. Học sinh có trách nhiệm như thế nào trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng?

A. Làm hời hợt, qua loa cho xong việc.

B. Học sinh chỉ nên tập trung việc học, không cần tham gia các hoạt động.

C. Tích cực tham gia các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi.

D. Chỉ nên tham gia các hoạt động vì lợi ích cá nhân.

– Nhiệm vụ số 2:

Hãy kể tên những tấm gương tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng, giúp đỡ người khác và chia sẻ câu chuyện về tấm gương đó trước lớp.

– Nhiệm vụ số 3:

Hãy thiết kế sản phẩm (báo tường, đoạn phim ngắn, pano,...) để tuyên truyền về việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng tại trường, lớp và khu phố nơi em sinh sống.



Chủ đề: KHÁCH QUAN VÀ CÔNG BẰNG

Khách quan và công bằng

Thời lượng: 2,5 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
Trung thực	Thể hiện sự trung thực trong việc tôn trọng khách quan và công bằng.	TT.1
2. Năng lực chung		
Năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác	Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi giao tiếp với người khác.	GT – HT.2
3. Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù)		
Nhận thức chuẩn mực hành vi	Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng.	CD.1.1
	Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.	CD.1.2
Điều chỉnh hành vi	Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.	CD.1.3
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.	CD.1.4

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Học liệu

- SGK, tài liệu tham khảo về chủ đề *Khách quan và công bằng*.
- Giấy A4, A3, A0, viết lông, sáp màu,...

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, phần mềm PowerPoint,...
- Các tranh vẽ, hình ảnh và video clip thể hiện nội dung về khách quan và công bằng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kĩ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động mở đầu	Tạo tâm thế tích cực cho HS.	Chơi trò chơi “Ghép chữ”.	– Phương pháp trực quan. – Kĩ thuật tia chớp.	Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi.
Hoạt động khám phá	TT.1 GT – HT.2 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4	– Nhận biết được những biểu hiện khách quan, hiểu được ý nghĩa của khách quan và tác hại của sự thiếu khách quan. – Nhận biết được những biểu hiện công bằng, hiểu được ý nghĩa của công bằng và tác hại của sự thiếu công bằng. – Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày và biết phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.	– Dạy học giải quyết vấn đề. – Dạy học khám phá. – Dạy học hợp tác. – Kĩ thuật tia chớp. – Kĩ thuật phòng tranh. – Kĩ thuật đặt câu hỏi.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động luyện tập	TT.1 GT – HT.2 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4	– HS hiểu sâu hơn về biểu hiện của khách quan, công bằng. – HS hiểu sâu hơn về sự công bằng trong cuộc sống. – HS hiểu sâu hơn tác hại của sự thiếu khách quan.	– Đàm thoại. – Dạy học giải quyết vấn đề. – Dạy học hợp tác. – Kĩ thuật phòng tranh. – Kĩ thuật đặt câu hỏi.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá qua nhiệm vụ học tập.

Hoạt động vận dụng	TT.1 GT – HT.2 CD.1.3 CD.1.4	– HS hiểu và vận dụng kiến thức đã học để giúp lan toả giá trị của khách quan, công bằng trong cuộc sống. – HS hiểu và vận dụng những kiến thức đã được học, góp phần hạn chế sự thiếu khách quan, công bằng trong cuộc sống.	– Đàm thoại. – Dạy học giải quyết vấn đề.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động tổng kết	Theo YCCĐ	Đánh giá mức độ đáp ứng YCCĐ.	Dạy học hợp tác.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá qua nhiệm vụ học tập.

B. Các hoạt động học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động mở đầu	
Nhiệm vụ 1. Quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu	
a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới. b) Nội dung: HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 21 và thực hiện yêu cầu: <i>Hãy cho biết em liên tưởng đến câu thành ngữ nào về khách quan, công bằng và nêu ý nghĩa của câu thành ngữ đó.</i> c) Sản phẩm: HS nêu được các câu thành ngữ có nội dung tương ứng với các hình ảnh trong SGK trang 21. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng phương pháp trực quan và kĩ thuật tia chớp. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, tìm và giải thích câu thành ngữ tương ứng với các hình ảnh trong SGK trang 21. – Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu. – Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu câu trả lời. – Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, nhận xét câu trả lời phù hợp và dẫn dắt vào nội dung bài học.	– HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ. – HS lắng nghe, tương tác. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.

Gợi ý câu trả lời:

- Hình 1: Thành ngữ “Trọng nam khinh nữ” thể hiện sự phân biệt đối xử, thiếu công bằng giữa nam và nữ.
- Hình 2: Thành ngữ “Nói có sách mách có chứng” được hiểu là nói đúng sự thật và có chứng cứ rõ ràng, có thể kiểm chứng được.

Hoạt động khám phá**Khám phá 1: Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu**

- a) Mục tiêu: TT.1, CD.1.1, CD.1.2.
- b) Nội dung: HS đọc thông tin trong SGK trang 22 và thực hiện yêu cầu:
- Em hãy xác định các biểu hiện của khách quan và ý nghĩa của những biểu hiện đó trong thông tin.
 - Nêu ví dụ thể hiện sự khách quan, thiếu khách quan trong cuộc sống, công việc và kết quả của mỗi hành động, việc làm đó.
 - Em hãy cho biết tác hại của những hành vi, việc làm thiếu khách quan.
- c) Sản phẩm: HS nhận biết được những biểu hiện thể hiện sự khách quan, ý nghĩa của khách quan và tác hại của việc thiếu khách quan.
- d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học cá nhân.

Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 22 và thực hiện yêu cầu:

- Em hãy xác định các biểu hiện của khách quan và ý nghĩa của những biểu hiện đó trong thông tin.
- Nêu ví dụ thể hiện sự khách quan, thiếu khách quan trong cuộc sống, công việc và kết quả của mỗi hành động, việc làm đó.
- Em hãy cho biết tác hại của những hành vi, việc làm thiếu khách quan.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.

Bước 3: Kết luận, đánh giá:

- GV mời 2 – 3 HS trình bày câu trả lời.
- GV và HS nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và tổng kết:

- GV tổng kết các kiến thức quan trọng của nội dung bài học.
- GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu, rút thành từ khoá, câu để làm nền cho từng ý của ghi nhớ.

– HS lắng nghe nhiệm vụ.

– HS đọc thông tin trong SGK trang 22 và thực hiện yêu cầu.

– HS lần lượt trình bày các câu trả lời, các bạn khác lắng nghe và góp ý, bổ sung, trao đổi.

– HS lắng nghe và ghi nhận ý kiến. HS phát biểu được các ý chính liên quan đến biểu hiện của sự khách quan, ý nghĩa của khách quan và tác hại của việc thiếu khách quan, GV lọc ý và ghi lên bảng.

Gợi ý câu trả lời:

- Biểu hiện của khách quan: Nhìn nhận sự vật, hiện tượng chính xác, trung thực; không định kiến, thiên vị. Ý nghĩa là khi nhìn nhận đúng bản chất sự vật, sự việc thì sẽ có cách ứng xử văn hoá, phù hợp.
- HS nêu ví dụ về khách quan và thiếu khách quan, GV tùy thuộc vào câu trả lời của HS để đưa ra những nhận xét phù hợp.
- Việc thiếu khách quan sẽ dẫn đến những thiếu sót, sai lầm trong ứng xử, quyết định, có thể làm ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ giữa người với người.

Khám phá 2: Quan sát các hình ảnh, đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: TT.1, CD.1.1, CD.1.2.

b) Nội dung: HS đọc câu chuyện trong SGK trang 23 và trả lời câu hỏi:

- Chi tiết nào trong câu chuyện thể hiện sự công bằng của Hoàng Thái hậu Từ Dũ?
- Theo em, công bằng được biểu hiện như thế nào trong cuộc sống?
- Ý nghĩa của công bằng là gì? Thiếu công bằng có tác hại như thế nào?

c) Sản phẩm: HS nhận biết được những biểu hiện, ý nghĩa của công bằng và tác hại của sự thiếu công bằng.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật tia chớp.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong SGK trang 23 và trả lời câu hỏi:

+ Chi tiết nào trong câu chuyện thể hiện sự công bằng của Hoàng Thái hậu Từ Dũ?

+ Theo em, công bằng được biểu hiện như thế nào trong cuộc sống?

+ Ý nghĩa của công bằng là gì? Thiếu công bằng có tác hại như thế nào?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc câu chuyện và suy nghĩ câu trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu, rút thành từ khoá, câu để làm nền cho từng ý của ghi nhớ.

+ GV đánh giá và kết luận.

– HS đọc câu chuyện trong SGK trang 23 và thực hiện các yêu cầu của GV.

– HS lần lượt trình bày các câu trả lời, các bạn khác lắng nghe và góp ý, bổ sung, trao đổi.

– HS lắng nghe và ghi nhận ý kiến. HS phát biểu được các ý chính liên quan đến biểu hiện công bằng, ý nghĩa của công bằng và tác hại của sự thiếu công bằng, GV lọc ý và ghi lên bảng.

Gợi ý câu trả lời:

- Chi tiết trong câu chuyện thể hiện sự công bằng của Hoàng Thái hậu Từ Dũ là: trân trọng, tiến cử những người làm quan tài giỏi thật sự chứ không phải vì gia quyến thân quen.

- Biểu hiện của công bằng là không phân biệt đối xử giữa người với người. Trong các quan hệ pháp luật, đảm bảo được nguyên tắc như nhau với mọi đối tượng; trong xã hội, đảm bảo điều kiện để mỗi cá nhân đều tiếp cận được với các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội.
- Công bằng giúp cho mọi người có cơ hội phát triển một cách bình đẳng với nhau, tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, đoàn kết giữa người với người, đem lại lợi ích cho cá nhân và tập thể. Thiếu công bằng có thể dẫn đến mâu thuẫn, bất công, bất bình đẳng trong các mối quan hệ cá nhân và xã hội.

Khám phá 3: Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: TT.1, CD.1.3, CD.1.4.

b) Nội dung: HS đọc các trường hợp trong SGK trang 23 – 24 và trả lời câu hỏi:

+ Em có suy nghĩ gì về cách ứng xử của nhân vật trong các trường hợp?

+ Em sẽ góp ý như thế nào với những biểu hiện thiếu khách quan, công bằng trong các trường hợp trên một cách phù hợp nhất?

+ Theo em, làm thế nào để thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày?

c) Sản phẩm: HS thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày và biết phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.

a) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học giải quyết vấn đề và kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK trang 23 – 24 và trả lời câu hỏi:

+ Em có suy nghĩ gì về cách ứng xử của nhân vật trong các trường hợp?

+ Em sẽ góp ý như thế nào với những biểu hiện thiếu khách quan, công bằng trong các trường hợp trong SGK trang 23 – 24 một cách phù hợp nhất?

+ Theo em, làm thế nào để thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày?

– Tổ chức thực hiện: Sau khi thảo luận xong, GV chỉ định hoặc mời 1 – 2 nhóm đại diện trình bày, chia sẻ câu trả lời trước lớp, các nhóm khác lắng nghe để nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV kết luận, nhận định.

– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm đôi, đọc các trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

+ HS ghi chép phần thảo luận của nhóm ra giấy A4.

– Các nhóm đôi được GV chỉ định hoặc mời lên chia sẻ câu trả lời trước lớp. Sau khi chia sẻ xong, các nhóm có thể mời các nhóm khác cùng trao đổi, góp ý thêm để phần chia sẻ của nhóm mình được hoàn thiện hơn.

– HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

– Trường hợp 1: Cách cư xử của anh là C thiếu khách quan. Trong cuộc sống không ai tránh được những sai lầm thời HS, nhưng nếu có sự thay đổi để khắc phục, hướng thiện và cố gắng, nỗ lực thì tương lai sẽ tốt đẹp.

– Trường hợp 2: Cách cư xử ông T là thiếu sự công bằng. Khi các con trong gia đình đều được đối xử công bằng, bình đẳng, yêu thương thì các con sẽ biết yêu thương nhau, cùng hiếu thảo, kính trọng ông bà, cha mẹ, làm cho gia đình trở nên hoà thuận, hạnh phúc,...

– Chúng ta cần rèn luyện thái độ nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng một cách khách quan, công bằng, tôn trọng và bảo vệ lẽ phải; không định kiến, thiên vị trong việc đánh giá bản thân và những người xung quanh; phê phán các biểu hiện thiếu khách quan, công bằng.

Tóm tắt ghi nhớ

– GV gạch dưới hoặc tô đậm các ý phát biểu của HS đã rút thành từ khoá, câu để làm nền cho ghi nhớ.

– GV tổ chức cho HS thực hiện sơ đồ tư duy ghi nhớ theo khung:

+ Những biểu hiện của khách quan, công bằng.

+ Ý nghĩa của khách quan, công bằng.

+ Tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.

+ Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.

– HS tự ghi kết luận do GV chốt ý:

+ Biểu hiện của khách quan là nhìn nhận sự vật, hiện tượng chính xác, trung thực; không định kiến, thiên vị. Biểu hiện của công bằng là không phân biệt đối xử giữa người với người. Trong các quan hệ pháp luật, đảm bảo được nguyên tắc như nhau với mọi đối tượng; trong xã hội, đảm bảo điều kiện để mỗi cá nhân đều tiếp cận được với các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội.

+ Ý nghĩa của khách quan: giúp chúng ta nhìn nhận đúng bản chất để có cách ứng xử văn hoá, phù hợp với sự vật, hiện tượng và người khác. Ý nghĩa của công bằng: giúp cho con người có cơ hội phát triển một cách bình đẳng với nhau, tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, đoàn kết giữa người và người, đem lại lợi ích cho cá nhân và tập thể.

+ Tác hại của thiếu khách quan: dẫn đến những thiếu sót, sai lầm trong ứng xử, quyết định, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ giữa người với người. Tác hại của thiếu công bằng: có thể dẫn đến mâu thuẫn, bất công, bất bình đẳng trong các mối quan hệ cá nhân và xã hội.

+ HS cần phê phán những hành vi thiếu khách quan, thiếu công bằng một cách phù hợp.

Hoạt động luyện tập

Nhiệm vụ 1: Quan sát hình ảnh, cho biết em liên tưởng đến điều gì về khách quan, công bằng và giải thích vì sao

a) Mục tiêu: GT – HT.2, CD.1.1.

b) Nội dung: Dựa vào hình ảnh trong SGK trang 25, cho biết em liên tưởng đến điều gì về khách quan, công bằng và giải thích vì sao.

c) Sản phẩm: HS trình bày được sự khách quan, công bằng khi xem xét đánh giá sự vật, sự việc thông qua hình ảnh.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi quan sát hình ảnh trong SGK trang 25 và cho biết bản thân liên tưởng đến điều gì về khách quan, công bằng và giải thích vì sao. Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với các nhóm khác và cả lớp. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi để suy nghĩ và tìm ra câu trả lời. – Các nhóm cử đại diện để trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung để hoàn thiện câu trả lời. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.
Gợi ý câu trả lời: Biểu hiện của sự khách quan, công bằng thể hiện qua hình ảnh: Khi xem xét, đánh giá sự vật, sự việc thì cần phải khách quan, công bằng, thể hiện ở cách nhìn tổng quát, đa chiều, không nên chỉ nhìn nhận ở một khía cạnh, duy ý chí.	
Nhiệm vụ 2: Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi	
a) Mục tiêu: CD.1.1, CD.1.2, CD.1.3. b) Nội dung: HS đọc các tình huống trong SGK trang 25 và trả lời câu hỏi: – <i>Em có nhận xét gì về lời nói, việc làm của nhân vật trong các tình huống?</i> – <i>Theo em, anh B, bà V, ông M nên ứng xử như thế nào để đảm bảo sự công bằng?</i> c) Sản phẩm: HS đưa ra được nhận xét về lời nói, việc làm của nhân vật trong các tình huống và cách ứng xử phù hợp. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi đọc trường hợp trong SGK trang 25 và thực hiện yêu cầu: + <i>Em có nhận xét gì về lời nói, việc làm của nhân vật trong các tình huống?</i> + <i>Theo em, anh B, bà V, ông M nên ứng xử như thế nào để đảm bảo sự công bằng?</i> – Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với các nhóm khác. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi để đọc tình huống và thực hiện các yêu cầu. – Các nhóm cử đại diện để trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung để hoàn thiện câu trả lời. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.

Gợi ý câu trả lời: – Lời nói, việc làm của nhân vật trong các tình huống trên đang thiếu sự công bằng: + Tình huống 1: Anh B đến sau nên cần phải xếp hàng, tôn trọng mọi người, đặc biệt là những người đã đến trước và đang xếp hàng. + Tình huống 2: Ông M nên khuyên nhủ và giải thích với bà V để bà ấy thay đổi lại suy nghĩ của mình. Trong trường hợp này, chính sách cấp bảo hiểm y tế miễn phí cho người dân thuộc diện hộ nghèo không phải là phân biệt đối xử mà đây là chính sách nhằm thể hiện sự quan tâm, chăm lo của Nhà nước ta đối với những trường hợp, hoàn cảnh khó khăn, thể hiện sự công bằng, bình đẳng về mặt chính sách.	
Nhiệm vụ 3: Quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu	
a) Mục tiêu: CD1.1, CD.1.2, CD.1.4. b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh trong SGK trang 26 và thực hiện yêu cầu: – Em hãy tìm hiểu và kể lại nội dung câu chuyện ngụ ngôn được thể hiện trong hình ảnh. – Em hãy tìm các biểu hiện thể hiện sự thiếu khách quan trong câu chuyện đó và rút ra bài học cho bản thân. c) Sản phẩm: HS nhận biết được biểu hiện và tác hại của sự thiếu khách quan thông qua các nhân vật trong câu chuyện. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật phòng tranh. – Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành bốn nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm: Quan sát hình ảnh và thực hiện các yêu cầu trong SGK trang 26. – Sau khi thảo luận xong, HS ghi nội dung thảo luận ra giấy A3 và dán lên bảng trưng bày. Đại diện các nhóm lên thuyết trình. Khi nhóm thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe, đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung. – GV kết luận và đánh giá.	– HS quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu. – Các nhóm lần lượt thảo luận theo sự hướng dẫn của GV. Khi thảo luận còn thắc mắc, yêu cầu nhóm ghi chú lại để cùng trao đổi với các nhóm khác. – Đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm còn lại đặt câu hỏi, bổ sung và góp ý. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
Gợi ý câu trả lời: HS kể được câu chuyện “Thầy bói xem voi”. Sự thiếu khách quan trong câu chuyện trên là các thầy bói chỉ xem xét một bộ phận của voi mà đã nhận xét và đưa ra kết luận bao trùm về cả con voi. Bài học rút ra ở đây là không nên nhìn nhận sự vật, sự việc một cách phiến diện, chủ quan.	
Hoạt động vận dụng	
Nhiệm vụ 1: Xác định những việc làm phù hợp của bản thân để góp phần khuyến khích sự khách quan, công bằng	
a) Mục tiêu: TT.1, GT – HT.2, CD.1.3. a) Nội dung: HS tìm ví dụ về sự khách quan, công bằng ở các lĩnh vực trong đời sống. Từ đó, xác định những việc làm phù hợp của bản thân để góp phần khuyến khích sự khách quan, công bằng.	

c) Sản phẩm: HS trình bày được các ví dụ cụ thể về khách quan, công bằng trong cuộc sống và cách đóng góp của bản thân để góp phần khuyến khích sự khách quan, công bằng. d) Tổ chức thực hiện: – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm ví dụ về sự khách quan, công bằng ở các lĩnh vực trong đời sống. Từ đó, xác định những việc làm phù hợp của bản thân để góp phần khuyến khích sự khách quan, công bằng. – Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện yêu cầu trong thời gian 1 tuần. – Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày sản phẩm trước lớp. – Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tuyên dương và góp ý cho sản phẩm của HS.	
Nhiệm vụ 2: Chia sẻ các hành vi của bản thân, bạn bè hoặc người thân chưa thể hiện sự khách quan, công bằng và đề xuất những cách khắc phục phù hợp	
a) Mục tiêu: TT.1, GT – HT.2, CD.1.4. b) Nội dung: HS tìm và chia sẻ các hành vi của bản thân, bạn bè hoặc người thân chưa thể hiện sự khách quan, công bằng và đề xuất những cách khắc phục phù hợp. c) Sản phẩm: HS chia sẻ về các hành vi của bản thân, bạn bè hoặc người thân chưa thể hiện sự khách quan, công bằng và nội dung đề xuất những cách khắc phục phù hợp. d) Tổ chức thực hiện: – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm và chia sẻ các hành vi của bản thân, bạn bè hoặc người thân chưa thể hiện sự khách quan, công bằng và đề xuất những cách khắc phục phù hợp. – Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện yêu cầu trong thời gian 1 tuần. – Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày sản phẩm thực hiện trước lớp. – Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tuyên dương và góp ý cho sản phẩm của HS.	
Hoạt động tổng kết a) Mục tiêu: Khắc sâu các YCCĐ về phẩm chất và năng lực cho HS. b) Nội dung: Nhận xét, đánh giá thái độ, hành vi thực hiện sự khách quan, công bằng; Phê phán những hành vi thiếu khách quan, công bằng trong cuộc sống. c) Tổ chức thực hiện:	
– GV yêu cầu đại diện của các nhóm tổng kết về các nội dung: + Biểu hiện của khách quan, công bằng. + Ý nghĩa của khách quan, công bằng. + Tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. + Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày. + Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. – GV nhận xét, đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực. – GV động viên, giao nhiệm vụ tiếp nối.	– Đại diện các nhóm trình bày ý kiến tổng kết về nội dung bài học. – Các nhóm khác góp ý kiến để hoàn thiện. – HS tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá của GV và nhận nhiệm vụ tiếp nối được giao.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC

- *Xác định nội dung dạy học:*
 - Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng.
 - Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.
 - Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.
 - Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.
- *Kiến thức trọng tâm:*
 - Biểu hiện khách quan, công bằng:
 - + Biểu hiện của khách quan là nhìn nhận sự vật, hiện tượng chính xác, trung thực; không định kiến, thiên vị.
 - + Biểu hiện của công bằng là không phân biệt đối xử giữa người với người. Trong các quan hệ pháp luật, đảm bảo được nguyên tắc như nhau với mọi đối tượng; trong xã hội, đảm bảo điều kiện để mỗi cá nhân đều tiếp cận được với các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội.
 - Ý nghĩa của khách quan, công bằng:
 - + Ý nghĩa của khách quan: giúp chúng ta nhìn nhận đúng bản chất để có cách ứng xử văn hoá, phù hợp với sự vật, hiện tượng và người khác.
 - + Ý nghĩa của công bằng: giúp cho con người có cơ hội phát triển một cách bình đẳng với nhau, tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, đoàn kết giữa người và người, đem lại lợi ích cho cá nhân và tập thể.
 - Tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng:
 - + Tác hại của thiếu khách quan: dẫn đến những thiếu sót, sai lầm trong ứng xử, quyết định, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ giữa người với người.
 - + Tác hại của thiếu công bằng: có thể dẫn đến mâu thuẫn, bất công, bất bình đẳng trong các mối quan hệ cá nhân và xã hội.
 - HS cần phê phán những hành vi thiếu khách quan, thiếu công bằng một cách phù hợp.

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

GỢI Ý ĐỀ ĐÁNH GIÁ MINH HOẠ

Chủ đề/ Bài học: KHÁCH QUAN VÀ CÔNG BẰNG

1. Mục đích:

Đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực sau khi học xong chủ đề “Khách quan và công bằng”.

2. Cấu trúc đề:

Gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.
- Phần 2: Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

3. Nội dung để minh họa

3.1. Đánh giá thông qua quan sát

Đánh giá phẩm chất chăm chỉ khi tham gia làm việc nhóm của HS, GV có thể thiết kế bảng kiểm theo dạng:

Bảng kiểm về thái độ: Chăm chỉ làm việc nhóm
(Dùng cho HS tự đánh giá)

Tên học sinh:.....		
Lớp:		
Thời gian:		
Địa điểm:.....		
Người thực hiện:		
Biểu hiện	Có	Không
Hăng hái chia sẻ thông tin với các bạn		
Lắng nghe ý kiến của các bạn		
Chủ động thực hiện và hoàn thành công việc		
Nhiệt tình giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn		
.....		

RUBRICS ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP
(Dùng cho GV đánh giá)

- Tên học sinh được nhận xét:.....
- Tên người nhận xét:

Tiêu chí	Mức độ đánh giá		
	Mức độ nhận biết		
	Kém	Trung bình	Tốt
1. Nêu được một số biểu hiện khách quan, công bằng.	Chưa nêu được được một số biểu hiện khách quan, công bằng.	Nêu được nhưng còn chưa đầy đủ về một số biểu hiện khách quan, công bằng.	Nêu được chính xác và đầy đủ về một số biểu hiện khách quan, công bằng.
Thang điểm: 20	0	10	20

2. Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng và nêu được tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.	Chưa hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng và chưa nêu được tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.	Hiểu được nhưng còn chưa đầy đủ về ý nghĩa của khách quan, công bằng và tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.	Nêu được chính xác và đầy đủ về ý nghĩa của khách quan, công bằng và tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.
Thang điểm: 20	0	10	20
3. Nêu được những lời nói, hành động thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.	Chưa nêu được những lời nói, hành động cụ thể thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.	Nêu được nhưng chưa cụ thể những lời nói, hành động thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.	Nêu đúng và đầy đủ những lời nói, hành động cụ thể thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.
Thang điểm: 20	0	10	20
4. Phê phán những hành vi không khách quan, công bằng.	Chưa biết phê phán những hành vi không khách quan, công bằng.	Biết phê phán nhưng chưa thuyết phục đối với những hành vi không khách quan, công bằng.	Biết phê phán một cách thuyết phục và hiệu quả đối với những hành vi không khách quan, công bằng.
Thang điểm: 40	0	20	40
Tổng điểm: 100	0	50	100

Phiếu 2: PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP TÁC CỦA HỌC SINH TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM

Người đánh giá:.....

Người được đánh giá:.....

Tiêu chí	Các mức độ			
	A	B	C	D
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. Đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	Còn ít có ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.

3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác trong nhóm.
4. Tôn trọng quyết định chung	Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.
5. Kết quả làm việc	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.

3.2. Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập

– Nhiệm vụ số 1:

Câu 1. Ý nào dưới đây không phải là biểu hiện của khách quan?

- A. Nhìn nhận sự vật, hiện tượng chính xác, trung thực.
- B. Luôn nhìn nhận mọi việc mang tính cá nhân.
- C. Không định kiến, thiên vị.
- D. Luôn tôn trọng và bảo vệ quan điểm đúng.

Câu 2. Ý nào dưới đây không phải là biểu hiện của công bằng?

- A. Không phân biệt đối xử giữa người với người.
- B. Trong các quan hệ pháp luật, đảm bảo được nguyên tắc như nhau, bình đẳng với mọi đối tượng.
- C. Đảm bảo điều kiện để mỗi cá nhân đều tiếp cận được với các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội.
- D. Pháp luật chỉ bảo vệ cho những người đã đủ tuổi trưởng thành.

Câu 3. Điều nào không phải là ý nghĩa của công bằng?

- A. Giúp cho con người có cơ hội phát triển một cách bình đẳng với nhau.
- B. Tạo nên sự phân biệt giữa các tầng lớp trong xã hội, tiền đề cho sự phát triển.
- C. Tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, đoàn kết giữa người và người.
- D. Mang lại lợi ích cho cá nhân và tập thể.

– Nhiệm vụ số 2:

Hãy tìm những câu chuyện thể hiện sự khách quan và công bằng của các nhân vật trong lịch sử và chia sẻ cùng bạn.



Chủ đề: BẢO VỆ HOÀ BÌNH

Bảo vệ hoà bình

Thời lượng: 2 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
Trách nhiệm	Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ hoà bình.	TN.1
2. Năng lực chung		
Năng lực giao tiếp và hợp tác	Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.	GT – HT.2
3. Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù)		
Nhận thức chuẩn mực hành vi	Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình.	CD.1.1
	Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.	CD.1.2
	Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.	CD.1.3
Điều chỉnh hành vi	Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.	CD.1.4
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.	CD.1.5

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Học liệu

- SGK, tài liệu tham khảo về chủ đề *Bảo vệ hoà bình*.
- Giấy A4, A3, A0, viết lông, sếp màu,...

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, phần mềm PowerPoint,...
- Các video clip có nội dung liên quan đến bảo vệ hoà bình.
- Tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về bảo vệ hoà bình.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kĩ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động mở đầu	Tạo tâm thế tích cực cho HS.	HS kể tên những nhân vật có công lớn trong việc đấu tranh bảo vệ hoà bình ở Việt Nam hoặc trên thế giới.	– Dạy học hợp tác. – Kĩ thuật công não.	Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động khám phá	GT – HT.2 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.5	– Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. – Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. – Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. – Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.	– Dạy học hợp tác. – Kĩ thuật khăn trải bàn. – Kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động luyện tập	TN.1 GT – HT.2 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.4	– HS xây dựng bài thuyết trình về ý nghĩa của việc bảo vệ hoà bình qua câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh. – HS nhận xét những việc làm tham gia bảo vệ hoà bình. – HS phê phán các cuộc chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc.	– Dạy học cá nhân. – Dạy học hợp tác. – Kĩ thuật tia chớp.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động vận dụng	TN.1 GT – HT.2 CD.1.4	Thiết kế một sản phẩm để khuyến khích, thúc đẩy các bạn HS tham gia bảo vệ hoà bình.	– Đàm thoại. – Dạy học giải quyết vấn đề.	Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi.
Hoạt động tổng kết	Theo YCCĐ	Đánh giá mức độ đáp ứng YCCĐ.	Dạy học hợp tác.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

B. Các hoạt động học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động mở đầu	
a) Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực cho HS trước khi bắt đầu bài học. b) Nội dung: HS kể tên những nhân vật có công lớn trong việc đấu tranh bảo vệ hoà bình ở Việt Nam hoặc trên thế giới. c) Sản phẩm: HS nêu được tên những nhân vật có công lớn trong việc đấu tranh bảo vệ hoà bình ở Việt Nam hoặc trên thế giới. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật công não. – GV chia lớp thành 2 nhóm (mỗi nhóm có 3 HS đại diện để tham gia trò chơi) sau đó, phổ biến thể lệ trò chơi. – GV tổ chức thực hiện nhiệm vụ: 2 nhóm sẽ thi đua kể tên những nhân vật có công lớn trong việc đấu tranh bảo vệ hoà bình ở Việt Nam hoặc trên thế giới trong một thời gian nhất định (gợi ý: 3 – 4 phút). Mỗi lần chỉ được kể tên một nhân vật và tiến hành kể luân phiên với nhau. Các thành viên cùng nhóm sẽ hỗ trợ nhau khi tham gia trò chơi. Nhóm nào kể được nhiều tên nhân vật hơn sẽ giành chiến thắng. – GV nhận xét, tổng kết kết quả trò chơi, công bố kết quả nhóm thắng cuộc.	– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ. – HS lắng nghe, tương tác. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
Gợi ý câu trả lời: Những nhân vật có công lớn trong việc đấu tranh bảo vệ hoà bình ở Việt Nam và trên thế giới như: – Ở Việt Nam: Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Võ Thị Sáu, Phan Đình Giót, ... – Trên thế giới: Nelson Mandela, Kofi Annan, Fidel Castro, ...	
Hoạt động khám phá	
Khám phá 1: Đọc nội dung và trả lời câu hỏi	
a) Mục tiêu: GT – HT.2, CD.1.1, CD.1.2. b) Nội dung: HS đọc nội dung trong SGK trang 27 – 28 và trả lời câu hỏi: – Từ nội dung, theo em, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã gây ra hậu quả gì cho Việt Nam? – Em nhận xét như thế nào về sự khác biệt của Việt Nam trước và sau chiến tranh? Từ đó, giải thích vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. – Em hiểu thế nào là hoà bình, biểu hiện của hoà bình? c) Sản phẩm: HS nêu được khái niệm hoà bình, các biểu hiện và ý nghĩa của bảo vệ hoà bình. d) Tổ chức thực hiện:	

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật khăn trải bàn.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong SGK trang 27 – 28:

+ *Từ nội dung trên, theo em, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã gây ra hậu quả gì cho Việt Nam?*

+ *Em nhận xét như thế nào về sự khác biệt của Việt Nam trước và sau chiến tranh? Từ đó, giải thích vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.*

+ *Em hiểu thế nào là hoà bình, biểu hiện của hoà bình?*

– Tổ chức thực hiện:

+ Với câu hỏi 1 và 2, GV có thể cho HS thảo luận theo nhóm đôi. Sau đó, chỉ định hoặc mời 2 – 3 nhóm đại diện trả lời. Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý nếu có. Với câu hỏi 3, GV chia lớp thành 6 nhóm (mỗi nhóm từ 4 – 6 HS). Các nhóm sẽ được nhận một tờ giấy khổ lớn A0 và phân công nhiệm vụ tương ứng với câu hỏi trong SGK trang 28.

+ HS chia giấy A0 thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm.

+ Mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với các phần xung quanh. Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm sẽ ghi các ý kiến/ câu trả lời được thống nhất vào phần trung tâm của giấy A0.

– GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày, trả lời các câu hỏi và mời các nhóm khác nhận xét.

– GV nhận xét và chốt các ý theo nội dung hoạt động

– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

– Các nhóm cử đại diện để trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung để hoàn thiện câu trả lời.

Gợi ý câu trả lời:

– Những hậu quả vô cùng to lớn mà cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã gây ra cho Việt Nam là: miền Bắc đã bị tàn phá nặng nề; hầu hết các thành phố, thị xã đều bị đánh phá (12 thị xã, 51 thị trấn bị phá huỷ hoàn toàn); 5 triệu m² nhà ở bị phá huỷ; hàng trăm hecta ruộng đất bị hoang hoá; 3 000 trường học, 350 bệnh viện bị bắn phá;... Hậu quả của cuộc chiến tranh đối với miền Nam còn nặng nề hơn: nửa triệu hecta ruộng bị bỏ hoang; 1 triệu hecta rừng bị chất độc hoá học, bom đạn cày xới; môi trường sinh thái ở những vùng bị nhiễm chất độc hoá học còn gây hệ lụy cho các thế hệ sau, kể cả những người không tham gia chiến tranh.

– Sự khác biệt của Việt Nam trước và sau chiến tranh: Trước chiến tranh, đất nước ta phải gánh chịu những tổn thất nghiêm trọng về người và của; sau chiến tranh, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, quan trọng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, ngoại giao. Vị thế của đất nước không ngừng được nâng cao, đời sống của nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc.

– Hoà bình là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang; con người được sống vui vẻ, hoà thuận, hạnh phúc; là khát vọng của toàn nhân loại. Biểu hiện của hoà bình là giữ gìn cuộc sống bình yên; không để xảy ra mâu thuẫn giữa các dân tộc, tôn giáo và quốc gia; không để xảy ra chiến tranh hay xung đột vũ trang. Chúng ta cần phải bảo vệ hoà bình vì những lợi ích to lớn, thiết thực mà hoà bình đem lại, đó là giúp cho con người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc; tạo điều kiện để phát triển kinh tế – xã hội và thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới vì sự thịnh vượng chung toàn cầu.

Khám phá 2: Đọc các thông tin, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: TN.1, GT – HT.2, CD.1.4, CD.1.5.

b) Nội dung: HS đọc các thông tin và quan sát hình ảnh trong SGK trang 29 để trả lời câu hỏi:

– Các thông tin và hình ảnh đề cập đến những biện pháp nào để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình?

– Theo em, thế nào là bảo vệ hoà bình?

c) Sản phẩm: HS nêu được khái niệm bảo vệ hoà bình và những biện pháp để thúc đẩy, bảo vệ hoà bình.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin trong SGK trang 29, thảo luận theo nhóm đôi và thực hiện các yêu cầu.

– GV tổ chức thực hiện: Sau khi thảo luận xong, GV chỉ định hoặc mời 1 – 2 nhóm đại diện trình bày trước lớp, các nhóm còn lại lắng nghe để nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV kết luận, nhận định.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm đôi, quan sát hình ảnh, đọc thông tin trong SGK trang 29, thảo luận để thực hiện yêu cầu.

+ HS ghi chép phần thảo luận của nhóm vào giấy A4.

– Các nhóm đôi được GV chỉ định hoặc mời lên chia sẻ câu trả lời trước lớp. Sau khi chia sẻ xong, các nhóm có thể mời các nhóm khác cùng trao đổi, góp ý thêm để phần chia sẻ của nhóm mình được hoàn thiện hơn.

– HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

– Biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình thể hiện trong các thông tin, hình ảnh:

+ Chủ động giải quyết mâu thuẫn thông qua trao đổi, thảo luận, thương lượng, đàm phán,...

+ Giải quyết mâu thuẫn khi xảy ra xung đột, tranh chấp dựa trên công lí, chính nghĩa, tự do, bình đẳng, không thoả hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội.

– Bảo vệ hoà bình là đấu tranh để bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; thực hiện các biện pháp để chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, tranh chấp; không phân biệt, kì thị quốc gia, dân tộc;...

Khám phá 3: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: TN.1, GT – HT.2, CD.1.4.

b) Nội dung: HS đọc thông tin trong SGK trang 30 và trả lời câu hỏi:

– Theo em, câu nói của Nelson Mandela trong thông tin trên có ý nghĩa như thế nào đối với việc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc và chiến tranh phi nghĩa?

– Em hãy lấy ví dụ về một số cuộc xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa trên thế giới và bày tỏ quan điểm của em về những sự kiện đó.

c) Sản phẩm: HS giải thích được vì sao cần phê phán xung đột sắc tộc, chiến tranh phi nghĩa.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kỹ thuật khăn trải bàn.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 30 và thực hiện yêu cầu:

+ Theo em, câu nói của Nelson Mandela trong thông tin trên có ý nghĩa như thế nào đối với việc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc và chiến tranh phi nghĩa?

+ Em hãy lấy ví dụ về một số cuộc xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa trên thế giới và bày tỏ quan điểm của em về những sự kiện đó.

– Tổ chức thực hiện:

+ GV chia lớp thành 6 nhóm (mỗi nhóm có từ 4 – 6 HS). Các nhóm sẽ được nhận một tờ giấy khổ lớn A0 và phân công nhiệm vụ tương ứng với 2 câu hỏi trong SGK trang 30.

+ HS chia giấy A0 thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm.

+ Mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với các phần xung quanh.

+ Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định.

+ Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm sẽ ghi các ý kiến/ câu trả lời được thống nhất vào phần trung tâm của giấy A0.

– GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày và mời các nhóm khác nhận xét.

– GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS chủ động chia nhóm, nghiêm túc chấp hành nội quy do nhóm đề ra.

– Đại diện các nhóm lên gặp GV để nhận giấy A0 và tiến hành thực hiện các yêu cầu theo hướng dẫn của GV.

– Đại diện nhóm HS lên trình bày nội dung câu trả lời của nhóm.

– HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.

Gợi ý câu trả lời:

– Câu nói của Nelson Mandela trong thông tin có ý nghĩa vô cùng to lớn, đã trở thành biểu tượng của tự do và bình đẳng, đồng thời, lên án việc phân biệt chủng tộc, kêu gọi con người cần yêu thương, giúp đỡ nhau để cùng phát triển thay cho sự căm ghét, kì thị vì sự khác biệt màu da hay tôn giáo của họ.

– Ví dụ về một số cuộc xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa trên thế giới: xung đột giữa những cộng đồng Hồi giáo theo dòng Sunni và Shiite hay các dòng khác nhau ở trong một quốc gia như: Syria và Iraq; giữa một số quốc gia Ả-rập, Hồi giáo với nhau và với Israel (Do Thái giáo); giữa Hồi giáo và Công giáo ở Philippines, Indonesia,...

Tóm tắt ghi nhớ

– GV gạch dưới hoặc tô đậm các ý phát biểu của HS đã rút thành từ khoá, câu để làm nền cho ghi nhớ.

– GV tổ chức cho HS thực hiện sơ đồ tư duy ghi nhớ theo khung:

- + Khái niệm hoà bình.
- + Biểu hiện của hoà bình.
- + Khái niệm bảo vệ hoà bình.
- + Giải thích được vì sao phải bảo vệ hoà bình.
- + Các biện pháp bảo vệ hoà bình.
- + Trách nhiệm của HS đối với việc bảo vệ hoà bình.

– HS tự ghi kết luận do GV chốt ý:

+ Hoà bình là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang; con người được sống vui vẻ, hoà thuận, hạnh phúc; là khát vọng của toàn nhân loại.

+ Biểu hiện của hoà bình là cuộc sống bình yên, con người được học tập, lao động, phát triển, chung sống hoà thuận cùng nhau; các quốc gia tôn trọng, hợp tác cùng phát triển.

+ Bảo vệ hoà bình là đấu tranh để bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; thực hiện các biện pháp để chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, tranh chấp; không phân biệt, kì thị quốc gia, dân tộc;...

+ Cần phải bảo vệ hoà bình vì những lợi ích to lớn, thiết thực mà hoà bình đem lại: giúp con người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc; tạo điều kiện để phát triển kinh tế – xã hội và thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới vì sự thịnh vượng chung toàn cầu.

+ Biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình:

- Chủ động giải quyết mâu thuẫn thông qua trao đổi, thảo luận, thương lượng, đàm phán,...
- Giải quyết mâu thuẫn khi xảy ra xung đột, tranh chấp dựa trên công lí, chính nghĩa, tự do, bình đẳng, không thoả hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội.

+ Để góp phần bảo vệ hoà bình, mỗi người cần: học hỏi điều hay, lẽ phải; học cách sống hài hoà, văn minh; biết giải quyết các mâu thuẫn bằng cách hoà giải; chủ động can ngăn các bất đồng;...

+ Phê phán những hành vi gây xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa một cách hợp lí, an toàn.

Hoạt động luyện tập	
Nhiệm vụ 1: Xây dựng bài thuyết trình về ý nghĩa của việc bảo vệ hoà bình	
a) Mục tiêu: GT – HT.2, CD.1.1. b) Nội dung: HS đọc câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong SGK trang 31 và xây dựng bài thuyết trình về ý nghĩa của việc bảo vệ hoà bình. c) Sản phẩm: HS xây dựng được nội dung bài thuyết trình về ý nghĩa của bảo vệ hoà bình. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học cá nhân. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xây dựng nội dung bài thuyết trình về ý nghĩa bảo vệ hoà bình. – Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ mà GV đã giao. GV có thể gợi ý cho HS về bố cục bao gồm: phần mở đầu, phần nội dung, kết luận. – Báo cáo thảo luận: GV mời hoặc chỉ định một vài HS đại diện trình bày phần thuyết trình của mình, các bạn khác lắng nghe để góp ý và nhận xét. – GV nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận.	– Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe nhiệm vụ từ GV, xây dựng nội dung bài thuyết trình. – HS nào được GV gọi trả lời, mạnh dạn trình bày và có thể đặt những câu hỏi để cả lớp cùng tham gia như một diễn đàn. – HS lắng nghe phần nhận xét bài thuyết trình của bạn từ GV và rút kinh nghiệm đối với bài làm của bản thân.
Gợi ý câu trả lời: GV nhận xét và rút ra nội dung kết luận phù hợp: Khi đất nước được độc lập, tự do chính là điều kiện quan trọng giúp con người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc; tạo điều kiện để phát triển kinh tế – xã hội và thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới vì sự thịnh vượng chung của toàn cầu.	
Nhiệm vụ 2: Quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu	
a) Mục tiêu: TN.1, GT – HT.2, CD.1.2. b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh trong SGK trang 32 và thực hiện yêu cầu: – Em hãy nhận xét về những hành động, việc làm tham gia bảo vệ hoà bình của nhân vật trong các hình ảnh. – Em hãy xác định những việc làm tham gia bảo vệ hoà bình một cách phù hợp. c) Sản phẩm: HS nêu được nhận xét về những hành động, việc làm tham gia bảo vệ hoà bình. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật tia chớp. Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS, yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát các hình ảnh trong SGK trang 32 để thực hiện yêu cầu: – Em hãy nhận xét về những hành động, việc làm tham gia bảo vệ hoà bình của nhân vật trong các hình ảnh.	– Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình và thực hiện các yêu cầu. HS ghi phần trả lời của mình vào giấy A4. Câu hỏi nào chưa rõ, còn thắc mắc thì ghi chú lại để trao đổi với GV và các bạn.

– Em hãy xác định những việc làm tham gia bảo vệ hoà bình một cách phù hợp. Bước 2: GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi: – Trong quá trình HS quan sát hình ảnh, GV quan sát và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời, ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh. – GV mời hoặc chỉ định 3 – 4 HS đại diện trả lời và các bạn còn lại lắng nghe để nhận xét câu trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời. Bước 3: GV nhận xét và chốt các ý theo nội dung của hoạt động.	– HS tham gia tích cực cùng với sự hỗ trợ của GV. HS nào được GV gọi trả lời, mạnh dạn trình bày và có thể đặt những câu hỏi để cả lớp cùng tham gia như một diễn đàn. – HS khác căn cứ vào câu trả lời của bạn có thể nhận xét, góp ý cho bạn để hoàn thiện câu trả lời. – HS lắng nghe GV chốt ý.
Gợi ý câu trả lời: – Hình 1: Việc làm của các bạn trong hình là việc làm phù hợp với lứa tuổi HS, dùng thư gửi gắm những lời động viên gửi đến các chiến sĩ đang ngày đêm không ngại gian khổ để bảo vệ Tổ quốc. – Hình 2: Việc làm của các bạn trong hình là một trong những việc làm để bảo vệ hoà bình, đó là sự giao lưu, học hỏi giữa các nước với nhau trên nhiều lĩnh vực, trong đó, có giao lưu về văn hoá. – Hình 3: Việc làm của các bạn trong hình là việc làm nhằm tham gia bảo vệ hoà bình, ngoài việc cố gắng học tập thật tốt, các bạn còn có tự ý thức nâng cao sức khoẻ để sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc. – Hình 4: Lời khuyên dạy của thầy giáo nhằm khuyến khích việc trao đổi, giải quyết mâu thuẫn bằng cách lắng nghe, tìm ra nguyên nhân để giải quyết trong hoà bình. Đây cũng là một trong những biện pháp giúp bảo vệ hoà bình.	
Nhiệm vụ 3: Viết đoạn văn ngắn phê phán về hậu quả của chiến tranh	
a) Mục tiêu: TN.1, GT – HT.2, CD.1.3. b) Nội dung: HS thực hiện tìm hiểu về hậu quả của chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc để viết một đoạn văn ngắn thể hiện sự phê phán đối với tình trạng đó. c) Sản phẩm: HS viết được đoạn văn ngắn có nội dung nói về về hậu quả của chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc, đồng thời, thể hiện được sự phê phán đối với tình trạng đó. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học cá nhân. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu về hậu quả của chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc để viết một đoạn văn ngắn thể hiện sự phê phán đối với tình trạng đó. – Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân và thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của GV. – GV mời đại diện 2 – 3 HS đọc bài viết của mình trước lớp. – GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.	– Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, đọc yêu cầu và viết đoạn văn. – HS trình bày, chia sẻ, các HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi, bổ sung và góp ý. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.

Hoạt động vận dụng	
Nhiệm vụ: Thiết kế một sản phẩm để khuyến khích, thúc đẩy các bạn HS tham gia bảo vệ hoà bình	
a) Mục tiêu: TN.1, GT – HT.2, CD. 1.4. a) Nội dung: HS tự thiết kế một sản phẩm để khuyến khích, thúc đẩy các bạn HS tham gia bảo vệ hoà bình. c) Sản phẩm: HS thực hiện được sản phẩm để khuyến khích, thúc đẩy các bạn tham gia bảo vệ hoà bình. d) Tổ chức thực hiện:	
– Giao nhiệm vụ: + GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ này trên lớp hoặc ở nhà. + GV nêu yêu cầu cụ thể về hình thức và nội dung, cách thức thực hiện và thời gian hoàn thành. – Thực hiện nhiệm vụ: + HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV. + HS thực hiện sản phẩm và hoàn thành đúng thời gian theo yêu cầu của GV. + HS gửi sản phẩm cho GV. + GV có thể lựa chọn một số sản phẩm của HS để trao đổi trước lớp. – GV kết luận, nhận định: GV tổng kết hoạt động, động viên, khích lệ và có thể trao phần thưởng cho những sản phẩm xuất sắc.	
Hoạt động tổng kết	
a) Mục tiêu: Khắc sâu các YCCĐ về phẩm chất và năng lực cho HS. b) Nội dung: Nhận xét, đánh giá thái độ, hành vi thực hiện trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ hoà bình; phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. c) Tổ chức thực hiện:	
– GV yêu cầu đại diện của các nhóm tổng kết về các nội dung: + Khái niệm hoà bình. + Biểu hiện của hoà bình. + Khái niệm bảo vệ hoà bình. + Giải thích được vì sao phải bảo vệ hoà bình + Các biện pháp bảo vệ hoà bình. + Trách nhiệm của HS đối với việc bảo vệ hoà bình. – GV nhận xét, đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực. – GV động viên, giao nhiệm vụ tiếp nối.	– Đại diện các nhóm trình bày ý kiến tổng kết về nội dung bài học. – Các nhóm khác góp ý kiến để hoàn thiện. – HS tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá của GV và nhận nhiệm vụ tiếp nối được giao.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC

- *Xác định nội dung dạy học:*
 - Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình.
 - Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.
 - Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.
 - Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.
 - Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.
- *Kiến thức trọng tâm:*
 - Bảo vệ hoà bình là đấu tranh để bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; thực hiện các biện pháp để chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, tranh chấp; không phân biệt, kì thị quốc gia, dân tộc;...
 - Cần phải bảo vệ hoà bình vì những lợi ích to lớn, thiết thực mà hoà bình đem lại: giúp con người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc; tạo điều kiện để phát triển kinh tế – xã hội và thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới vì sự thịnh vượng chung toàn cầu.
 - Biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình:
 - + Chủ động giải quyết mâu thuẫn thông qua trao đổi, thảo luận, thương lượng, đàm phán,...
 - + Giải quyết mâu thuẫn khi xảy ra xung đột, tranh chấp dựa trên công lí, chính nghĩa, tự do, bình đẳng, không thoả hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội.
 - Để góp phần bảo vệ hoà bình, mỗi người cần: học hỏi điều hay, lẽ phải; học cách sống hài hoà, văn minh; biết giải quyết các mâu thuẫn bằng cách hoà giải; chủ động can ngăn các bất đồng;...
 - Phê phán những hành vi gây xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa một cách hợp lí, an toàn.

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

GỢI Ý ĐỀ ĐÁNH GIÁ MINH HOẠ

Chủ đề/ Bài học: BẢO VỆ HOÀ BÌNH

1. Mục đích:

Đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực sau khi học xong chủ đề “Bảo vệ hoà bình”.

2. Cấu trúc đề:

Gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.
- Phần 2: Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

3. Nội dung đề minh hoạ

3.1. Đánh giá thông qua quan sát

Đánh giá phẩm chất chăm chỉ khi tham gia làm việc nhóm của HS, GV có thể thiết kế bảng kiểm theo dạng:

Bảng kiểm về thái độ: Chăm chỉ làm việc nhóm
(Dùng cho HS tự đánh giá)

Tên học sinh:		
Lớp:		
Thời gian:		
Địa điểm:		
Người thực hiện:		
Biểu hiện	Có	Không
Hăng hái chia sẻ thông tin với các bạn		
Lắng nghe ý kiến của các bạn		
Chủ động thực hiện và hoàn thành công việc		
Nhiệt tình giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn		
.....		

Phiếu 1: RUBRICS ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP
(Dùng cho GV đánh giá)

- Tên HS được nhận xét:
- Tên người nhận xét:

Tiêu chí	Mức độ đánh giá		
	Mức độ nhận biết		
	Kém	Trung bình	Tốt
1. Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình.	Chưa nêu được khái niệm hoà bình và bảo vệ hoà bình; chưa nêu được biểu hiện của hoà bình.	Nêu được nhưng chưa đầy đủ khái niệm hoà bình và bảo vệ hoà bình; biểu hiện của hoà bình.	Nêu được chính xác và đầy đủ khái niệm hoà bình và bảo vệ hoà bình; biểu hiện của hoà bình.
Thang điểm: 20	0	10	20

2. Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.	Chưa giải thích được sự vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.	Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình nhưng chưa đầy đủ.	Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình một cách chính xác và đầy đủ.
Thang điểm: 20	0	10	20
3. Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.	Chưa nhận biết được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.	Nhận biết được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình nhưng chưa đầy đủ.	Nhận biết được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình một cách chính xác và đầy đủ.
Thang điểm: 20	0	10	20
4. Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.	Chưa biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.	Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình nhưng chưa tích cực.	Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình một cách tích cực.
Thang điểm: 20	0	10	20
5. Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.	Chưa biết phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.	Biết phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.	Biết phê phán một cách chính xác các cuộc xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.
Thang điểm: 20	0	10	20
Tổng điểm: 100	0	50	100

Phiếu 2: PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP TÁC CỦA HS TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM

– Người đánh giá:

– Người được đánh giá:

Tiêu chí	Các mức độ			
	A	B	C	D
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	– Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. – Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	– Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. – Đôi lúc, chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Còn ít có ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.

3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác trong nhóm.
4. Tôn trọng quyết định chung	Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.
5. Kết quả làm việc	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.

3.2. Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập

– Nhiệm vụ số 1:

Câu 1. Nội dung nào dưới đây không đúng về khái niệm của hoà bình?

- A. Là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang.
- B. Là con người được sống vui vẻ, hoà thuận, hạnh phúc.
- C. Là khát vọng của toàn nhân loại.
- D. Là lòng tự hào của một dân tộc.

Câu 2. Hành động, việc làm nào dưới đây không góp phần bảo vệ hoà bình?

- A. Học hỏi điều hay, lẽ phải.
- B. Học cách sống hài hoà, văn minh.
- C. Giải quyết các mâu thuẫn bằng bạo lực.
- D. Chủ động can ngăn các bất đồng.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây không phải là biểu hiện của bảo vệ hoà bình?

- A. Đấu tranh để bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
- B. Thực hiện các biện pháp để chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, tranh chấp.
- C. Không phân biệt, kì thị quốc gia, dân tộc.
- D. Không tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia lớn trên thế giới.

– Nhiệm vụ số 2:

Em hãy thiết kế một thông điệp nhằm phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa thông qua những sản phẩm như: đoạn văn ngắn (150 – 200 chữ), câu khẩu hiệu, tranh vẽ,...



Chủ đề: QUẢN LÝ THỜI GIAN HIỆU QUẢ

Quản lý thời gian hiệu quả

Thời lượng: 4 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
Trách nhiệm	Thể hiện trách nhiệm trong việc quản lý thời gian một cách hiệu quả.	TN.1
2. Năng lực chung		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Biết nhận diện vấn đề và đưa các cách thức giải quyết vấn đề một cách chính xác.	GQVĐ – ST.1
3. Năng lực phát triển bản thân (đặc thù)		
Tự nhận thức bản thân	Hiểu được thế nào là quản lý thời gian hiệu quả.	CD.1.1
	Nhận biết được sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả.	CD.1.2
	Nêu được cách quản lý thời gian hiệu quả.	CD.1.3
Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân	Thực hiện được kĩ năng quản lý thời gian hiệu quả.	CD.1.4

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Học liệu

- SGK, tài liệu tham khảo về chủ đề *Quản lý thời gian hiệu quả*.
- Giấy A4, A3, A0, viết lông, sếp màu,...

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, phần mềm PowerPoint...
- Các tranh, hình ảnh, video clip có nội dung liên quan đến việc quản lý thời gian hiệu quả.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kỹ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động mở đầu	Tạo tâm thế tích cực cho HS	Chia sẻ với các bạn về thời gian biểu của bản thân và tự nhận xét cách quản lí thời gian của mình.	Dạy học cá nhân.	Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi.
Hoạt động khám phá	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4	– HS hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả và nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả. – HS nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả. – HS thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả.	– Dạy học giải quyết vấn đề. – Dạy học khám phá. – Dạy học hợp tác. – Kỹ thuật sơ đồ tư duy. – Kỹ thuật phòng tranh. – Kỹ thuật đặt câu hỏi.	– Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động luyện tập	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3	– HS áp dụng được cách quản lí thời gian hiệu quả để xây dựng câu chuyện về quản lí thời gian và tự nhận xét về cách quản lí thời gian của bản thân. – HS áp dụng cách quản lí thời gian hiệu quả để tư vấn cách giải quyết trong các trường hợp cụ thể. – HS báo cáo được kết quả thực hiện thời gian biểu đã lập ở hoạt động khám phá.	– Dạy học hợp tác. – Dạy học giải quyết vấn đề. – Dạy học cá nhân. – Dạy học xử lí tình huống. – Kỹ thuật phòng tranh. – Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi. – Kỹ thuật đặt câu hỏi. – Kỹ thuật kể chuyện.	– Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

Hoạt động vận dụng	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.3	– HS tìm các công cụ, phương tiện hỗ trợ việc quản lí thời gian (như sổ tay, phần mềm, ứng dụng,...) và chia sẻ về cách sử dụng các công cụ này. – HS lựa chọn một công cụ quản lí thời gian phù hợp để áp dụng cho bản thân và báo cáo kết quả thực hiện.	– Dạy học giải quyết vấn đề. – Dạy học thực hành.	Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động tổng kết	Theo YCCĐ	Đánh giá mức độ đáp ứng YCCĐ.	Dạy học hợp tác.	– Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

B. Các hoạt động học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động mở đầu	
a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới. b) Nội dung: HS chia sẻ với các bạn về thời gian biểu của bản thân và tự nhận xét cách quản lí thời gian của mình. c) Sản phẩm: HS chia sẻ được về thời gian biểu của bản thân và việc quản lí thời gian của mình. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng phương pháp đàm thoại và kĩ thuật tia chớp. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia sẻ với các bạn về thời gian biểu của bản thân và tự nhận xét cách quản lí thời gian của mình. – Thực hiện nhiệm vụ: HS chia sẻ với các bạn về thời gian biểu của bản thân và tự nhận xét về cách quản lí thời gian của mình. – Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong chia sẻ về thời gian biểu của bản thân và việc quản lí thời gian của mình. – Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đưa ra nhận xét, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.	– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ. – HS lắng nghe, tương tác. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.

Gợi ý câu trả lời:

GV đưa ra kết luận và dẫn vào nội dung bài học: Trong cùng 1 phút, nếu bạn nào có sự chuẩn bị tốt và sáng tạo thì sẽ đem lại giá trị cao hơn và dù chỉ có 1 phút nhưng cũng có thể tạo ra được giá trị to lớn. Vì thế, mỗi ngày đều có 24 giờ nhưng giá trị mà chúng mang lại là khác nhau, tùy thuộc vào khả năng sử dụng thời gian của mỗi người. Khi biết làm chủ thời gian, cá nhân sẽ dễ dàng đạt được các mục tiêu đề ra và có một cuộc sống ý nghĩa hơn.

Hoạt động khám phá**Khám phá 1: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi**

a) Mục tiêu: TN.1, CD.1.1, QCVĐ – ST.1.

b) Nội dung: HS đọc thông tin trong SGK trang 33 – 34 và trả lời câu hỏi:

– Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm như thế nào về giá trị của thời gian và việc quản lí thời gian?

– Theo em, thế nào là quản lí thời gian hiệu quả? Việc quản lí thời gian hiệu quả sẽ mang lại lợi ích gì cho mỗi chúng ta?

c) Sản phẩm: HS trình bày được khái niệm quản lí thời gian hiệu quả và sự cần thiết của việc quản lí thời gian hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học giải quyết vấn đề và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.

– GV giao nhiệm vụ cho HS: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 33 – 34 và thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi.

– Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS đọc thông tin, thảo luận và suy nghĩ câu trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 nhóm xung phong phát biểu câu trả lời. Các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét câu trả lời của nhóm bạn.

– Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, nhận xét câu trả lời phù hợp.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm đôi, đọc các trường hợp trong SGK trang 33 – 34 và trả lời câu hỏi.

+ HS ghi chép phần thảo luận của mình ra giấy A4.

– Nhóm đôi được GV gọi chia sẻ câu trả lời trước lớp. Các nhóm khác cùng trao đổi góp ý thêm cho phần chia sẻ của nhóm mình được hoàn thiện.

– HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

– Quản lí thời gian hiệu quả là biết cách sắp xếp, sử dụng thời gian một cách hợp lí, không lãng phí để hoàn thành công việc theo kế hoạch đã đề ra.

– Quản lí thời gian hiệu quả giúp chúng ta chủ động trong cuộc sống; nâng cao năng suất, hiệu quả công việc; giảm áp lực, tạo động lực, từng bước hoàn thiện bản thân.

Khám phá 2: Đọc nội dung và trường hợp để thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: CD.1.2, QCVĐ – ST.1.

b) Nội dung: HS đọc nội dung và trường hợp trong SGK trang 34 – 35 để thực hiện yêu cầu:

+ Em hãy nhận xét cách thực hiện công việc của các nhân vật trong trường hợp ở SGK trang 35.

+ Dựa vào các cách quản lí thời gian hiệu quả, em hãy gợi ý cho các nhân vật cách sử dụng thời gian hợp lí, tối ưu.

c) Sản phẩm: HS trình bày được các cách quản lí thời gian hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật phòng tranh. Bước 1: Giao nhiệm vụ và hướng dẫn thực hiện: – GV nêu vấn đề học tập, chia nhóm, giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS hoạt động nhóm. – Cách chia nhóm: HS chia nhóm (5 – 7 HS) và thảo luận trả lời các câu hỏi trong SGK trang 34 – 35. HS trình bày sản phẩm dưới dạng sơ đồ tư duy trên giấy A0. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: – HS làm việc nhóm theo hướng dẫn, phân công. – HS trình bày sản phẩm dưới dạng sơ đồ tư duy trên giấy A0. Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận: – GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận. Khi nhóm bạn trình bày, các nhóm còn lại lắng nghe để nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi nếu có thắc mắc. – GV nhận xét, bổ sung và đưa ra kết luận. Bước 4: Đánh giá và tổng kết. – GV tổng kết các kiến thức quan trọng của nội dung bài học. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu, rút thành từ khoá, câu để làm nền cho từng ý của ghi nhớ.	– HS lắng nghe nhiệm vụ và chú ý các yêu cầu về kĩ thuật hoạt động. – HS lập nhóm theo yêu cầu của GV. Nhóm bầu ra nhóm trưởng, đặt tên nhóm. Đưa ra quy tắc hoạt động của nhóm. – Các nhóm lần lượt trình bày, các nhóm khác lắng nghe và góp ý bổ sung trao đổi. – Bổ sung, nhận xét, chia sẻ cảm xúc. – HS lắng nghe và ghi nhận ý kiến. – HS phát biểu được các ý chính liên quan đến các cách quản lí thời gian hiệu quả được GV lọc ý và ghi lên bảng.
Gợi ý câu trả lời: – Bạn K và bạn B chưa biết cách quản lí thời gian hiệu quả khi cùng lúc đặt ra quá nhiều mục tiêu và chưa biết sắp xếp công việc để tập trung thời gian đúng mức. – Bạn K và bạn B có thể quản lí thời gian tốt hơn theo các hướng gợi ý sau: + Xác định mục tiêu của từng công việc: tham gia đội tuyển học sinh giỏi, tham gia câu lạc bộ thể thao và dự thi nghiên cứu khoa học. Cần phải lượng sức mình để chọn lựa tham gia tất cả các hoạt động hay tham gia hoạt động nào trước, hoạt động nào sau. + Cần phải lên kế hoạch thực hiện chi tiết cho từng công việc. + Quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra. – Để quản lí thời gian hiệu quả, HS cần: + Xác định mục tiêu công việc: Xác định các công việc cần hoàn thành; Xác định thời hạn của mỗi công việc; Xác định công việc theo thứ tự ưu tiên. + Xây dựng kế hoạch thực hiện công việc: Phân bổ thời gian cụ thể để hoàn thành công việc theo thứ tự thời gian, phù hợp với mục tiêu của công việc theo ngày/ tuần/ tháng thực hiện công việc; Xác định cách thức hoàn thành công việc phù hợp với bản thân (những công việc bản thân tự thực hiện; những công việc cần có sự hỗ trợ của người khác,...). + Thực hiện công việc: Tuân thủ công việc theo kế hoạch đã xây dựng, không làm quá nhiều việc trong cùng một lúc; Khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện mục tiêu đã đề ra; Điều chỉnh kế hoạch trong trường hợp cần thiết.	

Khám phá 3: Dựa vào cách quản lí thời gian hiệu quả, HS xây dựng thời gian biểu theo gợi ý dưới đây và thuyết trình trước lớp

- a) Mục tiêu: TN.1, CD1.4, GQVĐ – ST.1.
 b) Nội dung: Dựa vào cách quản lí thời gian hiệu quả, HS xây dựng thời gian biểu theo gợi ý trong SGK trang 35 và thuyết trình trước lớp.
 c) Sản phẩm: HS xây dựng được thời gian biểu theo gợi ý và thực hiện thuyết trình trước lớp.
 d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học giải quyết vấn đề.

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào biểu mẫu gợi ý trong SGK trang 35 và hoàn chỉnh mẫu thời gian biểu sao cho phù hợp với bản thân.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn chỉnh thời gian biểu và chuẩn bị phần nội dung trình bày trước lớp.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong trình bày về thời gian biểu của mình. Các HS khác lắng nghe và đưa ra nhận xét (nếu có).
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và đưa ra các lưu ý cách xây dựng thời gian biểu cho HS.

- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + HS làm việc cá nhân, đọc mẫu gợi ý trong SGK trang 35 và hoàn chỉnh mẫu thời gian biểu sao cho phù hợp với bản thân.
 - + HS trình bày sản phẩm của mình trên giấy A4.
- HS được GV gọi chia sẻ câu trả lời trước lớp. HS khác cùng trao đổi góp ý thêm cho phần chia sẻ của bạn được hoàn thiện.
- HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời:

GV nhận xét, đánh giá và lưu ý cách quản lí thời gian hiệu quả:

- Công việc cần phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về mức độ quan trọng, cần thiết.
- Thời gian hoàn thành cần cụ thể, phù hợp với yêu cầu của từng nhiệm vụ.
- Cách thức hoàn thành cần phải đa dạng, phù hợp và khả thi.

Tóm tắt ghi nhớ

- GV gạch dưới hay tô đậm ý phát biểu của HS đã rút thành từ khoá, câu để làm nền cho ghi nhớ.
- GV tổ chức cho HS thực hiện sơ đồ tư duy ghi nhớ theo khung:
 - + Khái niệm quản lí thời gian hiệu quả.
 - + Ý nghĩa của việc quản lí thời gian hiệu quả.
 - + Các cách quản lí thời gian hiệu quả.

- HS tự ghi kết luận do GV chốt:
 - + Quản lí thời gian hiệu quả là biết cách sắp xếp, sử dụng thời gian một cách hợp lí, không lãng phí để hoàn thành công việc theo kế hoạch đã đề ra.
 - + Quản lí thời gian hiệu quả giúp chúng ta chủ động trong cuộc sống; nâng cao năng suất, hiệu quả công việc; giảm áp lực, tạo động lực, từng bước hoàn thiện bản thân.
 - + Cách quản lí thời gian hiệu quả:
 - Xác định mục tiêu công việc bao gồm danh mục, thời hạn hoàn thành và thứ tự ưu tiên.

	• Xây dựng kế hoạch thực hiện công việc cần phân bổ thời gian phù hợp với mục tiêu và chọn lựa biện pháp thích hợp. • Thực hiện kế hoạch cần quyết tâm, đảm bảo tính kỉ luật và linh hoạt điều chỉnh trong trường hợp cần thiết. + HS cần thường xuyên rèn luyện kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả trong cuộc sống hằng ngày.
Hoạt động luyện tập	
Nhiệm vụ 1: <i>Viết một câu chuyện về việc quản lí thời gian của bản thân dựa vào từ khoá cho sẵn và nhận xét về cách quản lí thời gian từ câu chuyện của chính mình</i>	
a) Mục tiêu: TN.1, CD.1.3. b) Nội dung: Dựa vào các từ khoá trong SGK trang 36, HS viết một câu chuyện về việc quản lí thời gian của bản thân. Sau đó, chia sẻ và nhận xét về cách quản lí thời gian của chính mình. c) Sản phẩm: HS trình bày được câu chuyện về việc quản lí thời gian và nêu được nhận xét về cách quản lí thời gian của bản thân. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học cá nhân và phương pháp kể chuyện. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào các từ khoá trong SGK trang 36 để viết một câu chuyện về việc quản lí thời gian của bản thân. Sau đó, chia sẻ và nhận xét về cách quản lí thời gian của chính mình. – Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, dành thời gian suy nghĩ và thực hiện yêu cầu. – Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong trình bày trước lớp. Các HS lắng nghe và nhận xét phần trình bày của bạn (nếu có). – Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết và đưa ra kết luận phù hợp.	– HS làm việc cá nhân, xây dựng câu chuyện về quản lí thời gian của mình. – HS kể lại câu chuyện do mình xây dựng, các HS khác thảo luận, góp ý để hoàn thiện câu chuyện. – HS lắng nghe GV chốt ý và so với phần trả lời của mình.
Gợi ý câu trả lời: GV đưa ra các lưu ý đến HS trong quá trình thực hiện sản phẩm: Trong câu chuyện cần sử dụng các từ khoá cho sẵn trong SGK trang 36 và nói về việc quản lí thời gian có liên quan đến các hoạt động được thể hiện trong các từ khoá.	
Nhiệm vụ 2: <i>Giải quyết tình huống</i>	
a) Mục tiêu: TN.1, CD.1.3, QGVĐ – ST.1. b) Nội dung: Dựa vào các cách quản lí thời gian hiệu quả, HS tư vấn cách giải quyết phù hợp trong các trường hợp trong SGK trang 37. c) Sản phẩm: HS đưa ra được cách giải quyết phù hợp trong các trường hợp. d) Tổ chức thực hiện:	

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm: + Nhóm 1, 2: Đọc trường hợp 1 trong SGK trang 37 và đưa ra cách ứng xử phù hợp. + Nhóm 3, 4: Đọc trường hợp 2 trong SGK trang 37 và đưa ra cách ứng xử phù hợp. – Sau khi thảo luận xong, các nhóm ghi nội dung thảo luận ra giấy A3 và dán lên bảng trưng bày. Đại diện các nhóm lên trình bày câu trả lời. Khi nhóm bạn trả lời, các nhóm còn lại lắng nghe để đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung. – GV nhận xét, khích lệ những các HS tích cực và hiểu bài học. Động viên những HS khác tham gia tích cực hơn vào các hoạt động học tập.	– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp trong SGK trang 37 và suy nghĩ cách tư vấn phù hợp cho các nhân vật. – Đại diện nhóm lên thuyết trình, các nhóm khác đặt câu hỏi và nhận xét, bổ sung. – HS lắng nghe, rút kinh nghiệm cho những lần trình bày sau, đặc biệt là kĩ thuật trình bày trước đám đông.
Gợi ý câu trả lời: – Trường hợp 1: Bạn C đã quản lí thời gian chưa hiệu quả nên có nguy cơ sẽ không hoàn thành tốt kì thi học kì. Vì vậy, bạn C nên: + Lập thời gian biểu cụ thể, phù hợp để áp dụng, trong đó, cần xác định rõ từng khung thời gian trong ngày gắn với các hoạt động và cần bố trí thời gian thoả đáng cho việc học tập, ôn bài. + Quyết tâm thực hiện thời gian biểu đã đề ra. Nếu cần thiết, có thể nhờ sự trợ giúp, nhắc nhở của người thân trong gia đình hoặc bạn bè để có thể thực hiện đúng theo thời gian biểu đã đề ra. + Thường xuyên xem xét, đánh giá lại sự phù hợp của thời gian biểu để có sự điều chỉnh kịp thời. – Trường hợp 2: Bạn A chưa biết cách quản lí thời gian hiệu quả vì cùng lúc thực hiện quá nhiều mục tiêu. Do vậy, các mục tiêu đều không hoàn thành. Bạn A nên: + Xác định công việc nào thật sự quan trọng, cần thiết để thực hiện. + Xác định thứ tự các công việc cần ưu tiên. + Xác định kế hoạch để thực hiện từng công việc. + Quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra. + Điều chỉnh kế hoạch trong trường hợp cần thiết.	
Nhiệm vụ 3: HS báo cáo kết quả thực hiện thời gian biểu đã lập ra ở hoạt động khám phá a) Mục tiêu: TN.1, CD.1.4. b) Nội dung: Dựa vào kết quả thực hiện thời gian biểu của bản thân trong hoạt động khám phá, HS báo cáo kết quả thực hiện. c) Sản phẩm: HS trình bày được nội dung báo cáo kết quả thực hiện thời gian biểu đã lập ra ở hoạt động khám phá. d) Tổ chức thực hiện:	

Gợi ý: Sử dụng dạy học cá nhân. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện thời gian biểu đã lập ở nhiệm vụ số 3 của hoạt động khám phá theo bảng gợi ý trong SGK trang 37. – Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, dành thời gian để chuẩn bị và báo cáo kết quả thực hiện. – Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong báo cáo kết quả thực hiện. Các HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung. – Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp, khuyến khích HS tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.	– Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe nhiệm vụ và thực hiện theo yêu cầu. – Đại diện HS lên trình bày, chia sẻ, các HS còn lại đặt câu hỏi, bổ sung và góp ý. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
Hoạt động vận dụng	
<i>Nhiệm vụ 1: Tìm các công cụ, phương tiện hỗ trợ việc quản lí thời gian (như sổ tay, phần mềm, ứng dụng,...) và chia sẻ về cách sử dụng các công cụ này</i>	
a) Mục tiêu: TN.1, CD.1.3. b) Nội dung: HS tìm các công cụ, phương tiện hỗ trợ việc quản lí thời gian (như sổ tay, phần mềm, ứng dụng,...) và chia sẻ về cách sử dụng các công cụ này. c) Sản phẩm: HS tìm hiểu và chia sẻ được về cách sử dụng các công cụ, phương tiện hỗ trợ việc quản lí thời gian (như sổ tay, phần mềm, ứng dụng,...). d) Tổ chức thực hiện:	
– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu về các công cụ, phương tiện hỗ trợ việc quản lí thời gian (như sổ tay, phần mềm, ứng dụng,...) và chia sẻ về cách sử dụng các công cụ này. – Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu. Tùy vào mục tiêu, HS có thể thực hiện nhiệm vụ này ngay tại lớp hoặc về nhà. – Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện 2 – 3 HS chia sẻ về kết quả thực hiện. – Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.	
<i>Nhiệm vụ 2: Lựa chọn một công cụ quản lí thời gian phù hợp để áp dụng cho bản thân và báo cáo kết quả thực hiện</i>	
a) Mục tiêu: TN.1, CD.1.4. b) Nội dung: HS lựa chọn một công cụ quản lí thời gian phù hợp để áp dụng cho bản thân và báo cáo kết quả thực hiện. c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện về việc áp dụng một công cụ quản lí thời gian phù hợp của HS. d) Tổ chức thực hiện:	

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nêu một hạn chế của bản thân mà mình muốn khắc phục, lập kế hoạch để khắc phục hạn chế và thực hiện mục tiêu đó trong 1 tháng, sau đó, chia sẻ kết quả với bạn.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ kết quả áp dụng công cụ của mình.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS tích cực thực hiện kế hoạch đã lập ra của mình.

Hoạt động tổng kết

a) Mục tiêu: Khắc sâu các YCCĐ về phẩm chất và năng lực cho HS.

b) Nội dung: Nhận xét, đánh giá thái độ, hành vi thực hiện việc quản lý thời gian hiệu quả của cá nhân thông qua việc nhận biết được thế nào là quản lý thời gian hiệu quả; Hiểu vì sao phải quản lý thời gian hiệu quả; Nêu được cách quản lý thời gian hiệu quả; Thực hiện quản lý thời gian hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu đại diện của các nhóm tổng kết về:
 - + Khái niệm quản lý thời gian hiệu quả.
 - + Ý nghĩa của việc quản lý thời gian hiệu quả.
 - + Các cách quản lý thời gian hiệu quả.
 - + Thực hiện quản lý thời gian hiệu quả.
- GV nhận xét, đánh giá mức độ HS đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực.
- GV động viên, giao nhiệm vụ tiếp nối.

- Đại diện các nhóm trình bày ý kiến tổng kết về nội dung bài học.
- Các nhóm khác góp ý kiến để hoàn thiện.
- HS tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá của GV và nhận nhiệm vụ tiếp nối được giao.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC

• Xác định nội dung dạy học:

- Khái niệm quản lý thời gian hiệu quả.
- Ý nghĩa của việc quản lý thời gian hiệu quả.
- Các cách quản lý thời gian hiệu quả.
- Thực hiện quản lý thời gian hiệu quả.

• Kiến thức trọng tâm:

– Khái niệm quản lý thời gian hiệu quả: là biết cách sắp xếp, sử dụng thời gian một cách hợp lý, không lãng phí để hoàn thành công việc theo kế hoạch đã đề ra.

– Ý nghĩa của việc quản lý thời gian hiệu quả: Quản lý thời gian hiệu quả giúp chúng ta chủ động trong cuộc sống; nâng cao năng suất, hiệu quả công việc; giảm áp lực, tạo động lực, từng bước hoàn thiện bản thân.

- Các cách quản lí thời gian hiệu quả:
- + Xác định mục tiêu công việc bao gồm danh mục, thời hạn hoàn thành và thứ tự ưu tiên.
- + Xây dựng kế hoạch thực hiện công việc cần phân bổ thời gian phù hợp với mục tiêu và chọn lựa biện pháp thích hợp.
- + Thực hiện kế hoạch cần quyết tâm, đảm bảo tính kỉ luật và linh hoạt điều chỉnh trong trường hợp cần thiết.
- HS cần thường xuyên rèn luyện kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả trong cuộc sống hằng ngày. Trong quá trình thực hiện quản lí thời gian, cần tập trung, cố gắng vượt qua khó khăn để đạt mục tiêu.

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

GỢI Ý ĐỀ ĐÁNH GIÁ MINH HOẠ

Chủ đề/ Bài học: QUẢN LÝ THỜI GIAN HIỆU QUẢ

1. Mục đích:

Đánh giá mức độ HS đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực sau khi học xong chủ đề “Quản lí thời gian hiệu quả”.

2. Cấu trúc đề:

Gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.
- Phần 2: Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

3. Nội dung đề minh họa

3.1. Đánh giá thông qua quan sát

Đánh giá phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ khi tham gia làm việc nhóm của HS, GV có thể thiết kế bảng kiểm theo dạng:

Bảng kiểm về thái độ: Chăm chỉ, trách nhiệm làm việc nhóm

(Dùng cho HS tự đánh giá)

Tên học sinh:		
Lớp:		
Thời gian:		
Địa điểm:		
Người thực hiện:		
Biểu hiện	Có	Không
Hăng hái chia sẻ thông tin với các bạn		
Lắng nghe ý kiến của các bạn		
Chủ động thực hiện và hoàn thành công việc		
Nhiệt tình giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn		
.....		

Phiếu 1: RUBRICS ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

(Dùng cho GV đánh giá)

– Tên HS được nhận xét:

– Tên người nhận xét:

Tiêu chí	Mức độ đánh giá		
	Mức độ nhận biết		
	Kém	Trung bình	Tốt
1. Nêu được khái niệm quản lí thời gian hiệu quả.	Chưa nêu được khái niệm quản lí thời gian hiệu quả.	Nêu được nhưng chưa đầy đủ về khái niệm quản lí thời gian hiệu quả.	Nêu được chính xác và đầy đủ khái niệm quản lí thời gian hiệu quả.
Thang điểm: 20	0	10	20
2. Nêu được ý nghĩa của việc quản lí thời gian hiệu quả.	Chưa nêu được ý nghĩa của việc quản lí thời gian hiệu quả.	Nêu được nhưng còn chưa đầy đủ về ý nghĩa của việc quản lí thời gian hiệu quả.	Nêu được chính xác và đầy đủ về ý nghĩa của việc quản lí thời gian hiệu quả.
Thang điểm: 20	0	10	20
3. Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả.	Chưa nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả.	Nêu được nhưng chưa cụ thể những cách quản lí thời gian hiệu quả.	Nêu chính xác và đầy đủ những cách quản lí thời gian hiệu quả.
Thang điểm: 20	0	10	20
4. Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả.	Không thực hiện được một số kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả.	Thực hiện được một số kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả nhưng chưa thường xuyên.	Thực hiện được các kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả một cách thường xuyên và hiệu quả.
Thang điểm: 40	0	20	40
Tổng điểm: 100	0	50	100

Phiếu 2: PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP TÁC CỦA HỌC SINH TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM

– Người đánh giá:

– Người được đánh giá:

Tiêu chí	Các mức độ			
	A	B	C	D
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhận nhiệm vụ.

2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. Đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên nhóm.	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác.	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ người khác.	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác.
4. Tôn trọng quyết định chung	Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.
5. Kết quả làm việc	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.

3.2. Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập

– Nhiệm vụ số 1:

Câu 1. Ý nào dưới đây trình bày đúng nhất về khái niệm quản lí thời gian hiệu quả?

A. Quản lí thời gian hiệu quả là sử dụng thời gian một cách hợp lí, không lãng phí để hoàn thành một số công việc cực kì quan trọng.

B. Quản lí thời gian hiệu quả là biết cách sắp xếp, sử dụng một khoảng thời gian phù hợp để hoàn thành một số công việc theo kế hoạch đã đề ra.

C. Quản lí thời gian hiệu quả là biết cách sắp xếp, sử dụng thời gian một cách hợp lí, không lãng phí để hoàn thành công việc theo kế hoạch đã đề ra.

D. Quản lí thời gian hiệu quả là biết cách sắp xếp, sử dụng thời gian một cách hợp lí để chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập theo kế hoạch đã đề ra.

Câu 2. Ý nào dưới đây không phải là ý nghĩa của việc quản lí thời gian hiệu quả?

A. Giúp chúng ta chủ động trong cuộc sống.

B. Nâng cao năng suất, hiệu quả công việc.

C. Giảm áp lực, tạo động lực, từng bước hoàn thiện bản thân.

D. Giúp mở rộng các mối quan hệ trong cuộc sống.

Câu 3. Hãy nối các nội dung ở cột B sao cho phù hợp với các bước thực hiện quản lí thời gian hiệu quả ở cột A.

A	B
A. Xác định mục tiêu công việc	1. Điều chỉnh kế hoạch trong trường hợp cần thiết.
	2. Xác định công việc theo thứ tự ưu tiên.
	3. Khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện mục tiêu đã đề ra.
B. Xây dựng kế hoạch thực hiện công việc	4. Phân bổ thời gian cụ thể để hoàn thành công việc theo thứ tự thời gian, phù hợp với mục tiêu của công việc theo ngày/ tuần/ tháng thực hiện công việc
	5. Tuân thủ công việc theo kế hoạch đã xây dựng, không làm quá nhiều việc trong cùng một lúc.
	6. Xác định thời hạn của mỗi công việc.
C. Thực hiện kế hoạch	7. Xác định cách thức hoàn thành công việc phù hợp với bản thân (những công việc bản thân tự thực hiện; những công việc cần có sự hỗ trợ của người khác,...).
	8. Xác định các công việc cần hoàn thành.

Câu 4. Nhân vật nào trong các trường hợp dưới đây chưa biết sử dụng thời gian hiệu quả?

A. Bình thường dành từ 3 đến 4 tiếng mỗi ngày để sử dụng mạng xã hội.

B. Trước khi đi ngủ, Ân thường thường liệt kê các công việc phải thực hiện của ngày hôm sau với các mốc thời gian một cách cụ thể, rõ ràng.

C. Nam sắp xếp các công việc hằng ngày dựa trên tầm quan trọng và tính cấp bách.

D. Kết thúc một ngày, Hải thường ghi chép lại một cách tỉ mỉ những việc mình đã hoàn thành và phân tích mỗi việc đó đã tốn bao nhiêu thời gian.

– Nhiệm vụ số 2:

Hãy liệt kê các nguyên nhân khiến bản thân em chưa quản lí được thời gian một cách hiệu quả và đề xuất một số biện pháp để khắc phục những hạn chế đó.

– Nhiệm vụ số 3:

Em hãy xây dựng thời gian biểu của bản thân trong một ngày theo trình tự hợp lí với các nội dung gợi ý sau: học tập, thể dục thể thao, giải trí, đọc sách, làm việc nhà, ăn uống, nghỉ ngơi.



Chủ đề: THÍCH ỨNG VỚI THAY ĐỔI

Thích ứng với thay đổi

Thời lượng: 2 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
Trách nhiệm	Thể hiện trách nhiệm đối với bản thân, thích ứng với sự thay đổi một cách hiệu quả.	TN.1
2. Năng lực chung		
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến thích ứng với sự thay đổi một cách hiệu quả.	GQVĐ – ST.1
3. Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù)		
Nhận thức chuẩn mực hành vi	Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải thích ứng với sự thay đổi.	CD.1.1
	Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.	CD.1.2
	Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.	CD.1.3
Điều chỉnh hành vi	Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.	CD.1.4
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.	CD.1.5

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Học liệu

- SGK, tài liệu tham khảo về chủ đề *Thích ứng với thay đổi*.
- Giấy A4, A3, A0, viết lông, sếp màu,...

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, phần mềm PowerPoint,...
- Các video clip có nội dung liên quan đến thích ứng với sự thay đổi.
- Tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về thích ứng với sự thay đổi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kĩ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động mở đầu	Tạo tâm thế tích cực cho HS.	HS chơi trò chơi “Thử tài nhanh trí”, chia sẻ những thay đổi có thể xảy ra đối với bản thân và gia đình.	– Đàm thoại. – Phương pháp trò chơi.	Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động khám phá	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4 CD.1.5	– Nêu được một số thay đổi có thể xảy ra trong cuộc sống. – Hiểu được ý nghĩa của thích ứng với sự thay đổi. – Nêu được các cách thích ứng với sự thay đổi.	– Dạy học hợp tác. – Dạy học khám phá. – Dạy học nêu và giải quyết vấn đề. – Kĩ thuật tia chớp. – Kĩ thuật phòng tranh. – Kĩ thuật đặt câu hỏi.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động luyện tập	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3	– Vận dụng kiến thức để xử lí tình huống. – Thực hiện được hành vi thích ứng với sự thay đổi trong một số tình huống cụ thể.	– Đàm thoại. – Dạy học hợp tác. – Dạy học giải quyết vấn đề. – Kĩ thuật phòng tranh. – Kĩ thuật đặt câu hỏi.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động vận dụng	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3	Vận dụng kiến thức để thích ứng với sự thay đổi một cách hiệu quả trong học tập và cuộc sống.	– Đàm thoại. – Dạy học giải quyết vấn đề.	Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi.
Hoạt động tổng kết	Theo YCCĐ	Đánh giá mức độ đáp ứng YCCĐ.	Dạy học hợp tác.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

B. Các hoạt động học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động mở đầu	
a) Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực cho HS trước khi bắt đầu bài học. b) Nội dung: HS chơi trò chơi tranh tài để kể ra những thay đổi có thể xảy ra đối với bản thân và gia đình. c) Sản phẩm: HS kể ra được những thay đổi có thể xảy ra đối với bản thân và gia đình. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và phương pháp trò chơi. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia sẻ những thay đổi có thể xảy ra đối với bản thân và gia đình. – GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Thử tài nhanh trí” theo phương pháp dạy học công não. Sau đó, GV mời HS phát biểu. Lưu ý: HS phát biểu sau không được trả lời trùng với các bạn trước đó. – GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.	– HS chuẩn bị và tham gia trò chơi, lần lượt kể ra những thay đổi có thể xảy ra đối với bản thân và gia đình. – HS lắng nghe, tương tác. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
Gợi ý câu trả lời: GV gợi mở, dẫn dắt vào nội dung bài học: Cuộc sống luôn vận động không ngừng và chúng ta rất khó tránh khỏi những điều bất ngờ có thể xảy ra. Do vậy, việc trang bị kĩ năng thích ứng với thay đổi chính là chìa khóa giúp mỗi cá nhân luôn vững tâm trong cuộc sống, đặc biệt là trong thời đại công nghệ số hiện nay.	
Hoạt động khám phá	
Khám phá 1. Đọc câu chuyện và các trường hợp để trả lời câu hỏi	
a) Mục tiêu: TN.1, QQVĐ – ST.1, CD.1.2. b) Nội dung: HS đọc câu chuyện và các trường hợp trong SGK trang 38 – 39 để trả lời câu hỏi: – Theo em, có những thay đổi nào đã xảy ra với các nhân vật trong câu chuyện và các trường hợp? – Những thay đổi đó đã ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của họ? c) Sản phẩm: HS nhận biết được một số thay đổi có nguy cơ xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học giải quyết vấn đề và kĩ thuật tia chớp. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc câu chuyện và các trường hợp trong SGK trang 38 – 39 để trả lời câu hỏi. – GV mời 2 – 3 HS đại diện phát biểu câu trả lời. Các HS còn lại lắng nghe để nhận xét, bổ sung.	– HS đọc câu chuyện, các trường hợp và suy nghĩ câu trả lời. – HS lắng nghe, tương tác.

– GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu, rút thành từ khoá, câu để làm nền cho từng ý của ghi nhớ.	– HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
Gợi ý câu trả lời: – Đối với câu chuyện của thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký: Lúc còn nhỏ, bạn Ký bị ốm nặng, làm cho đôi tay bị liệt, không cử động được. Bạn Ký đã cảm thấy rất buồn, bị bạn bè trêu chọc. Sự thay đổi này là bất ngờ đối với cả Ký và gia đình, dẫn đến rất nhiều bất tiện, khó khăn trong cuộc sống. Đến tuổi đi học, bạn Ký không thể viết bằng tay mà phải thử nhiều biện pháp khác nhau cho đến khi tập được thói quen viết bằng chân. Nhờ nỗ lực phi thường của bản thân và sự quan tâm, hỗ trợ của gia đình, giáo viên mà Nguyễn Ngọc Ký đã được học hành bài bản, trở thành thầy giáo và để lại một tấm gương sáng cho hậu thế. – Đối với trường hợp 1: Mẹ bạn K không may bị tai nạn lao động phải nằm viện 6 tháng. Khi đó, bố bạn K phải nghỉ việc để vào bệnh viện chăm sóc cho mẹ. Bạn K thì phải thay bố mẹ để quán xuyến công việc của gia đình. Nếu không có khả năng thích ứng, việc học tập và cuộc sống của bạn K sẽ gặp rất nhiều khó khăn. – Đối với trường hợp 2: Bố của bạn C làm ăn bị phá sản, phải bán nhà, dẫn đến cuộc sống gặp rất nhiều khó khăn, các thành viên đều lo lắng. Đây là một sự thay đổi bất ngờ, không được chuẩn bị tâm thế từ trước nên các thành viên trong gia đình bạn C, nhất là hai mẹ con bạn ấy rất lo lắng. Thực tế này đòi hỏi các thành viên trong gia đình phải cùng nhau cố gắng để vượt lên thì mới có thể từng bước ổn định kinh tế, đảm bảo cuộc sống cho gia đình.	
Khám phá 2: Đọc nội dung và trả lời câu hỏi	
a) Mục tiêu: TN.1, QQVĐ – ST.1, CD.1.2. b) Nội dung: HS đọc nội dung trong SGK trang 40 và trả lời câu hỏi: – Anh B đã làm gì để thích ứng với sự thay đổi của bản thân? – Để thích ứng với sự thay đổi, cần rèn luyện những kỹ năng nào? c) Sản phẩm: HS nêu được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống và các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học cá nhân và kỹ thuật công não. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc nội dung trong SGK trang 40 và trả lời câu hỏi: + Anh B đã làm gì để thích ứng với sự thay đổi của bản thân? + Để thích ứng với sự thay đổi, cần rèn luyện những kỹ năng nào? – GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu, rút thành từ khoá, câu để làm nền cho từng ý của ghi nhớ.	– HS đọc nội dung và suy nghĩ câu trả lời – HS lần lượt trình bày các câu trả lời, các bạn khác lắng nghe và góp ý, bổ sung, trao đổi. – HS lắng nghe GV chốt ý.

Gợi ý câu trả lời: – Thích ứng với thay đổi giúp con người có được sự chủ động trước những khó khăn, biến cố không lường trước để tiếp tục phấn đấu đi đến hạnh phúc và thành công. – Anh B đã thích ứng với tai nạn gãy chân bằng cách: chấp nhận và đối diện với sự thay đổi của bản thân; giữ được sự bình tĩnh khi tai nạn xảy ra; chủ động tìm cách giải quyết vấn đề theo hướng tích cực. – Để thích ứng với thay đổi, cần rèn luyện những kỹ năng: quản lý cảm xúc, giải quyết vấn đề, tư duy tích cực, tư duy sáng tạo,...	
Khám phá 3: Quan sát các hình ảnh để tư vấn cách thích ứng với thay đổi phù hợp cho các nhân vật	
a) Mục tiêu: TN.1, QCVĐ – ST.1, CD.1.2. b) Nội dung: HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 41 để tư vấn cách thích ứng với thay đổi phù hợp cho các nhân vật. c) Sản phẩm: HS trình bày được nội dung tư vấn về cách thích ứng với thay đổi phù hợp cho các nhân vật. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng phương pháp trực quan và kỹ thuật tia chớp. – GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 41 để tư vấn cách thích ứng với thay đổi phù hợp cho các nhân vật. – GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời. Các HS còn lại lắng nghe để nhận xét, bổ sung. – GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp.	– HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ nội dung tư vấn cho các nhân vật. – HS lắng nghe, tương tác. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
Gợi ý câu trả lời: – Đối với hình 1: HS nên thể hiện sự đồng cảm, chia sẻ với cảm xúc lo lắng, buồn rầu của bạn nữ. Đồng thời, nói thêm để bạn nữ hiểu rằng, sinh – tử là quy luật tất yếu của con người. Do vậy, bạn ấy nên dành nhiều thời gian hơn ở bên cạnh và chăm sóc cho ông. Giả sử, ông không qua khỏi thì vẫn còn những người thân, bạn bè bên cạnh bạn ấy. Điều quan trọng là bạn nữ cần học tốt, sống tốt để ông nội luôn cảm thấy vui lòng. – Đối với hình 2: HS nên chia sẻ với bạn nam về sự lo lắng, bất an, hối tiếc,... mà bạn ấy đang trải qua. Phân tích để bạn ấy hiểu rằng, cần phải dũng cảm nhận lỗi và thông tin cho bố mẹ biết để có được những giải pháp hỗ trợ. Có thể, việc mua máy vi tính sẽ bị hoãn lại nhưng bạn nam cần cố gắng học tập thật tốt để bố mẹ cảm thấy yên tâm. Đến khi mua được máy vi tính rồi, bạn nam cần chịu khó học hỏi để sử dụng vào mục đích phù hợp.	
Tóm tắt ghi nhớ – GV gạch dưới hoặc tô đậm các ý phát biểu của HS đã rút thành từ khoá, câu để làm nền cho ghi nhớ. – GV tổ chức cho HS thực hiện sơ đồ tư duy ghi nhớ theo khung:	– HS tự ghi kết luận do GV chốt ý: + Một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình như: sức khỏe, điều kiện kinh tế, công việc, sự mất mát, môi trường sống,...

+ Biểu hiện của thích ứng với sự thay đổi. + Ý nghĩa của thích ứng với sự thay đổi. + Các cách thích ứng với sự thay đổi.	+ Thích ứng với thay đổi giúp chúng ta vượt qua được sự thay đổi của hoàn cảnh; sống phù hợp với hoàn cảnh; không ngừng tự hoàn thiện và phát triển bản thân. + Một số biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống như: • Chấp nhận rằng sự thay đổi là tất yếu. • Giữ sự bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh. • Chủ động tìm cách giải quyết vấn đề theo hướng tích cực.
---	---

Hoạt động luyện tập

Nhiệm vụ 1: Bài tỏ quan điểm đối với các trường hợp

- a) Mục tiêu: GQVĐ – ST.1, CD.1.3.
- b) Nội dung: HS đọc các trường hợp trong SGK trang 41 để bày tỏ quan điểm đồng tình hay không đồng tình về cách thích ứng với sự thay đổi và giải thích vì sao.
- c) Sản phẩm: HS chia sẻ và bảo vệ được quan điểm của bản thân đối với các trường hợp.
- d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật phòng tranh.

- GV yêu cầu HS thể hiện và bảo vệ quan điểm về cách thích ứng với sự thay đổi của nhân vật trong các trường hợp ở SGK trang 41.
- GV yêu cầu HS chia sẻ theo nhóm đôi, trình bày quan điểm cho từng trường hợp cùng với phần nội dung giải thích lí do. Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với các nhóm khác hoặc cả lớp.
- GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu.
- GV đưa ra đánh giá và kết luận.

- HS thảo luận nhóm đôi để bày tỏ quan điểm của bản thân về các trường hợp.
- Các nhóm đôi xung phong trình bày nội dung đã thảo luận. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.

Gợi ý câu trả lời:

- Trường hợp a: Cách làm của bạn M không hoàn toàn phù hợp bởi vì bản thân bạn M phải nỗ lực trước rồi mới nhờ đến sự giúp đỡ của người khác sau.
- Trường hợp b: Cách của bạn A là phù hợp vì việc làm của bạn ấy có thể học được nhiều điều hay, giá trị từ các danh nhân.
- Trường hợp c: Cách của bạn Y là không phù hợp bởi vì khi suy nghĩ tiêu cực sẽ khó tìm ra được giải pháp để giải quyết vấn đề.

– Trường hợp d: Cách của bạn B không phải lúc nào cũng phù hợp bởi vì khi có vấn đề xảy ra, bản thân chúng ta phải nỗ lực trước, nhưng nếu như tình huống quá phức tạp, sau khi cố gắng mà vẫn chưa tìm ra giải pháp phù hợp thì nên hỏi ý kiến và đề nghị sự trợ giúp từ người khác.	
Nhiệm vụ 2: Quan sát hình ảnh để xây dựng bài thuyết trình về sự thích ứng và ý nghĩa của việc thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống	
a) Mục tiêu: QGVĐ – ST.1, CD.1.1. b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh để xây dựng bài thuyết trình về sự thích ứng và ý nghĩa của việc thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống. c) Sản phẩm: HS xây dựng được nội dung bài thuyết trình về sự thích ứng và ý nghĩa của việc thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SGK trang 42 để xây dựng bài thuyết trình về sự thích ứng và ý nghĩa của việc thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống. – GV mời 2 – 3 nhóm HS xung phong thuyết trình về nội dung đã thực hiện. Các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét và bổ sung. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS chuẩn bị bài thuyết trình. – Các nhóm HS xung phong trình bày nội dung bài thuyết trình. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.
Gợi ý câu trả lời: – Hình ảnh nói về sức mạnh của nước, là một loại sức mạnh đặc biệt – sức mạnh mềm – sức mạnh của sự thích ứng. Nhờ có sự mềm mại, linh hoạt mà nước có thể vượt qua mọi rào cản để vươn ra biển lớn. Đối với con người cũng vậy, khi có sự mềm mại, linh hoạt, uyển chuyển thì có thể đối diện, vượt qua mọi khó khăn, áp lực để đạt được hạnh phúc và thành công trong cuộc sống. – Sự thích ứng có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống, nhất là khi có những biến cố không mong muốn xảy ra. Nhờ có kĩ năng thích ứng, chúng ta có thể bình tĩnh đối diện, phân tích vấn đề và tìm ra giải pháp phù hợp, tích cực nhất.	
Nhiệm vụ 3: Đọc các tình huống và đề xuất cách thích ứng với sự thay đổi một cách phù hợp, hiệu quả	
a) Mục tiêu: TN.1, QGVĐ – ST.1, CD.1.2. b) Nội dung: HS đọc các tình huống trong SGK trang 42 để đề xuất cách thích ứng với sự thay đổi một cách phù hợp, hiệu quả. c) Sản phẩm: HS đề xuất được cách thích ứng phù hợp, hiệu quả với sự thay đổi của nhân vật trong các tình huống. d) Tổ chức thực hiện:	

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật phòng tranh. – GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm: GV yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK trang 42 và đề xuất cách thích ứng với sự thay đổi một cách phù hợp, hiệu quả. – Sau khi thảo luận xong, HS ghi nội dung thảo luận ra giấy A3 và dán lên bảng trưng bày. Đại diện các nhóm lên thuyết trình. Khi nhóm thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe, đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung. – GV kết luận và đánh giá.	– Các nhóm lần lượt thảo luận theo sự hướng dẫn của GV. Khi thảo luận, nếu còn thắc mắc, yêu cầu, các nhóm ghi chú lại để cùng trao đổi với các nhóm khác. – Đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm còn lại đặt câu hỏi, bổ sung và góp ý. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
Gợi ý câu trả lời: – Tình huống 1: Bạn N cần giữ sự bình tĩnh nhất có thể khi nghe tin nhà của mình bị cháy. Sau đó, bạn N có thể rủ bạn C cùng chạy về nhà để xem tình hình như thế nào. Nếu nhà cháy, có thể gọi cho cảnh sát phòng cháy, chữa cháy theo số tổng đài 114 và tham gia cùng với người lớn để dập đám cháy phù hợp với khả năng, sức khỏe của mình. Sau khi đám cháy được dập tắt, bạn N nên cùng với gia đình dọn dẹp và tính toán kế hoạch cho cuộc sống gia đình sắp tới. – Tình huống 2: Bạn B cần phải đối diện với sự thật là mình bị bỏng và để lại vết sẹo trên khuôn mặt. Bạn B có thể tìm một người bạn thân hoặc ai đó hiểu mình để dễ tâm sự hơn. Với sự tiến bộ của y học và thẩm mỹ như hiện nay thì việc hồi phục khuôn mặt của bạn B là có tính khả thi cao. Hơn nữa, nếu chỉ bị sẹo trên mặt thì bạn B vẫn có thể đi học và cố gắng học tốt để phát triển bản thân.	
Hoạt động vận dụng	
Nhiệm vụ: <i>Sưu tầm một câu chuyện hoặc một trường hợp chưa thích ứng với sự thay đổi để xây dựng kịch bản và đề xuất cách giải quyết</i>	
a) Mục tiêu: TN.1, QCVĐ – ST.1, CD. 1.1. a) Nội dung: HS sưu tầm một câu chuyện hoặc một trường hợp chưa thích ứng với sự thay đổi để xây dựng kịch bản và đề xuất cách giải quyết. c) Sản phẩm: HS xây dựng được kịch bản và đề xuất cách giải quyết đối với câu chuyện hoặc trường hợp chưa thích ứng với sự thay đổi. d) Tổ chức thực hiện:	
– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS sưu tầm một câu chuyện hoặc một trường hợp chưa thích ứng với sự thay đổi để xây dựng kịch bản và đề xuất cách giải quyết. – Tổ chức thực hiện: HS thực hiện sưu tầm một câu chuyện hoặc một trường hợp chưa thích ứng với sự thay đổi để xây dựng kịch bản và đề xuất cách giải quyết. – GV mời 1 – 2 HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện. – GV nhận xét, động viên HS tích cực, sáng tạo trong việc thích ứng với sự thay đổi, phù hợp với bản thân.	

Hoạt động tổng kết	
a) Mục tiêu: Khắc sâu các YCCĐ về phẩm chất và năng lực cho HS. b) Nội dung: Nhận xét, đánh giá thái độ, hành vi thực hiện thích ứng với sự thay đổi. c) Tổ chức thực hiện:	
– GV yêu cầu đại diện của các nhóm tổng kết về các nội dung: + Biểu hiện của thích ứng với sự thay đổi. + Ý nghĩa của thích ứng với sự thay đổi. + Các cách thích ứng với sự thay đổi. – GV nhận xét, đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực. – GV động viên, giao nhiệm vụ tiếp nối.	– Đại diện các nhóm trình bày ý kiến tổng kết về nội dung bài học. – Các nhóm khác góp ý kiến để hoàn thiện. – HS tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá của GV và nhận nhiệm vụ tiếp nối được giao.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC

- *Xác định nội dung dạy học:*
 - Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.
 - Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.
 - Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.
 - Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.
- *Kiến thức trọng tâm:*
 - Một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình như: sức khỏe, điều kiện kinh tế, công việc, sự mất mát, môi trường sống,...
 - Thích ứng với thay đổi giúp chúng ta vượt qua được sự thay đổi của hoàn cảnh; sống phù hợp với hoàn cảnh; không ngừng tự hoàn thiện và phát triển bản thân.
 - Một số biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống như:
 - + Chấp nhận rằng sự thay đổi là tất yếu.
 - + Giữ sự bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh.
 - + Chủ động tìm cách giải quyết vấn đề theo hướng tích cực.

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

GỢI Ý ĐỀ ĐÁNH GIÁ MINH HOẠ

Chủ đề/ Bài học: THÍCH ỨNG VỚI THAY ĐỔI

1. Mục đích:

Đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực sau khi học xong chủ đề “Thích ứng với thay đổi”.

2. Cấu trúc đề:

Gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.
- Phần 2: Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

3. Nội dung để minh họa

3.1. Đánh giá thông qua quan sát

Đánh giá phẩm chất chăm chỉ khi tham gia làm việc nhóm của HS, GV có thể thiết kế bảng kiểm theo dạng:

Bảng kiểm về thái độ: Chăm chỉ làm việc nhóm
(Dùng cho HS tự đánh giá)

Tên học sinh:		
Lớp:		
Thời gian:		
Địa điểm:		
Người thực hiện:		
Biểu hiện	Có	Không
Hăng hái chia sẻ thông tin với các bạn		
Lắng nghe ý kiến của các bạn		
Chủ động thực hiện và hoàn thành công việc		
Nhiệt tình giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn		
.....		

Phiếu 1: RUBRICS ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP
(Dùng cho GV đánh giá)

- Tên HS được nhận xét:
- Tên người nhận xét:

Tiêu chí	Mức độ đánh giá		
	Mức độ nhận biết		
	Kém	Trung bình	Tốt
1. Nêu được các thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.	Chưa nêu được các thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.	Nêu được các thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình nhưng còn chưa đầy đủ.	Nêu được các thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình một cách chính xác và đầy đủ.
Thang điểm: 20	0	10	20

2. Nhận biết được đầy đủ ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.	Chưa nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.	Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống nhưng chưa còn đầy đủ.	Nhận biết được chính xác và đầy đủ ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.
Thang điểm: 20	0	10	20
3. Nêu được đầy đủ các biện pháp thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống.	Chưa nêu được các biện pháp thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống.	Nêu được các biện pháp thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống nhưng chưa còn đầy đủ.	Nêu được chính xác và đầy đủ các biện pháp thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống.
Thang điểm: 20	0	10	20
4. Thích ứng được một cách phù hợp, hiệu quả với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.	Chưa biết thích ứng một cách phù hợp, hiệu quả với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.	Biết thích ứng một cách phù hợp, hiệu quả với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân nhưng còn chưa hiệu quả.	Biết thích ứng một cách phù hợp, hiệu quả với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.
Thang điểm: 40	0	20	40
Tổng điểm: 100	0	50	100

Phiếu 2: PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP TÁC CỦA HỌC SINH TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM

– Người đánh giá:

– Người được đánh giá:

Tiêu chí	Các mức độ			
	A	B	C	D
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	– Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. – Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	– Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. – Đôi lúc, chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Còn ít có ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.

3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác trong nhóm.
4. Tôn trọng quyết định chung	Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.
5. Kết quả làm việc	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.

3.2. Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập

– Nhiệm vụ số 1:

Câu 1. Đây là những thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- A. Sức khỏe, công việc.
- B. Môi trường sống.
- C. Điều kiện kinh tế.
- D. Thời gian của một ngày.

Câu 2. Đây không phải là ý nghĩa của việc thích ứng với sự thay đổi?

- A. Vượt qua được sự thay đổi của hoàn cảnh.
- B. Sống phù hợp với hoàn cảnh.
- C. Không ngừng tự hoàn thiện và phát triển bản thân.
- D. Giúp mở rộng các mối quan hệ trong cuộc sống.

Câu 3. Việc làm nào dưới đây không phải là biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống?

- A. Chấp nhận rằng sự thay đổi là tất yếu.
- B. Giữ sự bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh.
- C. Luôn nhờ sự giúp đỡ từ người khác.
- D. Chủ động tìm cách giải quyết vấn đề theo hướng tích cực.

– Nhiệm vụ số 2:

Hãy liệt kê 3 thói quen có thể giúp bản thân thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống và lập ra kế hoạch rèn luyện trong thời gian tới.

– Nhiệm vụ số 3:

Hãy thiết kế sản phẩm (báo tường, đoạn phim ngắn, pano,...) để tuyên truyền về việc thích ứng với sự thay đổi trong thời đại 4.0.



Chủ đề: TIÊU DÙNG THÔNG MINH

Tiêu dùng thông minh

Thời lượng: 3,5 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
Trách nhiệm	Thể hiện trách nhiệm đối với bản thân, việc tiêu dùng thông minh của bản thân và gia đình.	TN.1
2. Năng lực chung		
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến tiêu dùng thông minh một cách hiệu quả.	GQVĐ – ST.1
3. Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù)		
Nhận thức chuẩn mực hành vi	Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.	CD.1.1
	Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).	CD.1.2
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.	CD.1.3
	Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.	CD.1.4
Điều chỉnh hành vi	Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.	CD.1.5

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Học liệu

- SGK, tài liệu tham khảo về chủ đề *Tiêu dùng thông minh*.
- Giấy A4, A3, A0, viết lông, sấp màu,...

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, phần mềm PowerPoint,...
- Các tranh vẽ, hình ảnh và video clip thể hiện nội dung về tiêu dùng thông minh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kỹ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động mở đầu	Tạo tâm thế tích cực cho HS.	Chia sẻ thói quen mua hàng của mình, người thân trong gia đình và nhận xét về thói quen chi tiêu đó.	– Đàm thoại. – Kỹ thuật công não.	Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động khám phá	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4 CD.1.5	– Nêu được biểu hiện một số hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. – Hiểu được lợi ích của tiêu dùng thông minh. – Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).	– Dạy học hợp tác. – Dạy học khám phá. – Dạy học nêu và giải quyết vấn đề. – Kỹ thuật tia chớp. – Kỹ thuật phòng tranh. – Kỹ thuật đặt câu hỏi.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động luyện tập	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4 CD.1.5	– Vận dụng kiến thức để xử lý tình huống. – Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. – Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.	– Đàm thoại. – Dạy học hợp tác. – Dạy học giải quyết vấn đề. – Kỹ thuật phòng tranh. – Kỹ thuật đặt câu hỏi.	– Đánh giá qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động vận dụng	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.4	Lựa chọn lựa chọn một hoặc một số sản phẩm cần thiết với bản thân hoặc gia đình để tìm hiểu thông tin của sản phẩm.	– Đàm thoại. – Dạy học giải quyết vấn đề.	Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi.

Hoạt động tổng kết	Theo YCCĐ	Đánh giá mức độ đáp ứng YCCĐ.	Dạy học hợp tác.	– Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
---------------------------	-----------	-------------------------------	------------------	--

B. Các hoạt động học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động mở đầu	
a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS. b) Nội dung: HS chia sẻ thói quen mua hàng của mình, người thân trong gia đình và nhận xét về thói quen chi tiêu đó. c) Sản phẩm: HS trình bày và nhận xét được về thói quen mua hàng của mình, người thân trong gia đình. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học đàm thoại. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia sẻ về thói quen mua hàng của mình, người thân trong gia đình và nhận xét về thói quen chi tiêu đó. – GV dành thời gian cho HS suy nghĩ câu trả lời. GV tổ chức cho HS suy nghĩ câu trả lời lồng ghép với chủ đề <i>Tiêu dùng thông minh</i>. – GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.	– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ. – HS làm việc theo hình thức thảo luận nhóm đôi. – HS lắng nghe, tương tác. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.
Hoạt động khám phá	
Nhiệm vụ 1: Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi	
a) Mục tiêu: TN.1, GQVĐ – ST.1, CD.1.1. b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh trong SGK trang 43 – 44 và trả lời câu hỏi: – Theo em, trong các hình ảnh, hành vi tiêu dùng nào là phù hợp và hành vi nào không phù hợp? Vì sao? – Theo em, các hành vi tiêu dùng trên có thể dẫn tới những kết quả như thế nào? – Từ các hình ảnh, em hãy xác định biểu hiện của người tiêu dùng thông minh và người tiêu dùng kém thông minh. Lợi ích của hành vi tiêu dùng thông minh là gì? c) Sản phẩm: HS trình bày được biểu hiện và lợi ích của tiêu dùng thông minh. d) Tổ chức thực hiện:	

Gợi ý: Sử dụng dạy học đàm thoại. – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh SGK trang 43 – 44 và trả lời câu hỏi: – Theo em, trong các hình ảnh, hành vi tiêu dùng nào là phù hợp và hành vi nào không phù hợp? Vì sao? – Theo em, các hành vi tiêu dùng trên có thể dẫn tới những kết quả như thế nào? – Từ các hình ảnh, em hãy xác định biểu hiện của người tiêu dùng thông minh và người tiêu dùng kém thông minh. Lợi ích của hành vi tiêu dùng thông minh là gì? – Tổ chức thực hiện: GV cho HS thời gian để suy nghĩ câu trả lời cho các câu hỏi. – GV tổng kết, đánh giá, rút ra kết luận.	– HS lắng nghe nhiệm vụ và thực hiện yêu cầu. – HS lắng nghe, tương tác. – HS lắng nghe GV chốt ý.
Gợi ý câu trả lời: – Hình 2, hình 3, hình 4: Thể hiện hành vi tiêu dùng thông minh; Hình 1: Chưa thể hiện hành vi tiêu dùng thông minh. Theo đó, tiêu dùng thông minh là mua sắm có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm của từng cá nhân. – Lợi ích của việc tiêu dùng thông minh: Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng.	
Nhiệm vụ 2: Đọc nội dung, quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu	
a) Mục tiêu: TN.1, QCVĐ – ST.1, CD.1.2. b) Nội dung: Đọc nội dung, quan sát hình ảnh trong SGK trang 44 – 45 và trả lời câu hỏi: – Từ thông tin và hình ảnh 1, theo em, khi xây dựng kế hoạch tiêu dùng cần lưu ý điều gì? Vì sao? – Từ thông tin và hình ảnh 2, theo em, việc tìm hiểu các thông tin về sản phẩm sẽ mang lại những lợi ích gì? Vì sao? – Việc tìm hiểu cách sử dụng sản phẩm và phương thức thanh toán sẽ mang lại lợi như thế nào cho người tiêu dùng? Vì sao? c) Sản phẩm: HS giải thích được cần thiết của lập kế hoạch tiêu dùng, cách thức sử dụng sản phẩm và phương thức thanh toán. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật tia chớp. – GV có thể trình chiếu từng thông tin, hình ảnh trong thời gian quy định hoặc có thể thiết kế các hình ảnh chuyển động liên tiếp. GV dừng ở hình ảnh nào thì HS trả lời câu hỏi ngay ở hình ảnh đó. – GV có thể tổ chức chia lớp làm 4 nhóm, kết quả được chia thành các cột tương ứng với mỗi nhóm: + Nhóm 1: Từ thông tin và hình ảnh 1, theo em, khi xây dựng kế hoạch tiêu dùng cần lưu ý điều gì? Vì sao?	– HS lắng nghe nhiệm vụ và tham gia trò chơi. – HS lắng nghe, tương tác.

+ Nhóm 2: Từ thông tin và hình ảnh 2, theo em, việc tìm hiểu các thông tin về sản phẩm sẽ mang lại những lợi ích gì? Vì sao? + Nhóm 3, 4: Việc tìm hiểu cách sử dụng sản phẩm và phương thức thanh toán sẽ mang lại lợi ích như thế nào cho người tiêu dùng? Vì sao? – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu, rút thành từ khoá, câu để làm nền cho từng ý của ghi nhớ. – GV đánh giá và kết luận.	– HS lắng nghe GV chốt ý.
Gợi ý câu trả lời: – Khi xây dựng kế hoạch tiêu dùng cần lưu ý: kế hoạch phải phù hợp với nhu cầu của bản thân như: thức ăn, nước uống, đồ dùng học tập cần thiết, đi lại,... vì điều này sẽ giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng. – Việc tìm hiểu các thông tin về sản phẩm sẽ giúp người tiêu dùng ra quyết định thông minh, phù hợp nhu cầu và tình hình tài chính cá nhân. – Việc tìm hiểu cách sử dụng sản phẩm và phương thức thanh toán sẽ đảm bảo an toàn, bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng.	
Khám phá 3: Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu a) Mục tiêu: TN.1, QVĐ – ST.1, CD.1.2. b) Nội dung: HS đọc các trường hợp trong SGK trang 45 – 46 để thực hiện yêu cầu: <i>Em hãy áp dụng các cách tiêu dùng thông minh để gợi ý cho bạn H và bạn V cách chi tiêu phù hợp.</i> c) Sản phẩm: HS nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu hợp lý phù hợp với bản thân. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác. Bước 1: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK trang 45 – 46 để thực hiện yêu cầu: <i>Em hãy áp dụng các cách tiêu dùng thông minh để gợi ý cho bạn H và bạn V cách chi tiêu phù hợp.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin và suy nghĩ câu trả lời. Bước 3: Kết luận, đánh giá: – GV mời 2 – 3 HS trình bày câu trả lời. – GV và HS nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá và tổng kết: – GV tổng kết các kiến thức quan trọng của nội dung bài học.	– HS lắng nghe nhiệm vụ. – HS đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu. – HS lần lượt trình bày các câu trả lời, các bạn khác lắng nghe và góp ý, bổ sung, trao đổi.

– GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu, rút thành từ khoá, câu để làm nền cho từng ý của ghi nhớ.	– HS lắng nghe và ghi nhận ý kiến. HS phát biểu được các ý chính liên quan đến cách tiêu dùng thông minh sao cho hợp lí, phù hợp với bản thân, GV lọc ý và ghi lên bảng.
Gợi ý câu trả lời: – Xác định nhu cầu chính đáng và lập kế hoạch tiêu dùng: Mua đồ dùng thiết yếu phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của bản thân. – Tìm hiểu thông tin sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả,...): Chủ động tìm hiểu các thông tin về sản phẩm thông qua nhiều kênh khác nhau để chọn lọc thông tin một cách chính xác. – Sử dụng sản phẩm an toàn: Sử dụng đúng cách, đảm bảo chất lượng, an toàn cho sức khoẻ. – Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp: Sử dụng tiền mặt hoặc thanh toán trực tuyến phù hợp với bản thân, tình hình thực tế, kiểm tra kĩ hoá đơn trước khi thanh toán và lưu giữ chứng từ giao dịch để xử lí khi cần thiết.	
Tóm tắt ghi nhớ – GV gạch dưới hoặc tô đậm các ý phát biểu của HS đã rút thành từ khoá, câu để làm nền cho ghi nhớ. – GV tổ chức cho HS thực hiện sơ đồ tư duy ghi nhớ theo khung: + Biểu hiện của tiêu dùng thông minh. + Lợi ích của tiêu dùng thông minh. + Các cách tiêu dùng thông minh. + Khuyến giúp giúp đỡ bạn bè, người thân tiêu dùng thông minh.	– HS tự ghi kết luận do GV chốt ý: + Tiêu dùng thông minh là mua sắm có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm của từng cá nhân. + Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khoẻ và quyền lợi của người tiêu dùng. + Cách tiêu dùng thông minh: • Xác định nhu cầu chính đáng và lập kế hoạch tiêu dùng: Mua đồ dùng thiết yếu phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của bản thân. • Tìm hiểu thông tin sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả,...): Chủ động tìm hiểu các thông tin về sản phẩm thông qua nhiều kênh khác nhau để chọn lọc thông tin một cách chính xác. • Sử dụng sản phẩm an toàn: Sử dụng đúng cách, đảm bảo chất lượng, an toàn cho sức khoẻ. • Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp: Sử dụng tiền mặt hoặc thanh toán trực tuyến phù hợp với bản thân, tình hình thực tế, kiểm tra kĩ hoá đơn trước khi thanh toán và lưu giữ chứng từ giao dịch để xử lí khi cần thiết.

	+ HS cần rèn luyện thói quen và tuân thủ cách tiêu dùng thông minh để đảm bảo an toàn tài chính, sức khoẻ cho bản thân và gia đình. Đồng thời, khích lệ, tư vấn và thực hiện được những việc làm phù hợp để giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.
Hoạt động luyện tập	
Nhiệm vụ 1: Nhận xét thói quen tiêu dùng của các nhân vật	
a) Mục tiêu: QGVĐ – ST.1, CD.1.3 b) Nội dung: HS đọc biểu hiện của các hành vi tiêu dùng trong SGK trang 47 và nhận xét về thói quen tiêu dùng của các nhân vật: – Cô D thường mua những sản phẩm có giá càng rẻ càng tốt. – Anh T thường mua hàng theo cảm xúc hoặc a dua theo bạn bè. – Ông A thường xuyên tìm hiểu các thông tin về sản phẩm trước khi mua. – Bạn K thường dựa vào đánh giá của người khác khi mua hàng trực tuyến. – Bạn H luôn mua sắm những sản phẩm đắt tiền để thể hiện đẳng cấp của bản thân. c) Sản phẩm: HS nhận biết được những thói quen tiêu dùng thông minh. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi trình bày quan điểm về hành vi tiêu dùng của nhân vật trong các trường hợp trong SGK trang 47. Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với các nhóm khác hoặc cả lớp. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi để bày tỏ quan điểm về những hành vi tiêu dùng của các nhân vật. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình. – HS lắng nghe GV chốt ý.
Gợi ý câu trả lời: – Trường hợp c, d: Các nhân vật có thói quen tiêu dùng thông minh, cụ thể là: Tìm hiểu các thông tin về sản phẩm trước khi mua. – Trường hợp a, b, e: Các nhân vật chưa có thói quen tiêu dùng thông minh.	
Nhiệm vụ 2: Tư vấn về hành vi mua sắm của nhân vật	
a) Mục tiêu: QGVĐ – ST.1, CD.1.1, CD.1.4, CD.1.5. b) Nội dung: HS vận dụng cách tiêu dùng thông minh để nhận xét, tư vấn về hành vi mua sắm của nhân vật trong các trường hợp trong SGK trang 47. c) Sản phẩm: HS tư vấn được hành vi tiêu dùng thông minh cho nhân vật trong các trường hợp cụ thể. d) Tổ chức thực hiện:	

Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi vận dụng cách tiêu dùng thông minh để nhận xét, tư vấn về hành vi mua sắm của nhân vật trong các trường hợp trong SGK trang 47. – Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với nhóm. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS thảo luận nhóm đôi để đọc trường hợp và thực hiện các yêu cầu. – HS lắng nghe GV chốt ý và đối chiếu lại với phần trả lời của nhóm mình.
Gợi ý câu trả lời: – Bạn A cần phải tìm hiểu rõ nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm để đảm bảo an toàn cho sức khỏe của bản thân và gia đình. – Bạn K cần phải lên kế hoạch tiêu dùng hợp lí (mua sản phẩm nào, giá cả, chất lượng, số lượng, thương hiệu, ...) trước khi vào chợ.	
Nhiệm vụ 3: Áp dụng cách tiêu dùng thông minh để xử lí tình huống	
a) Mục tiêu: TN.1, QCVĐ – ST.1, CD.1.4. b) Nội dung: HS đọc tình huống SGK trang 47 và thực hiện yêu cầu: <i>Áp dụng cách tiêu dùng thông minh và tham khảo ý kiến của bố mẹ, người thân để xây dựng kế hoạch mua sắm trong dịp sinh nhật, họp mặt, đám giỗ,... sao cho phù hợp.</i> c) Sản phẩm: HS xây dựng được kế hoạch mua sắm thông minh trong một dịp cụ thể. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật phòng tranh. – Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm: Đọc các tình huống giả định trong SGK trang 47 và áp dụng cách tiêu dùng thông minh, tham khảo ý kiến của bố mẹ, người thân để xây dựng kế hoạch mua sắm trong dịp sinh nhật, họp mặt, đám tiệc,... sao cho phù hợp. – Sau khi thảo luận xong, HS ghi nội dung thảo luận ra giấy A3 và dán lên bảng trưng bày. Đại diện các nhóm lên thuyết trình. Khi nhóm thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe, đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung. – GV kết luận và đánh giá.	– HS đọc lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ. – Các nhóm lần lượt thảo luận theo sự hướng dẫn của GV. Khi thảo luận còn thắc mắc, yêu cầu nhóm ghi chú lại để cùng trao đổi với các nhóm khác. – Đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm còn lại đặt câu hỏi, bổ sung và góp ý. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.

Hoạt động vận dụng	
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu sản phẩm	
a) Mục tiêu: TN.1, QCVĐ – ST.1, CD. 1.4. a) Nội dung: HS lựa chọn một hoặc một số sản phẩm cần thiết với bản thân hoặc gia đình để tìm hiểu thông tin của sản phẩm. Sau đó, chia sẻ về kết quả tìm hiểu đó. c) Sản phẩm: HS nêu được thông tin sản phẩm và quyết định tiêu dùng. d) Tổ chức thực hiện: – GV yêu cầu HS chọn một hoặc một số sản phẩm cần thiết với bản thân hoặc gia đình để tìm hiểu thông tin của sản phẩm. Sau đó, chia sẻ về kết quả tìm hiểu đó. – GV cho thời gian HS thực hiện nhiệm vụ (có thể thực hiện ở nhà). – GV mời 1 – 2 HS chia sẻ thông tin của mình đã tìm hiểu. – GV nhận xét, động viên HS tích cực, sáng tạo trong việc tiêu dùng thông minh, phù hợp với bản thân.	
Hoạt động tổng kết	
a) Mục tiêu: Khắc sâu các YCCĐ về phẩm chất và năng lực cho HS. b) Nội dung: Nhận xét, đánh giá thái độ, hành vi thực hiện tiêu dùng thông minh; khuyến khích, giúp đỡ người thân, bạn bè tiêu dùng thông minh. c) Tổ chức thực hiện:	
– GV yêu cầu đại diện của các nhóm tổng kết về các nội dung: + Biểu hiện của tiêu dùng thông minh. + Lợi ích của tiêu dùng thông minh. + Các cách tiêu dùng thông minh. + Khuyến khích giúp đỡ bạn bè, người thân tiêu dùng thông minh. – GV nhận xét, đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực. – GV động viên, giao nhiệm vụ tiếp nối.	– Đại diện các nhóm trình bày ý kiến tổng kết về nội dung bài học. – Các nhóm khác góp ý kiến để hoàn thiện. – HS tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá của GV và nhận nhiệm vụ tiếp nối được giao.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC

- *Xác định nội dung dạy học:*
 - + Biểu hiện của tiêu dùng thông minh.
 - + Lợi ích của tiêu dùng thông minh.
 - + Các cách tiêu dùng thông minh.
 - + Khuyến khích giúp đỡ bạn bè, người thân tiêu dùng thông minh.

- **Kiến thức trọng tâm:**

- Tiêu dùng thông minh là mua sắm có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm của từng cá nhân.

- Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khoẻ và quyền lợi của người tiêu dùng.

- Cách tiêu dùng thông minh:

- + Xác định nhu cầu chính đáng và lập kế hoạch tiêu dùng: Mua đồ dùng thiết yếu phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của bản thân.

- + Tìm hiểu thông tin sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả,...): Chủ động tìm hiểu các thông tin về sản phẩm thông qua nhiều kênh khác nhau để chọn lọc thông tin một cách chính xác.

- + Sử dụng sản phẩm an toàn: Sử dụng đúng cách, đảm bảo chất lượng, an toàn cho sức khoẻ.

- + Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp: Sử dụng tiền mặt hoặc thanh toán trực tuyến phù hợp với bản thân, tình hình thực tế, kiểm tra kĩ hoá đơn trước khi thanh toán và lưu giữ chứng từ giao dịch để xử lí khi cần thiết.

- HS cần rèn luyện thói quen và tuân thủ cách tiêu dùng thông minh để đảm bảo an toàn tài chính, sức khoẻ cho bản thân và gia đình. Đồng thời, khích lệ, tư vấn và thực hiện được những việc làm phù hợp để giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

GỢI Ý ĐỂ ĐÁNH GIÁ MINH HOẠ

Chủ đề/ Bài học: TIÊU DÙNG THÔNG MINH

1. Mục đích:

Đánh giá mức độ HS đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực sau khi học xong chủ đề “*Tiêu dùng thông minh*”.

2. Cấu trúc đề:

Gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.

- Phần 2: Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

3. Nội dung đề minh hoạ

3.1. Đánh giá thông qua quan sát

Đánh giá phẩm chất chăm chỉ khi tham gia làm việc nhóm của HS, GV có thể thiết kế bảng kiểm theo dạng:

Bảng kiểm về thái độ: Chăm chỉ làm việc nhóm
(Dùng cho HS tự đánh giá)

Tên học sinh:		
Lớp:		
Thời gian:		
Địa điểm:		
Người thực hiện:		
Biểu hiện	Có	Không
Hăng hái chia sẻ thông tin với các bạn		
Lắng nghe ý kiến của các bạn		
Chủ động thực hiện và hoàn thành công việc		
Nhiệt tình giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn		
.....		

RUBRICS ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

(Dùng cho GV đánh giá)

– Tên học sinh được nhận xét:

– Tên người nhận xét:

Tiêu chí	Mức độ đánh giá		
	Mức độ nhận biết		
	Kém	Trung bình	Tốt
1. Nêu được được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.	Chưa nêu được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.	Nêu được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh nhưng chưa đầy đủ.	Nêu được đầy đủ thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.
Thang điểm: 20	0	10	20
2. Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh; Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).	Chưa đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh; Chưa nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).	Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh nhưng chưa đầy đủ; Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...) nhưng chưa đầy đủ.	Đánh giá được chính xác và đầy đủ các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh; Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).
Thang điểm: 20	0	10	20

3. Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.	Chưa thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.	Thực hiện hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể nhưng chưa hiệu quả.	Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.
Thang điểm: 20	0	10	20
4. Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.	Chưa khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.	Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh nhưng chưa hiệu quả.	Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.
Thang điểm: 40	0	20	40
Tổng điểm: 100	0	50	100

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP TÁC CỦA HỌC SINH TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM

Người đánh giá:.....

Người được đánh giá:.....

Tiêu chí	Các mức độ			
	A	B	C	D
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	– Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. – Đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	– Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. – Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Còn ít có ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác trong nhóm.
4. Tôn trọng quyết định chung	Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.

5. Kết quả làm việc	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.

3.2. Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập

– Nhiệm vụ số 1:

Câu 1. Đâu không phải là hành vi tiêu dùng thông minh?

- A. Mua sắm có kế hoạch.
- B. Mua sắm tiết kiệm, hiệu quả.
- C. Mua sắm phù hợp với đặc điểm của từng cá nhân.
- D. Mua những thứ chưa cần sử dụng đến.

Câu 2. Đâu không phải là lợi ích của việc tiêu dùng thông minh?

- A. Giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng.
- B. Mua phải những món hàng đắt tiền.
- C. Thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng.
- D. Tiết kiệm thời gian, tiền bạc.

Câu 3. Việc làm nào sau đây không thể hiện tiêu dùng thông minh?

- A. Mua đồ dùng thiết yếu phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của bản thân.
- B. Chủ động tìm hiểu các thông tin về sản phẩm thông qua nhiều kênh khác nhau để chọn lọc thông tin một cách chính xác.
- C. Mua sắm sản phẩm đắt tiền để thể hiện đẳng cấp không cần phù hợp với nhu cầu bản thân.
- D. Sử dụng đúng cách, đảm bảo chất lượng, an toàn cho sức khỏe.

– Nhiệm vụ số 2:

Hãy liệt kê 3 thói quen tiêu dùng thông minh mà em sẽ rèn luyện trong thời gian tới.

– Nhiệm vụ số 3:

Hãy thiết kế sản phẩm (báo tường, đoạn phim ngắn, pano,...) để tuyên truyền về việc tiêu dùng thông minh trong thời đại 4.0.

Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí

Thời lượng: 4 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
Trách nhiệm	Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.	TN.1.1
2. Năng lực chung		
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.	GQVĐ – ST.1
3. Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù)		
Nhận thức chuẩn mực hành vi	Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.	CD.1.1
	Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.	CD.1.2
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể.	CD.1.3
Điều chỉnh hành vi	Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.	CD.1.4

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Học liệu

- SGK, tài liệu tham khảo về chủ đề *Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí*.
- Giấy A3, A4, viết lông, sếp màu,...

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, bảng, phấn, phần mềm PowerPoint,...
- Các video clip có nội dung liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.
- Tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kĩ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động mở đầu	Huy động vốn kiến thức, hiểu biết của mình về các hành vi vi phạm pháp.	HS quan sát các hình ảnh và cho biết chủ thể có hành vi vi phạm gì và phải gánh chịu trách nhiệm như thế nào.	– Dạy học hợp tác. – Kĩ thuật chia nhóm.	Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi.
Hoạt động khám phá	TN.1.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.1 CD.1.2	– Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. – Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.	– Dạy học hợp tác. – Dạy học cá nhân. – Kĩ thuật khăn trải bàn. – Kĩ thuật tia chớp.	– Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động luyện tập	TN.1.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.1 CD.1.2 CD.1.3 CD.1.4	Củng cố kiến thức và rèn kĩ năng theo các nội dung sau: – Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. – Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. – Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể. – Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.	– Dạy học giải quyết vấn đề. – Dạy học hợp tác – Kĩ thuật khăn trải bàn. – Kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi.	– Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

Hoạt động vận dụng	TN.1.1 CD.1.4	Vận dụng kiến thức, kĩ năng vào giải quyết các vấn đề trong học tập và cuộc sống, cụ thể: Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.	– Dạy học hợp tác. – Dạy học cá nhân.	Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi.
Hoạt động tổng kết	Theo YCCĐ	Đánh giá mức độ đáp ứng YCCĐ.	Dạy học hợp tác.	– Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

B. Các hoạt động học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động mở đầu	
a) Mục tiêu: Giúp HS huy động vốn kiến thức, hiểu biết của mình về các hành vi vi phạm pháp luật và phải gánh chịu trách nhiệm pháp lí tương ứng. b) Nội dung: HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 48 và cho biết chủ thể có hành vi vi phạm gì và phải gánh chịu trách nhiệm như thế nào. c) Sản phẩm: HS xác định được hành vi vi phạm và trách nhiệm mà chủ thể phải gánh chịu trong các hình ảnh. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: GV sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia nhóm. – Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (khoảng 8 HS/ nhóm), mỗi nhóm là một đội chơi và giao nhiệm vụ học tập cho từng nhóm tương ứng với các yêu cầu trong SGK trang 50. GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật chia nhóm. – Thực hiện nhiệm vụ: GV trình chiếu các câu hỏi trên màn hình. Trong thời gian 1 phút, các nhóm sẽ thảo luận và trả lời câu hỏi vào giấy A4 (GV chuẩn bị trước đó). Kết thúc phần trả lời, nhóm nào đưa ra kết quả nhanh nhất và chính xác sẽ là đội chiến thắng và nhận được phần quà do GV chuẩn bị. – GV nhận xét, đánh giá, công bố kết quả nhóm thắng cuộc và dẫn vào nội dung bài học.	– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ. – HS lắng nghe, tương tác. – HS thực hiện các nhiệm vụ, cần lựa chọn áp dụng các quy phạm pháp luật để giải quyết vấn đề. – HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.

Gợi ý câu trả lời:

– Hình 1:

+ Hành vi vi phạm: HS chở 3 khi tham gia giao thông; không đội mũ bảo hiểm.

+ Chủ thể phải gánh chịu trách nhiệm hành chính, cụ thể: Theo quy định của pháp luật hiện hành, lỗi chở 3 và không đội mũ bảo hiểm hay chở quá số người quy định, không đội mũ bảo hiểm là hành vi mà người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy chở quá số người quy định và không đội mũ bảo hiểm (có thể là một người, hai người, ba người hoặc tất cả những người ngồi trên xe đều không đội mũ bảo hiểm). Vì vậy, hành vi này được xác định là hành vi vi phạm pháp luật.

- Về mức phạt khi không đội mũ bảo hiểm: Căn cứ theo quy định tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP, người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ sẽ bị phạt tiền từ 200 000 đồng đến 300 000 đồng.
- Về mức phạt khi chở 3: Theo quy định của Nghị định số 100/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP, đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy khi có hành vi chở 3 thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo mức phạt như sau: Chở theo 02 người trên xe (trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật) sẽ bị phạt tiền từ 200 000 đồng đến 300 000 đồng; Chở theo 03 người trên xe (trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật) sẽ bị phạt tiền từ 400 000 đồng đến 600 000 đồng.

– Hình 2:

+ Hành vi vi phạm: Doanh nghiệp xả trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

+ Chủ thể phải gánh chịu trách nhiệm hành chính hoặc hình sự tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cụ thể:

- Hình phạt chính: Theo Điều 4 Nghị định 155/2016/NĐ-CP thì doanh nghiệp có hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường sẽ bị áp dụng một trong hai hình phạt chính là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền. Với hình thức phạt tiền, mức phạt tiền tối đa có thể lên đến 2 tỉ đồng cho mỗi hành vi vi phạm.
- Hình phạt bổ sung: Bị tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy phép xử lý chất thải nguy hại/ Giấy phép xả thải khí thải công nghiệp. Mọi hoạt động của doanh nghiệp tạo ra chất thải cần xử lý sẽ bị tạm đình chỉ cho đến khi hết thời hạn xử lý, các hoạt động khác không liên quan đến quá trình xả thải vẫn được phép tiếp tục.
- Xử lý hình sự: Theo quy định tại Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bởi khoản 58 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2017 về “Tội gây ô nhiễm môi trường” thì các doanh nghiệp có hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường thì tùy vào tính chất, mức độ của hành vi mà có thể bị phạt tiền, bị tạm đình chỉ hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Hoạt động khám phá

Khám phá 1: Quan sát sơ đồ, đọc thông tin trong bảng và các trường hợp để thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: CD.1.1, TN.1.1.

b) Nội dung: HS quan sát sơ đồ, đọc thông tin trong bảng và các trường hợp trong SGK trang 49 – 50 để thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS xác định và phân tích được các nội dung về vi phạm pháp luật và các loại vi phạm pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: GV sử dụng dạy học cá nhân và kĩ thuật dạy học tia chớp.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát sơ đồ, đọc thông tin trong bảng và các trường hợp trong SGK trang 49 – 50 và thực hiện yêu cầu sau: *Dựa vào thông tin về các loại vi phạm, em hãy phân tích hành vi vi phạm của chủ thể trong các trường hợp 1, 2, 3 để xác định loại vi phạm pháp luật tương ứng.*

– Thực hiện nhiệm vụ: Trong quá trình HS làm việc cá nhân, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời, ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời, các bạn còn lại lắng nghe và nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và chốt các ý theo nội dung của hoạt động.

– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ.

– HS nêu ra các dấu hiệu của từng loại vi phạm pháp luật như: Hành vi trái pháp luật; Hành vi có lỗi; Năng lực trách nhiệm pháp lý; Hành vi nguy hiểm cho xã hội. Từ đó, xác định loại vi phạm pháp luật tương ứng.

– HS trình bày nhận xét cá nhân về 3 trường hợp được nêu lên trong SGK.

– HS trình bày nhận xét cá nhân về hành vi của bạn D, anh T, anh G, ông V, phân tích hành vi của các chủ thể trên.

– HS lắng nghe GV chốt ý cũng như rút kinh nghiệm cho những hoạt động kế tiếp.

Gợi ý câu trả lời:

– Trường hợp 1: Phân tích hành vi vi phạm pháp luật:

+ Hành vi trái pháp luật: Bạn D và anh T sử dụng ma túy.

+ Hành vi có lỗi: Cố ý.

+ Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý:

• Độ tuổi: Bạn D 14 tuổi; anh T 20 tuổi.

• Khả năng nhận thức: Cả hai không bị mất năng lực hành vi dân sự.

• Khả năng điều khiển hành vi: Không bị rối loạn điều khiển hành vi.

+ Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Đây là hành vi gây ra thiệt hại và nguy hiểm cho xã hội.

– Trường hợp 2: Phân tích hành vi vi phạm pháp luật:

+ Hành vi trái pháp luật: Anh G chưa đủ 18 tuổi nhưng điều khiển xe máy trên 50 cm³ và chạy quá tốc độ quy định.

+ Hành vi có lỗi: Cố ý.

+ Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý:

• Độ tuổi: Anh G 16 tuổi.

• Khả năng nhận thức: Anh G không bị mất năng lực hành vi dân sự.

• Khả năng điều khiển hành vi: Anh G không bị rối loạn điều khiển hành vi.

+ Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Đây là hành vi gây ra thiệt hại và nguy hiểm cho xã hội.

- Trường hợp 3: Phân tích hành vi vi phạm pháp luật:
- + Hành vi trái pháp luật: Ông V sử dụng xe của cơ quan ra ngoài để giải quyết việc riêng.
- + Hành vi có lỗi: Cố ý.
- + Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí:
- Độ tuổi: Ông V là công chức, trên 18 tuổi.
- Khả năng nhận thức: Ông V không bị mất năng lực hành vi dân sự.
- Khả năng điều khiển hành vi: Ông V không bị rối loạn điều khiển hành vi.
- + Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Đây là hành vi sử dụng tài sản công vào việc tư.

Khám phá 2: Quan sát sơ đồ và đọc thông tin để thực hiện yêu cầu

- Mục tiêu: CD.1.1, CD.1.2, CD.1.3, TN.1.1.
- Nội dung: HS quan sát sơ đồ và đọc thông tin trong SGK trang 50 – 51 để thực hiện yêu cầu.
- Sản phẩm: HS xác định được các loại trách nhiệm pháp lí và ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.
- Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: GV sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật khăn trải bàn.

– Giao nhiệm vụ: Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm tương ứng với yêu cầu trong SGK trang 51. GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A3, yêu cầu HS viết câu trả lời trên giấy. Cụ thể như sau:

+ Nhóm 1, 2: Đọc trường hợp 1, 2 trong SGK trang 49 – 50 và thực hiện yêu cầu:

- Dựa vào nội dung từ sơ đồ SGK trang 50, em hãy xác định các loại trách nhiệm pháp lí mà chủ thể trong trường hợp 1, 2 ở hoạt động 1 phải gánh chịu là gì?

+ Nhóm 3, 4: Đọc trường hợp 3 trong SGK trang 50 và thực hiện yêu cầu:

- Dựa vào nội dung từ sơ đồ SGK trang 50, em hãy xác định các loại trách nhiệm pháp lí mà chủ thể trong trường hợp 3 ở hoạt động 1 phải gánh chịu là gì?
- Từ thông tin trên, em hãy cho biết mục đích, ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.

– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ.

– HS xác định các loại trách nhiệm pháp lí mà chủ thể trong từng trường hợp ở hoạt động 1 phải gánh chịu mà bản thân đã tìm hiểu được.

– HS trình bày, nhận xét các cá nhân và phân tích hành vi của bạn D, anh T, anh G, ông V trong trường hợp trong SGK.



– Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian để HS thảo luận nhóm và trình bày sản phẩm của mình lên trên tờ giấy A3. – Tổ chức, điều hành: GV mời 4 nhóm HS phát biểu câu trả lời. – Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.	– HS lắng nghe HS chốt ý.
--	---

Gợi ý câu trả lời:

– Trường hợp 1: Với hành vi của bạn D (14 tuổi) là sử dụng trái phép chất ma túy thì bị truy cứu trách nhiệm hành chính vì theo quy định hiện hành của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy bị truy cứu trách nhiệm hình sự hiện nay không bao gồm hành vi sử dụng ma túy trái phép. Như vậy, có thể thấy, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 không coi hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phạm tội. Vì vậy, người sử dụng trái phép chất ma túy sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Thế nhưng, mặc dù không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng việc sử dụng trái phép chất ma túy cũng bị xem là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP.

Tuy nhiên, cần lưu ý vì chỉ có sử dụng trái phép chất ma túy là không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn các hành vi khác liên quan đến ma túy thì rất dễ bị truy cứu trách nhiệm hình sự như: sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy,... đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 248, 249, 250 và Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015). Như vậy, người dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà thay vào đó sẽ bị xử lý vi phạm hành chính cụ thể như sau: “Việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định và không phải là biện pháp xử lý hành chính”.

Với hành vi của anh T (20 tuổi), theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc bị phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 2 triệu đồng. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính được áp dụng đối với anh T.

– Trường hợp 2: Hành vi của anh G (16 tuổi) sẽ bị truy cứu trách nhiệm hành chính và dân sự vì:

+ Vi phạm hành chính: Điểm a khoản 4 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP có quy định xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe cơ giới cụ thể như sau: Phạt tiền từ 400 000 đồng đến 600 000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên.

+ Dân sự: Theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường. Đối với trường hợp người con gây tai nạn là căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường do vụ tai nạn gây ra cho bên bị hại. Theo khoản 3 Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015, người đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi gây tai nạn nếu có tài sản thì phải dùng tài sản của mình bồi thường. Trong trường hợp không có tài sản hoặc tài sản không đủ để bồi thường thì cha, mẹ, người giám hộ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình. Tuy nhiên, người giám hộ sẽ không cần phải bồi thường nếu chứng minh được mình không có lỗi trong việc giám hộ.

– Trường hợp 3: Với hành vi của ông V thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm kỉ luật vì quy định tại Điều 78, 79 Luật Cán bộ, công chức năm 2008. Đối với hành vi sử dụng xe của cơ quan (tài sản công) vào việc riêng (vi phạm chế độ sử dụng tài sản công): Xe công được hiểu theo nghĩa đơn giản là phương tiện giao thông thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, phục vụ cho mục đích công cộng, hoạt động của các cán bộ nhà nước. Xe công cũng được xem là một loại tài sản công. Vì thế, việc quản lí và sử dụng xe công sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Quản lí, sử dụng tài sản công năm 2017. Tại khoản 4 Điều 10 của Luật này đã nêu rõ về các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lí, sử dụng tài sản công như: Sử dụng xe ô tô và tài sản công khác do tổ chức, cá nhân tặng cho không đúng mục đích, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức. Hành vi sử dụng xe công sai mục đích, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức sẽ bị xử phạt hành chính theo Nghị định 63/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lí, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, dự trữ quốc gia, kho bạc nhà nước. Tại điểm c khoản 2 Điều 8 Mục 1 Chương II Nghị định này quy định: Phạt tiền đối với hành vi giao, sử dụng tài sản công không đúng mục đích. Cụ thể, phạt từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng trong trường hợp giao, sử dụng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

– Mục đích, ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí:

+ Giúp ngăn ngừa, giáo dục, cải tạo đối với những hành vi vi phạm pháp luật.

+ Giúp giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng, chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Tóm tắt ghi nhớ

– GV gạch dưới hoặc tô đậm các ý phát biểu của HS đã rút thành từ khoá, câu để làm nền cho ghi nhớ.

– GV tổ chức cho HS thực hiện sơ đồ tư duy ghi nhớ theo khung:

+ Khái niệm vi phạm pháp luật.

+ Các loại vi phạm pháp luật.

+ Khái niệm trách nhiệm pháp lí.

+ Các loại trách nhiệm pháp lí.

+ Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.

– HS tự ghi kết luận do GV chốt ý:

+ Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

+ Các loại vi phạm pháp luật bao gồm: vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự, vi phạm kỉ luật.

+ Trách nhiệm pháp lí là nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi do Nhà nước quy định từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

+ Các loại trách nhiệm pháp lí bao gồm: trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỉ luật, trách nhiệm dân sự.

+ Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí:

- Giúp ngăn ngừa, giáo dục, cải tạo đối với những hành vi vi phạm pháp luật.

- Giúp giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng, chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

- Giúp củng cố niềm tin của người dân vào pháp luật.

+ Mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.

Hoạt động luyện tập	
Nhiệm vụ 1: Bày tỏ quan điểm đối với các nhận định	
a) Mục tiêu: CD.1.1, TN1.1. b) Nội dung: HS đọc các nhận định trong SGK trang 52 và bày tỏ quan điểm của bản thân. c) Sản phẩm: HS đưa ra được nhận xét đối với các nhận định trong SGK trang 52. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: Sử dụng kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi. – GV tổ chức cho HS làm việc, thảo luận theo nhóm đôi. – GV yêu cầu mỗi nhóm đôi trình bày quan điểm cho từng nhận định trong SGK trang 52. Các thành viên tự ghi lại và chia sẻ cho bạn về suy nghĩ của bản thân. Sau đó, nhóm đôi này tiếp tục chia sẻ với nhóm khác hoặc cả lớp. – GV có thể hoàn chỉnh ý HS phát biểu. – GV đưa ra đánh giá và kết luận.	– HS lắng nghe nhiệm vụ, làm việc theo nhóm đôi để suy nghĩ câu trả lời. – HS lần lượt trình bày quan điểm cá nhân và quan điểm của nhóm về các tình huống mà GV đưa ra. – HS lắng nghe GV chốt ý.
Gợi ý câu trả lời: – Ý kiến a: Đồng tình. Vi trách nhiệm pháp lí được hiểu là một loại trách nhiệm, một nghĩa vụ mà công dân cần phải thực hiện theo quy định của pháp luật. Hiểu theo cách truyền thống, trách nhiệm pháp lí là những hậu quả mà cá nhân, tổ chức phải chịu khi có dấu hiệu vi phạm hoặc thực hiện không đầy đủ các hành vi mà pháp luật quy định. – Ý kiến b: Không đồng tình. Vi phạm pháp luật phải đủ cấu thành các yếu tố như: Hành vi trái pháp luật; hành vi có lỗi của chủ thể; hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí; hành vi nguy hiểm cho xã hội. – Ý kiến c: Không đồng tình. Vì trẻ em là người dưới 16 tuổi, theo quy định tại khoản 2 của Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. – Ý kiến d: Không đồng tình. Vì theo quy định tại khoản 2 của Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi cũng là chủ thể của vi phạm pháp luật. – Ý kiến e: Đồng tình. Vì một vi phạm pháp luật vẫn có thể vừa gánh trách nhiệm hành chính, vừa gánh trách nhiệm dân sự (ví dụ: hành vi vượt đèn đỏ và gây tai nạn).	
Nhiệm vụ 2: Xác định các hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể và cho biết trách nhiệm pháp lí mà họ phải chịu là gì	
a) Mục tiêu: CD.1.1, CD.1.2, GQVĐ – ST.1. b) Nội dung: HS xác định các hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể và cho biết trách nhiệm pháp lí mà họ phải chịu là gì. c) Sản phẩm: HS xác định được các hành vi vi phạm của các chủ thể và tương ứng là trách nhiệm pháp lí mà họ phải gánh chịu. d) Tổ chức thực hiện:	

Gợi ý: GV sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật khăn trải bàn.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm đọc các hành vi trong SGK trang 52 và xác định các hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể, cho biết trách nhiệm pháp lí mà họ phải chịu là gì (GV yêu cầu HS viết câu trả lời trên giấy và trình bày trước lớp):



– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian để đọc thông tin, thảo luận nhóm và viết câu trả lời của nhóm vào trên tờ giấy A3, sử dụng kĩ thuật dạy học “khăn trải bàn”.

– GV mời các HS đại diện cho 4 nhóm lên bảng để trình bày câu trả lời.

– GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, đọc các hành vi và thực hiện yêu cầu.

– Đại diện nhóm lên thuyết trình, các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi và nhận xét, bổ sung.

– HS lắng nghe, rút kinh nghiệm cho những lần trình bày sau.

Gợi ý câu trả lời:

– Trường hợp a: Hành vi vi phạm của ông B là tự ý xây nhà cao tầng khi chưa có Giấy phép xây dựng. Hành vi này của ông B là vi phạm hành chính và sẽ phải gánh chịu trách nhiệm hành chính. Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 107 Luật Xây dựng năm 2014, điều kiện khởi công xây dựng nhà ở riêng lẻ chỉ cần có giấy phép xây dựng đối với nhà ở theo quy định phải có giấy phép. Theo khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP, hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng bị phạt tiền như sau: Phạt tiền từ 10 – 20 triệu đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử – văn hoá tại nông thôn; Phạt tiền từ 20 – 30 triệu đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị. Biện pháp khắc phục hậu quả là theo khoản 11 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP, ngoài mức phạt tiền trên thì người có hành vi xây dựng nhà không phép bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm nếu mà hành vi vi phạm đã kết thúc (đã xây xong).

– Trường hợp b: Hành vi vi phạm của anh K là cướp giật điện thoại của người đi đường. Hành vi này của anh K là vi phạm hình sự và sẽ phải gánh chịu trách nhiệm hình sự. Tội cướp giật tài sản được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm.

– Trường hợp c: Hành vi vi phạm của chị H là vay tiền của bà V 200 triệu đồng nhưng không trả và bỏ trốn. Hành vi này của chị H là vi phạm dân sự và sẽ phải gánh chịu trách nhiệm dân sự. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, người đi vay phải có nghĩa vụ trả nợ cho người vay. Ngoài ra, nếu đến thời hạn trả nợ mà người đi vay không trả hoặc không trả đủ số tiền đã vay thì người cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Tuy nhiên, tùy vào mức độ, tính chất cũng như giá trị của khoản vay mà người đi vay có thể bị xử phạt hình sự với tội danh Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

– Trường hợp d: Hành vi vi phạm của anh N là uống rượu bia, điều khiển xe máy đâm vào xe của chị T, gây hư hỏng nặng. Hành vi này của anh N là vi phạm hành chính, dân sự sẽ phải gánh chịu trách nhiệm hành chính, dân sự, cụ thể như sau:

+ Căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt xử phạt người điều khiển xe ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô; xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy; xe máy kéo, xe máy chuyên dùng vi phạm quy tắc giao thông đường bộ: Đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy:

- Phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 3 triệu đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở. Hình phạt bổ sung là bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng.
- Phạt tiền từ 4 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với người điều khiển xe không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người thi hành công vụ; Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở. Hình phạt bổ sung là bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 16 tháng đến 18 tháng.
- Phạt tiền từ 6 triệu đồng đến 8 triệu đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; Hoặc không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ. Người điều khiển xe còn bị áp dụng hình phạt bổ sung là bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng.

+ Trách nhiệm dân sự: Theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường. Đối với trường hợp người con gây tai nạn là căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường do vụ tai nạn gây ra cho bên bị hại.

Nhiệm vụ 3: Xác định dấu hiệu vi phạm, loại vi phạm và trách nhiệm pháp lý tương ứng trong các trường hợp

a) Mục tiêu: CD1.1, CD 1.2, GQVĐ – ST.1.

b) Nội dung: HS xác định dấu hiệu vi phạm, loại vi phạm và trách nhiệm pháp lý tương ứng trong các trường hợp trong SGK trang 53.

c) Sản phẩm: HS xác định được các dấu hiệu vi phạm, loại vi phạm và trách nhiệm pháp lý tương ứng trong mỗi trường hợp.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: GV sử dụng dạy học hợp tác và dạy học giải quyết vấn đề.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia lớp thành 4 nhóm, đọc các trường hợp trong SGK trang 53 và thảo luận để trả lời câu hỏi được phân công:

+ Nhóm 1 đọc trường hợp 1 trong SGK trang 53 và xác định các dấu hiệu vi phạm, loại vi phạm và trách nhiệm pháp lý tương ứng.

+ Nhóm 2 đọc trường hợp 2 trong SGK trang 53 và xác định các dấu hiệu vi phạm, loại vi phạm và trách nhiệm pháp lý tương ứng.

+ Nhóm 3 đọc trường hợp 3 trong SGK trang 53 và xác định các dấu hiệu vi phạm, loại vi phạm và trách nhiệm pháp lý tương ứng.

+ Nhóm 4 đọc trường hợp 4 trong SGK trang 53 và xác định các dấu hiệu vi phạm, loại vi phạm và trách nhiệm pháp lý tương ứng.

– Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm đọc các trường hợp được phân công và suy nghĩ câu trả lời. GV mời 4 HS đại diện các nhóm trình bày câu trả lời.

– GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

– HS lắng nghe nhiệm vụ và chú ý các yêu cầu về kĩ thuật hoạt động.

– HS lập nhóm theo yêu cầu của GV. Các nhóm bầu ra nhóm trưởng, đặt tên và đưa ra quy tắc hoạt động của nhóm.

– Các nhóm lần lượt trình bày, các nhóm khác lắng nghe và góp ý, bổ sung.

– HS lắng nghe và ghi nhận ý kiến.

Gợi ý câu trả lời:

Trường hợp	Dấu hiệu vi phạm	Loại vi phạm	Trách nhiệm pháp lý
1. Đội quản lí thị trường số 4 của tỉnh H đã tổ chức kiểm tra đột xuất trên địa bàn và phát hiện hộ kinh doanh của anh K 35 tuổi, có khả năng nhận thức tốt, không bị tâm thần, đang tàng trữ, buôn bán nhiều mặt hàng giả.	– Hành vi trái pháp luật: Hộ kinh doanh K tàng trữ, buôn bán nhiều mặt hàng giả. – Hành vi có lỗi: Cố ý. – Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý: + Độ tuổi: Anh K 35 tuổi. + Khả năng nhận thức: Tốt. + Khả năng điều khiển hành vi: Anh K không bị tâm thần. – Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Đây là hành vi gây ra thiệt hại và nguy hiểm cho xã hội.	Hình sự	Truy cứu trách nhiệm hình sự về tội buôn bán hàng giả được quy định tại Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Sau khi được chị B cho mượn xe, anh H 20 tuổi, có khả năng nhận thức tốt, không bị tâm thần, đã đem chiếc xe ấy đến cửa hàng mua bán xe máy và bán với giá 5 triệu đồng.	– Hành vi trái pháp luật: Anh H mượn xe của chị B đem đi bán lấy tiền. – Hành vi có lỗi: Cố ý. – Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí: + Độ tuổi: Anh H 20 tuổi. + Khả năng nhận thức: Anh H không bị mất năng lực hành vi dân sự. + Khả năng điều khiển hành vi: Anh H không bị rối loạn điều khiển hành vi. – Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Đây là hành vi gây ra thiệt hại và nguy hiểm cho xã hội.	Hình sự	Truy cứu trách nhiệm hình sự vì hành vi của anh H đã đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, được quy định cụ thể tại Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.
3. Anh M 30 tuổi, có khả năng nhận thức tốt, không bị tâm thần, kí hợp đồng thoả thuận việc bán cho chị V toàn bộ sản lượng tôm nuôi của mùa vụ chính. Tuy nhiên, do giá thị trường tăng cao, anh M đã thay đổi quyết định và không bán cho chị V.	– Hành vi trái pháp luật: Anh M kí hợp đồng thoả thuận việc bán cho chị V toàn bộ sản lượng tôm nuôi của mùa vụ chính. Sau đó, không bán do giá thị trường tăng cao. – Hành vi có lỗi: Cố ý. – Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí: + Độ tuổi: Anh M 30 tuổi. + Khả năng nhận thức: Anh M không bị mất năng lực hành vi dân sự. + Khả năng điều khiển hành vi: Anh M không bị rối loạn điều khiển hành vi.	Dân sự	Truy cứu trách nhiệm dân sự vì anh M đã vi phạm hợp đồng mua bán với chị V. Anh M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là biện pháp khắc phục được quy định tại nhiều điều luật khác nhau gồm Điều 13, Điều 360, và Điều 419 trong Bộ luật Dân sự năm 2015, cùng với Điều 302 trong Luật Thương mại năm 2005.
4. Chị K 29 tuổi, có khả năng nhận thức tốt, không bị tâm thần, là viên chức của một cơ quan hành chính sự nghiệp. Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, chị K đã có lời lẽ, cử chỉ xúc phạm ông T.	– Hành vi trái pháp luật: Chị K là viên chức có lời lẽ, cử chỉ xúc phạm ông T. – Hành vi có lỗi: Cố ý. – Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí: + Độ tuổi: Chị K 29 tuổi. + Khả năng nhận thức: Chị K không bị mất năng lực hành vi dân sự. + Khả năng điều khiển hành vi: Chị K không bị rối loạn điều khiển hành vi. – Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Đây là hành vi ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của ông T.	Kỉ luật	Truy cứu trách nhiệm kỉ luật. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP: “Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100 000 đồng đến 300 000 đồng đối với một trong những hành vi có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác”.

Hoạt động vận dụng	
Nhiệm vụ 1: Lập kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền pháp luật	
a) Mục tiêu: CD.1.1., CD.1.2, CD.1.3. b) Nội dung: HS lập kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền pháp luật (có thể chọn pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về giao thông, pháp luật về hành chính,...) trong phạm vi lớp học. c) Sản phẩm: HS lập được kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền pháp luật. d) Tổ chức thực hiện: – Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS lập kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền pháp luật theo yêu cầu trong SGK trang 53. – Thực hiện nhiệm vụ: GV có thể giao nhiệm vụ cho HS thực hiện hoạt động này ở nhà, sau đó, tổ chức cho HS báo cáo, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau. – Tổ chức điều hành: GV tổ chức cho HS nộp sản phẩm, sau đó, GV bốc thăm bất kì một kế hoạch của HS và yêu cầu HS chia sẻ trước lớp. – Kết luận, đánh giá: Giáo viên tổng hợp nội dung học sinh trình bày và kết luận, đánh giá.	
Gợi ý câu trả lời: GV hướng dẫn HS cách thức xây dựng một kế hoạch tuyên truyền pháp luật, đảm bảo gồm có các yêu cầu sau: – Mục đích, yêu cầu của kế hoạch. – Đối tượng của kế hoạch. – Nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch. – Kinh phí thực hiện kế hoạch. – Tổ chức thực hiện kế hoạch,...	
Hoạt động tổng kết	
a) Mục tiêu: Khắc sâu các YCCĐ về phẩm chất và năng lực cho HS. b) Nội dung: Nhắc lại nội dung dạy học theo các YCCĐ. c) Tổ chức thực hiện:	
– GV yêu cầu đại diện của các nhóm tổng kết về các nội dung: + Khái niệm vi phạm pháp luật. + Các loại vi phạm pháp luật. + Khái niệm trách nhiệm pháp lí. + Các loại trách nhiệm pháp lí. + Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. – GV nhận xét, đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực. – GV động viên, giao nhiệm vụ tiếp nối.	– Đại diện các nhóm trình bày ý kiến tổng kết về nội dung bài học. – Các nhóm khác góp ý kiến để hoàn thiện. – HS tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá của GV và nhận nhiệm vụ tiếp nối được giao.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC

- *Xác định nội dung dạy học:*

- Khái niệm vi phạm pháp luật.
- Các loại vi phạm pháp luật.
- Khái niệm trách nhiệm pháp lí.
- Các loại trách nhiệm pháp lí.
- Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.

- *Kiến thức trọng tâm:*

- Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

- Các loại vi phạm pháp luật bao gồm: vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự, vi phạm kỉ luật.

- Trách nhiệm pháp lí là nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi do Nhà nước quy định từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

- Các loại trách nhiệm pháp lí bao gồm: trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỉ luật, trách nhiệm dân sự.

- Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí:

- + Giúp ngăn ngừa, giáo dục, cải tạo đối với những hành vi vi phạm pháp luật.

- + Giúp giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng, chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

- + Giúp củng cố niềm tin của người dân vào pháp luật.

- Mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

GỢI Ý ĐỀ ĐÁNH GIÁ MINH HOẠ

Chủ đề/ Bài học: VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÍ

1. Mục đích

Đánh giá mức độ HS đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực sau khi học xong chủ đề “Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí”.

2. Cấu trúc đề

Gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.
- Phần 2: Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

3. Nội dung để minh họa

3.1. Đánh giá thông qua quan sát

Đánh giá phẩm chất chăm chỉ khi tham gia làm việc nhóm của HS, GV có thể thiết kế bảng kiểm theo dạng:

Bảng kiểm về thái độ: Tích cực làm việc nhóm
(Dùng cho HS tự đánh giá)

Tên học sinh:		
Lớp:		
Thời gian:		
Địa điểm:		
Người thực hiện:		
Biểu hiện	Có	Không
Hăng hái chia sẻ thông tin với các bạn		
Lắng nghe ý kiến của các bạn		
Chủ động thực hiện và hoàn thành công việc		
Nhiệt tình giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn		
.....		

Phiếu 1: RUBRICS ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP
(Dùng cho GV đánh giá)

- Tên HS được nhận xét:
- Tên người nhận xét:

Tiêu chí	Mức độ đánh giá		
	Mức độ nhận biết		
	Kém	Trung bình	Tốt
1. Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.	Chưa nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý nhưng còn chưa đầy đủ.	Nêu được chính xác và đầy đủ khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
Thang điểm: 30	0	20	30

2. Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.	Chưa nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.	Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí nhưng còn chưa đầy đủ.	Nêu được chính xác và đầy đủ ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.
Thang điểm 20	0	10	20
3. Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể.	Chưa phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể.	Phân tích, đánh giá các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể nhưng còn chưa đầy đủ.	Phân tích, đánh giá được đầy đủ các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể.
Thang điểm: 25	0	15	25
4. Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.	Chưa nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.	Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; chưa tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa thường xuyên.	Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật một cách thường xuyên và tích cực.
Thang điểm: 25	0	10	25
Tổng điểm: 100	0	55	100

**Phiếu 2: PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP TÁC CỦA HỌC SINH
TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM**

– Người đánh giá:

– Người được đánh giá:

Tiêu chí	Các mức độ			
	A	B	C	D
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	– Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. – Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	– Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. – Đôi lúc, chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Còn ít có ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.

3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác trong nhóm.
4. Tôn trọng quyết định chung	Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.
5. Kết quả làm việc	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.

3.2. Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập

– Nhiệm vụ số 1:

Em hãy tìm hiểu một trường hợp vi phạm pháp luật trong thực tế và viết một bài phân tích, đánh giá về hành vi vi phạm đó; từ đó, rút ra bài học cho bản thân.

– Nhiệm vụ số 2:

Em hãy làm việc nhóm để xây dựng kịch bản có nội dung tuyên truyền mọi người nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. Sau đó, thực hiện sắm vai trước lớp.



Chủ đề: QUYỀN TỰ DO KINH DOANH VÀ NGHĨA VỤ NỘP THUẾ

Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế

Thời lượng: 4 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phẩm chất, năng lực	YCCĐ	Mã hoá
1. Phẩm chất chủ yếu		
Trách nhiệm	Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	TN.1
2. Năng lực chung		
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.	GQVĐ – ST.1
3. Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù)		
Nhận thức chuẩn mực hành vi	Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	CD.1.1
	Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	CD.1.2
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	CD 1.3
Điều chỉnh hành vi	Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	CD 1.4

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HỌC SINH

1. Học liệu

- SGK, tài liệu tham khảo về chủ đề *Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế*.
- Giấy A4, A3, A0, viết lông, sáp màu,...

2. Học liệu số, phần mềm, thiết bị công nghệ

- Máy tính, máy chiếu, bảng, phấn, phần mềm PowerPoint,...
- Các tranh, hình ảnh, video clip có nội dung liên quan đến các quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Tiến trình

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	Phương pháp/ Kĩ thuật/ Hình thức dạy học	Phương án đánh giá
Hoạt động mở đầu	Tạo tâm thế tích cực cho HS.	Chia sẻ hiểu biết của bản thân về quyền và nghĩa vụ của công dân khi tham gia hoạt động kinh doanh.	– Dạy học hợp tác. – Kĩ thuật chia nhóm.	Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi.
Hoạt động khám phá	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD.1.1 CD.1.2	- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	- Dạy học cá nhân. - Kĩ thuật tia chớp.	- Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi. - Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.
Hoạt động luyện tập	TN.1 GQVĐ – ST.1 CD 1.1 CD 1.2 CD 1.3	Củng cố kiến thức và rèn kĩ năng thông qua các nội dung dạy học sau: - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	- Dạy học hợp tác. - Dạy học cá nhân. - Dạy học khám phá. - Kĩ thuật khăn trải bàn.	- Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi. - Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

Hoạt động vận dụng	TN.1 CD 1.2 CD 1.3	– Thiết kế thông điệp về ý nghĩa của việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. – Viết một bài phân tích, đánh giá về một hành vi vi phạm pháp luật trong thực tế về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. Từ đó, rút ra bài học cho bản thân.	– Dạy học hợp tác. – Dạy học cá nhân.	Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi.
Hoạt động tổng kết	Theo YCCĐ	Đánh giá mức độ đáp ứng YCCĐ.	Dạy học hợp tác.	– Đánh giá thông qua bảng kiểm thái độ, hành vi. – Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

B. Các hoạt động học

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động mở đầu	
a) Mục tiêu: Giúp HS huy động vốn kiến thức, hiểu biết của mình về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. b) Nội dung: HS chia sẻ hiểu biết của bản thân về quyền và nghĩa vụ của công dân khi tham gia hoạt động kinh doanh. c) Sản phẩm: HS chia sẻ được những hiểu biết của bản thân về quyền và nghĩa vụ của công dân khi tham gia hoạt động kinh doanh. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: GV sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật chia nhóm. – GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (khoảng 6 – 8 HS/nhóm), mỗi nhóm là một đội chơi và giao nhiệm vụ học tập cho từng nhóm tương ứng với yêu cầu trong SGK trang 54. GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật chia nhóm. – Thực hiện nhiệm vụ: GV trình chiếu yêu cầu trên màn hình. Trong thời gian 1 phút, các nhóm sẽ thảo luận trả lời vào giấy A4 (GV chuẩn bị trước đó). Kết thúc phần trả lời, nhóm nào đưa ra kết quả nhanh nhất và chính xác sẽ là đội chiến thắng và nhận được phần quà do GV chuẩn bị. – GV nhận xét, đánh giá, công bố kết quả nhóm thắng cuộc và dẫn vào nội dung bài học.	– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ. – HS làm việc cá nhân và ghi phần trả lời của mình vào giấy A4. – HS tham gia tích cực cùng với sự hỗ trợ của GV. HS nào được GV gọi trả lời, mạnh dạn trình bày và có thể đặt những câu hỏi để cả lớp cùng tham gia. – HS có thể có nhiều ý kiến khác nhau dựa vào hiểu biết của bản thân về quyền và nghĩa vụ của công dân khi tham gia hoạt động kinh doanh.

Gợi ý câu trả lời:

Quyền tự do kinh doanh là một bộ phận hợp thành trong hệ thống các quyền cơ bản của công dân. Trong các quyền cơ bản của công dân thì quyền tự do kinh doanh là một bộ phận quan trọng và được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, cũng như các đạo luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Để tiến hành các hoạt động kinh doanh, công dân phải chấp hành các nghĩa vụ mà pháp luật quy định chung cho các chủ thể kinh doanh và các nghĩa vụ riêng biệt cho từng đối tượng, loại hình, ngành nghề kinh doanh. Tóm lại, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh được thực hiện thì cần phải thể chế hoá bằng các quy định của pháp luật như: Điều 33 Hiến pháp năm 2013, Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi, bổ sung năm 2022, Luật Đầu tư năm 2020 sửa đổi, bổ sung năm 2022,...

Hoạt động khám phá**Khám phá 1: Đọc thông tin, các trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a) Mục tiêu: TN. 1, CD.1.1.

b) Nội dung: HS đọc thông tin, các trường hợp trong SGK trang 54 – 55 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS đánh giá được hành vi của chủ thể trong các trường hợp liên quan đến quyền tự do kinh doanh.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: Sử dụng dạy học cá nhân.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin, trường hợp trong SGK trang 54 – 55 và thực hiện yêu cầu: *Em hãy đánh giá hành vi của chủ thể trong các trường hợp trên có phù hợp với quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh công dân không. Giải thích vì sao.*

– Thực hiện nhiệm vụ: Trong quá trình HS đọc các thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời, ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện HS trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và chốt các ý theo nội dung của hoạt động liên quan đến quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong kinh doanh.

– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ.

– HS làm việc cá nhân và ghi phần trả lời của mình vào giấy A4.

– HS tham gia tích cực cùng với sự hỗ trợ của GV. HS nào được GV gọi trả lời, mạnh dạn trình bày và có thể đặt những câu hỏi để cả lớp cùng tham gia có tranh luận và phản biện hiệu quả.

– HS khác căn cứ vào câu trả lời của bạn có thể nhận xét, góp ý cho bạn để hoàn thiện câu trả lời.

– HS lắng nghe GV chốt nội dung bài học.

Gợi ý câu trả lời:

– Trường hợp 1: Hành vi của anh H trong các trường hợp 1 là không phù hợp với quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh của công dân. Bởi vì, anh H đã chủ động nhập thêm các mặt hàng không nằm trong danh mục đăng kí kinh doanh. Trong trường hợp này, nếu anh H có nhu cầu thay đổi, bổ sung ngành nghề đăng kí kinh doanh của cửa hàng thì cần phải gửi thông báo đến Phòng Đăng kí kinh doanh (ở nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định 01/2021/NĐ-CP để thông báo thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục II-1 ban hành kèm theo Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT).

– Trường hợp 2: Hành vi của bà N trong trường hợp 2 là không phù hợp với quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh của công dân. Bởi vì, bà N đã chủ động nhập hàng giả để kinh doanh. Bản thân bà N đã vi phạm hành chính và phải chịu trách nhiệm hành chính. Cụ thể, Chi cục Quản lý thị trường đã lập Biên bản xử phạt bà N số tiền 50 triệu đồng, đồng thời đã tiêu huỷ toàn bộ số hàng giả. Hành vi của bà N là đáng bị lên án vì sẽ để lại hậu quả cho người tiêu dùng, gây ảnh hưởng đến xã hội. Ngoài ra, theo Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về tội sản xuất, buôn bán hàng giả như sau:

1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các Điều 193, 194 và 195 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 1 tỉ đồng hoặc phạt tù từ 1 năm đến 5 năm:

a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hoá có cùng tính năng kĩ thuật, công dụng trị giá từ 30 triệu đồng đến dưới 150 triệu đồng hoặc dưới 30 triệu đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các Điều 188, 189, 190, 191, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác mà tỉ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

c) Thu lợi bất chính từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.

Như vậy, việc kinh doanh hàng giả có giá trị từ 30 triệu đồng đến dưới 150 triệu đồng hoặc dưới 30 triệu đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các Điều 188, 189, 190, 191, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật Hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì sẽ bị xử lý hình sự.

Khám phá 2: Đọc thông tin và trường hợp để thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: CD.1.1, TN.1.

b) Nội dung: HS đọc thông tin và trường hợp trong SGK trang 55 – 56 để thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS nêu được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ của công dân trong nộp thuế.

d) Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: GV sử dụng dạy học cá nhân và kĩ thuật tia chớp.

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin, trường hợp trong SGK trang 55 – 56 để thực hiện yêu cầu:

+ Em hãy phân tích hành vi vi phạm trong việc nộp thuế của anh D ở trường hợp.

+ Em hãy cho biết vì sao việc nộp thuế vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ của công dân.

– Thực hiện nhiệm vụ: Trong quá trình HS đọc thông tin, trường hợp, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời, ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ.

– HS làm việc cá nhân và ghi phần trả lời của mình vào giấy A4.

– HS tham gia tích cực cùng với sự hỗ trợ của GV. HS nào được GV gọi trả lời, mạnh dạn trình bày và có thể đặt những câu hỏi để cả lớp cùng tham gia có tranh luận và phản biện hiệu quả.

– HS khác căn cứ vào câu trả lời của bạn có thể nhận xét, góp ý cho bạn để hoàn thiện câu trả lời.

– Báo cáo nhiệm vụ: GV sử dụng kĩ thuật tia chớp để mời 1 – 3 HS đại diện trả lời nhanh. Các bạn trong lớp lắng nghe và nhận xét câu trả lời của bạn mình. – GV đánh giá, nhận xét câu trả lời của HS và rút ra kết luận.	– HS lắng nghe GV chốt ý.
Gợi ý câu trả lời: – Phân tích hành vi vi phạm trong việc nộp thuế của anh D trong trường hợp: Hành vi vi phạm trong việc nộp thuế của anh D là chưa nộp tiền thuế đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm. Theo đó, cơ sở pháp lí dựa trên khoản 3 Điều 17 Luật Quản lí thuế năm 2019. Đồng thời, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Quản lí thuế năm 2019 quy định các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp thuế gồm: Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn theo quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lí thuế, thời hạn ghi trong quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lí của cơ quan quản lí thuế. Như vậy, anh D phải nộp tiền thuế và tiền chậm nộp thuế. Việc tính tiền chậm nộp tiền phạt được quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định 125/2020/NĐ-CP. – Nộp thuế là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân vì những lí do sau: + Thứ nhất, chúng ta cần phải hiểu rằng, mọi tổ chức trong xã hội đều phải có nguồn kinh phí để hoạt động, trong khi đó, Nhà nước là một tổ chức xã hội đặc biệt, được xây dựng để bảo vệ người dân, vì những lợi ích của nhân dân nên cũng cần nguồn kinh phí để hoạt động. + Thứ hai, công dân là những người được Nhà nước phục vụ và bảo vệ nên công dân có nghĩa vụ phải đóng thuế cho Nhà nước. + Thứ ba, mọi chính sách của Nhà nước đều xây dựng dành cho toàn dân, nên công dân khi đóng thuế sẽ được hưởng những quyền lợi từ ngân sách nhà nước. + Thứ tư, Nhà nước dùng thuế là một công cụ để điều tiết thị trường, hướng dẫn tiêu dùng, đảm bảo cho sự công bằng giữa các nhóm lợi ích xã hội vì lợi ích của công dân. Vậy nên, mọi công dân cần phải biết những khoản thuế được thu đó đều được dùng vào việc phục vụ cho nhân dân. Do đó, nộp thuế là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, khi công dân nộp thuế theo quy định sẽ được hưởng những quyền lợi của Nhà nước. + Ví dụ về nghĩa vụ của người nộp thuế: Mọi công dân phải nộp thuế đầy đủ, đúng hạn, cụ thể với một số loại thuế như sau: thuế giá trị gia tăng khi mua hàng hoá; thuế nhập khẩu khi mua những sản phẩm từ nước ngoài; thuế thu nhập cá nhân cho cơ quan thuế khi có thu nhập lớn. + Ví dụ về quyền lợi của người nộp thuế: Người nộp thuế sẽ được hưởng những quyền lợi như sau: Sử dụng những công trình công cộng như: đường, công viên,...; được sử dụng hệ thống nước sạch do Nhà nước xây dựng; được sử dụng mạng lưới hệ thống điện; được hỗ trợ những vấn đề xã hội như hộ nghèo, khó khăn do thiên tai, bệnh tật,... Như vậy, nghĩa vụ và quyền lợi luôn đi kèm với nhau, khi đóng thuế đầy đủ thì người dân luôn được hưởng những quyền lợi.	
Tóm tắt ghi nhớ – GV gạch dưới hoặc tô đậm các ý phát biểu của HS đã rút thành từ khoá, câu để làm nền cho ghi nhớ. – GV tổ chức cho HS thực hiện sơ đồ tư duy ghi nhớ theo khung:	HS tự ghi kết luận do GV chốt ý: – Những quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế:

+ Những quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế: • Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh • Nghĩa vụ và quyền của công dân về nộp thuế. + Trách nhiệm của công dân về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	+ Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh: • Quyền: tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; lựa chọn hình thức, quy mô kinh doanh; quyền tự chủ kinh doanh (vốn, thị trường, khách hàng, lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, ...). • Nghĩa vụ: tuân thủ quy định của pháp luật về kinh doanh; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động trong doanh nghiệp và người tiêu dùng; tuân thủ các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường, an sinh xã hội. + Nghĩa vụ và quyền của công dân về nộp thuế: • Nghĩa vụ: đăng kí thuế, khai thuế, nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn. • Quyền: cung cấp thông tin để thực hiện quyền, nghĩa vụ nộp thuế; được giữ bí mật thông tin, trừ những thông tin phải cung cấp cho cơ quan thuế; được hưởng ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế, được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế;... – Mọi người phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, cũng như đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong kinh doanh và nộp thuế.
--	---

Hoạt động luyện tập

Nhiệm vụ 1: Bài tỏ quan điểm đối với các ý kiến

- Mục tiêu: CD.1.1, QVĐ – ST.1.
- Nội dung: HS đọc các ý kiến trong SGK trang 57 và bày tỏ quan điểm của bản thân.
- Sản phẩm: HS đưa ra được quan điểm cá nhân đối với các ý kiến trong SGK trang 57.
- Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: GV sử dụng dạy học hợp tác hoặc dạy học khám phá.

– Giao nhiệm vụ: GV chia lớp HS thành 6 nhóm. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy khổ A3. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc các ý kiến trong SGK trang 57 để bày tỏ ý kiến đồng tình hay không đồng tình và giải thích vì sao.

– HS thực hiện nhiệm vụ chia lớp thành 6 nhóm theo sự hướng dẫn của GV, nghiêm túc chấp hành nội quy trong nhóm.

+ Nhóm 1, 2, 3 tranh biện về các ý kiến đồng tình và giải thích vì sao. + Nhóm 4, 5, 6 tranh biện về các ý kiến không đồng tình và giải thích vì sao. – Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc nhóm, đọc các ý kiến, thảo luận để thống nhất và trình bày quan điểm của nhóm. – Báo cáo nhiệm vụ: GV mời HS đại diện các nhóm trình bày quan điểm của nhóm mình (mỗi nhóm sẽ có 2 phút để trình bày). Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. – GV đánh giá câu trả lời của HS và rút ra kết luận.	– Mỗi HS trong nhóm làm việc chung với nhau, từng HS đưa ra quan điểm, ý kiến và câu trả lời trong thời gian quy định. Sau đó cả nhóm thống nhất ý kiến, câu trả lời ghi lại vào giấy A3. – Đại diện mỗi nhóm HS lên trình bày phần làm việc của nhóm, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có). – HS lắng nghe GV chốt ý.
Gợi ý câu trả lời: – Ý kiến a: Đồng tình. Vì doanh nghiệp trả thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân phải có trách nhiệm thực hiện khai, nộp thuế thu nhập cá nhân cho nhân viên theo tháng, quý hoặc theo từng lần phát sinh. – Ý kiến b: Không đồng tình. Vì công dân có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; lựa chọn hình thức, quy mô kinh doanh. Bên cạnh đó, pháp luật cũng đưa ra những ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư năm 2020, sửa đổi, bổ sung năm 2022. – Ý kiến c: Đồng tình. Vì ngày nay, kinh doanh không chỉ quan tâm tìm kiếm cơ hội kinh doanh, gia tăng lợi nhuận mà còn phải đảm bảo trách nhiệm xã hội. Nhờ đó, các cá nhân, tổ chức mới có thể đạt tới thành công và đảm bảo sự phát triển bền vững. – Ý kiến d: Không đồng tình. Vì theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi, bổ sung năm 2022 thì doanh nghiệp được quyền tự do kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải đăng kí, thông báo với cơ quan đăng kí kinh doanh khi có thay đổi nội dung, thông tin đăng kí doanh nghiệp (thay đổi ngành, nghề kinh doanh, ...) theo Điều 31 của Luật này.	
Nhiệm vụ 2: Nhận xét và cho biết hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế của các chủ thể	
a) Mục tiêu: CD 1.2, QCVĐ – ST.1. b) Nội dung: HS nhận xét và cho biết hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế của chủ thể trong các trường hợp trong SGK trang 58. c) Sản phẩm: HS nhận xét và nêu được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế của các chủ thể. d) Tổ chức thực hiện:	
Gợi ý: GV sử dụng dạy học hợp tác hoặc dạy học khám phá. – Giao nhiệm vụ: Chia lớp thành các nhóm nhỏ, yêu cầu mỗi HS đọc các hành vi ở SGK trang 58, xác định hành vi vi phạm mà các chủ thể phải gánh chịu trách nhiệm pháp lí gì.	– HS thực hiện chia nhóm. Sau khi đã có nhóm, HS tiến hành thực hiện theo hướng dẫn của GV.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm và thực hiện yêu cầu. GV mời HS đại diện các nhóm trả lời, các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét câu trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát các nhóm thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định từng cá nhân trả lời. – Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.	– Mỗi HS trong nhóm làm việc chung với nhau, từng HS đưa ra quan điểm, ý kiến và câu trả lời trong thời gian quy định. Sau đó cả nhóm thống nhất ý kiến, câu trả lời ghi lại vào giấy A3. – Đại diện nhóm HS lên trình bày phần làm việc của nhóm, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có). – HS khác căn cứ vào câu trả lời của bạn có thể nhận xét, góp ý cho bạn để hoàn thiện câu trả lời. – HS lắng nghe GV chốt nội dung dạy học.
--	--

Gợi ý câu trả lời:

- Trường hợp a: Hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế so với thời gian quy định của chị B sẽ gây ra hậu quả là chị B bị xử phạt hành chính (căn cứ Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định về mức xử phạt đối với hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế).
- Trường hợp b: Hành vi nhập lậu các linh kiện điện tử để bán của doanh nghiệp B sẽ gây ra hậu quả là doanh nghiệp này bị xử phạt vi phạm hành chính. Đối với hành vi kinh doanh hàng hoá nhập lậu chưa đến mức xử lý hình sự thì áp dụng xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 15 Nghị định 98/2020/NĐ-CP.
- Trường hợp c: Hành vi muốn thành lập công ty nhưng không đủ điều kiện nên đã nhờ người khác đứng tên thay của chị M được xem là hành vi gian dối và bị cấm theo quy định của pháp luật, sẽ gây ra hậu quả là chị M bị xử phạt hành chính. Cụ thể: Phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với hành vi kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (căn cứ theo Điều 43 Nghị định 122/2021/NĐ-CP).
- Trường hợp d: Hành vi vi phạm nhờ bạn bè đứng tên cho một số khoản thu nhập để trốn thuế thu nhập cá nhân của chị H sẽ gây ra hậu quả là chị H bị xử phạt vi phạm hành chính (căn cứ theo Nghị định 125/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn). Tùy theo tính chất, mức độ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội trốn thuế theo Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- Trường hợp e: Hành vi vi phạm kê khai thông tin không chính xác, thiếu trung thực và nộp hồ sơ thuế không đúng hạn của doanh nghiệp A sẽ gây ra hậu quả là doanh nghiệp này bị xử phạt hành chính (căn cứ Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định về mức xử phạt đối với hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế).
- Trường hợp g: Hành vi vi phạm thoả thuận với công nhân ghi tiền lương trong hợp đồng lao động thấp hơn so với mức lương thực tế để trốn thuế của Công ty V sẽ gây ra hậu quả là công ty này sẽ bị xử phạt hành chính (căn cứ theo quy định tại Điều 17 Nghị định 125/2020/NĐ-CP). Tùy theo tính chất và mức độ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội trốn thuế theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bởi điểm a khoản 47 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2017.

Nhiệm vụ 3: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

- Mục tiêu: CD.1.3, TN.1.
- Nội dung: HS đọc trường hợp trong SGK trang 58 và trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm: HS nêu được trách nhiệm của công dân về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- Tổ chức thực hiện:

Gợi ý: GV sử dụng dạy học hợp tác và kĩ thuật khăn trải bàn.

– Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc trường hợp trong SGK trang 58 và trả lời câu hỏi. GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A3, yêu cầu HS viết câu trả lời trên giấy. Cụ thể như sau:



– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS thời gian để đọc trường hợp và viết câu trả lời của mình lên trên tờ giấy A3.
– Tổ chức, điều hành: GV mời HS đại diện các nhóm HS phát biểu câu trả lời.
– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

– HS lắng nghe nhiệm vụ và phản hồi về việc hiểu yêu cầu của nhiệm vụ.

– HS làm việc theo nhóm và ghi phần trả lời của mình vào giấy A3.

– HS tham gia tích cực cùng với sự hỗ trợ của GV. HS nào được GV gọi trả lời, mạnh dạn trình bày và có thể đặt những câu hỏi để cả lớp cùng tham gia có tranh luận và phản biện hiệu quả.

– HS khác căn cứ vào câu trả lời của bạn có thể nhận xét, góp ý cho bạn để hoàn thiện câu trả lời.

– HS lắng nghe GV chốt nội dung dạy học.

Gợi ý câu trả lời:

Chị H đã hướng dẫn chu đáo để giúp người nộp thuế hiểu thêm về các chính sách và thủ tục hành chính thuế, nhất là các quy định mới được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung. Chị H đã hỗ trợ cho nhiều cá nhân, tổ chức biết rõ các thông tin về thuế và giúp họ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế của mình. Như vậy, công dân cần phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, cũng như đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong kinh doanh và nộp thuế.

Hoạt động vận dụng

Nhiệm vụ 1: Thiết kế thông điệp về ý nghĩa của việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế

a) Mục tiêu: CD.1.3.

b) Nội dung: HS thiết kế thông điệp về ý nghĩa của việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

c) Sản phẩm: HS thiết kế được thông điệp về ý nghĩa của việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

d) Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm HS theo yêu cầu trong SGK trang 58.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV có thể giao HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Thời gian thực hiện trong 1 tuần, HS nộp bài trên trang Padlet.

- Tổ chức điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày sản phẩm vào buổi học sau.
- Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp nội dung HS trình bày và kết luận, đánh giá.

Gợi ý câu trả lời:

GV hướng dẫn HS thực hiện thiết kế thông điệp thông qua các sản phẩm như: tranh vẽ; infographic, tờ gấp,...

Nhiệm vụ 2: Viết bài phân tích, đánh giá về một hành vi vi phạm pháp luật trong thực tế về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế và rút ra bài học cho bản thân

a) Mục tiêu: CD.1.2.

b) Nội dung: HS viết một bài phân tích, đánh giá về một hành vi vi phạm pháp luật trong thực tế mà mình biết (có thể sưu tầm từ trên báo, mạng xã hội,...) về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế và rút ra bài học cho bản thân.

c) Sản phẩm: HS viết được một bài phân tích, đánh giá về một hành vi vi phạm pháp luật trong thực tế (có thể sưu tầm từ trên báo, mạng xã hội,...) về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; rút ra được bài học cho bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS viết một bài phân tích, đánh giá theo yêu cầu trong SGK trang 58.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV có thể giao nhiệm vụ cho HS thực hiện hoạt động này ở nhà, sau đó, tổ chức cho HS báo cáo, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau.
- Tổ chức điều hành: GV tổ chức cho HS nộp sản phẩm, sau đó, GV bốc thăm bất kì một số bài viết của HS và yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.
- Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp nội dung HS trình bày và kết luận, đánh giá.

Gợi ý câu trả lời:

GV hướng dẫn HS tham khảo dàn ý sau:

– Mở bài: Giới thiệu về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Đây còn là công cụ pháp lí để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm phạm quyền này.

– Thân bài:

+ Trình bày về những việc làm thể hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế của công dân:

- HS trình bày những việc làm thể hiện về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế của công dân trong đời sống.
- HS nêu ra những hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- HS đưa ra những nhận xét của bản thân về việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế và rút ra bài học cho bản thân.

– Kết bài:

+ Khẳng định ý nghĩa của quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế đối với sự phát triển của xã hội.

+ HS kêu gọi, đề xuất các phương án khắc phục những vấn đề còn tồn tại: Các cấp chính quyền cần có các chỉ đạo kịp thời, sát sao hơn trong công tác tuyên truyền các chính sách pháp luật cho người dân; Tăng cường kiểm tra, có những biện pháp răn đe, xử phạt nghiêm đối với những hành vi vi phạm,...

Hoạt động tổng kết	
a) Mục tiêu: Khắc sâu các YCCĐ về phẩm chất và năng lực đã xác định cho HS. b) Nội dung: Những quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; Trách nhiệm của công dân về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. c) Sản phẩm: HS đạt được các mức độ của YCCĐ về phẩm chất và năng lực của bài. d) Tổ chức thực hiện:	
– GV yêu cầu đại diện của các nhóm tổng kết về các nội dung: + Những quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế: • Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh. • Nghĩa vụ và quyền của công dân về nộp thuế. + Trách nhiệm của công dân về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. – GV nhận xét, đánh giá mức độ HS đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực. – GV động viên, giao nhiệm vụ tiếp nối.	– Đại diện các nhóm trình bày ý kiến tổng kết về nội dung bài học. – Các nhóm khác góp ý kiến để hoàn thiện – HS tiếp nhận ý kiến nhận xét, đánh giá của GV và nhận nhiệm vụ tiếp nối được giao.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

A. NỘI DUNG DẠY HỌC

- *Xác định nội dung dạy học:*
 - Những quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế:
 - + Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh.
 - + Nghĩa vụ và quyền của công dân về nộp thuế.
 - Trách nhiệm của công dân về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- *Kiến thức trọng tâm:*
 - Những quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế:
 - + Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh:
 - Quyền: Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; lựa chọn hình thức, quy mô kinh doanh; quyền chủ kinh doanh (vốn, thị trường, khách hàng, lĩnh vực đầu tư, kinh doanh,...).
 - Nghĩa vụ: Tuân thủ quy định của pháp luật về kinh doanh; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động trong doanh nghiệp và người tiêu dùng; tuân thủ các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường, an sinh xã hội.
 - + Nghĩa vụ và quyền của công dân về nộp thuế:
 - Nghĩa vụ: Đăng kí thuế, khai thuế, nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn.

- Quyền: Cung cấp thông tin để thực hiện quyền, nghĩa vụ nộp thuế; được giữ bí mật thông tin, trừ những thông tin phải cung cấp cho cơ quan thuế; được hưởng ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế, được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế;...

- Mọi người phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, cũng như đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong kinh doanh và nộp thuế.

B. CÁC HỒ SƠ KHÁC

GỢI Ý ĐỀ ĐÁNH GIÁ MINH HOẠ

Chủ đề/ Bài học: QUYỀN TỰ DO KINH DOANH VÀ NGHĨA VỤ NỘP THUẾ

1. Mục đích

Đánh giá mức độ HS đáp ứng YCCĐ về phẩm chất và năng lực sau khi học xong “Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế”.

2. Cấu trúc đề

Gồm 2 phần:

- Phần 1: Đánh giá thông qua quan sát thái độ, hành vi.
- Phần 2: Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập.

3. Nội dung đề minh họa

3.1. Đánh giá thông qua quan sát

Đánh giá phẩm chất chăm chỉ khi tham gia làm việc nhóm của HS, GV có thể thiết kế bảng kiểm theo dạng:

Bảng kiểm về thái độ: Tích cực làm việc nhóm
(Dùng cho HS tự đánh giá)

Tên học sinh:..... Lớp: Thời gian: Địa điểm:..... Người thực hiện:		
Biểu hiện	Có	Không
Hăng hái chia sẻ thông tin với các bạn		
Lắng nghe ý kiến của các bạn		
Chủ động thực hiện và hoàn thành công việc		
Nhiệt tình giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn		
.....		

Phiếu 1: RUBRICS ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

(Dùng cho GV đánh giá)

– Tên HS được nhận xét:

– Tên người nhận xét:

Tiêu chí	Mức độ đánh giá		
	Mức độ nhận biết		
	Kém	Trung bình	Tốt
1. Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Chưa nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế nhưng còn chưa đầy đủ.	Nêu được chính xác và đầy đủ các quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
Thang điểm: 20	0	10	20
2. Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Chưa phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Phân tích, đánh giá được một số hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế nhưng còn chưa đầy đủ.	Phân tích, đánh giá chính xác và đầy đủ những hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
Thang điểm: 20	0	10	20
3. Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Chưa nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Nhận biết được một số trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế nhưng còn chưa đầy đủ.	Nhận biết được chính xác và đầy đủ trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
Thang điểm: 20	0	10	20
4. Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Không vận động gia đình, người thân thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Vận động gia đình, người thân thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế nhưng chưa thường xuyên và hiệu quả.	Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế một cách thường xuyên và hiệu quả.
Thang điểm: 40	0	20	40
Tổng điểm: 100	0	50	100

Phiếu 2: PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP TÁC CỦA HỌC SINH TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM

– Người đánh giá:

– Người được đánh giá:

Tiêu chí	Các mức độ			
	A	B	C	D
1. Nhận nhiệm vụ	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm	– Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. – Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	– Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. – Đôi lúc, chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Còn ít có ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	– Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. – Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Ít cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và ít hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân và không hỗ trợ những thành viên khác trong nhóm.
4. Tôn trọng quyết định chung	Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.	Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm.
5. Kết quả làm việc	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.

3.2. Đánh giá thông qua nhiệm vụ học tập

– Nhiệm vụ số 1:

Hãy cùng nhóm bạn xây dựng một bản kế hoạch để tuyên truyền, vận động người dân nơi em sống thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

– Nhiệm vụ số 2:

Hãy sưu tầm một trường hợp vi phạm quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế trong thực tế mà em biết. Từ đó, phân tích hành vi vi phạm của chủ thể và cho biết hậu quả của hành vi đó.

Chịu trách nhiệm xuất bản
Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo
Phó Tổng biên tập NGUYỄN THÀNH ANH
Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định
TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: TRẦN THỊ MỸ TRIỀU

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ – TỐNG THANH THẢO

Thiết kế sách: HUỲNH THỊ TRÚC LINH

Sửa bản in: TRẦN THỊ MỸ TRIỀU

Chế bản: Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9
(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy theo sách giáo khoa
Giáo dục công dân 9 – Bộ sách Chân trời sáng tạo)

Mã số:

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB:

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: